

Số: **662** TB/VNECO-TCKT

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 4 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDK TP. HỒ CHÍ MINH**
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDK)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Công ty: **Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (VNECO)**

Mã chứng khoán: **VNE**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 0236 3562.361 Fax: 0236 3562.367

Người thực hiện công bố thông tin: Đoàn Đức Hồng - Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Số 344 Phan Châu Trinh, P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, TP.Đà Nẵng

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng):

Điện thoại: 0236 3562.361 Fax: 0236 3562.367

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường
 theo yêu cầu định kỳ.

Nội dung thông tin công bố:

Công bố Báo cáo thường niên Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam cho năm tài chính 2017.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của VNECO vào ngày 19/4/2018 tại địa chỉ website:

http://www.vneco.com.vn/Investors/AnnualReport/2017/BCTN_VNE_2017.pdf

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCKT

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐOÀN ĐỨC HỒNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN | 2017

BỀN VỮNG GIÁ TRỊ- VỮNG BƯỚC TƯƠNG LAI



MỤC LỤC

TẦM NHÌN - GIÁ TRỊ - SỨ MỆNH	2
THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HĐQT	3
PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG	4
PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	31
PHẦN 3: BÁO CÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI	51
PHẦN 4 : BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC.	60
PHẦN 5 : BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	72
PHẦN 6: QUẢN TRỊ CÔNG TY	75
PHẦN 7: BÁO CÁO TÀI CHÍNH	85



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM - VNECO

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Số điện thoại: (+84) 236 356 2361

Fax: (+84) 236 356 2367

Website: www.vneco.com.vn

VIETNAM ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION

Address: No. 344, Phan Chau Trinh Street, Binh Thuan Ward, Hai Chau District, Da Nang City

Telephone: (+84) 236 356 2361 Fax: (+84) 236 356 2367 Website: www.vneco.com.vn

TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ



Trở thành Tổng Công ty hàng đầu trong lĩnh vực kỹ thuật, xây lắp, cung cấp thiết bị trọn gói, chuyển giao công nghệ và đầu tư các dự án về nguồn điện, hệ thống lưới điện cho ngành điện, công nghiệp và hạ tầng tại Việt Nam.

With the VNECO's vision to become the leading Corporation in the fields of engineering, construction, whole set equipment supply, technology transfer and investment in the projects on power source, electrical grid for power sector, industry and infrastructure in Vietnam.



- Chung tay phát triển ngành điện Việt Nam.
- Mang điện đến mọi miền đất nước.
- Phát triển năng lượng xanh.
- Góp phần phát triển kinh tế quốc gia.
- Mang đến cơ hội phát triển cá nhân, chăm lo cuộc sống tinh thần và vật chất đầy đủ đến nhân viên.
- Nâng cao giá trị cho cổ đông.

- Developing the power sector of Vietnam together
- Bringing power to all areas nationwide
- Developing green energy
- Contributing to the national economic development
- Bringing personal development opportunities, take care of employees' spiritual and material life
- Improving values for shareholders



Giá trị văn hoá của toàn thể cán bộ công nhân viên VNECO

- Đổi mới
- Đồng đội
- Cố gắng

Giá trị văn hoá của cấp Quản lý

- Khát vọng
- Chính trực
- Trí - Tín

Cultural value of VNECO employees

- Improving
- Teamworking
- Dedicating

Cultural value of VNECO leaders

- Passion
- Integrity
- Intelligence - Trustworthiness

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa quý cổ đông

Năm 2017 hoạt động kinh doanh Tổng Công ty gặp nhiều khó khăn. Thị trường xây lắp điện cạnh tranh ngày càng gay gắt, nhiều dự án của chủ đầu tư chưa triển khai được hoặc bị lùi tiến độ thực hiện, công tác đền bù giải phóng mặt bằng thi công không thuận lợi, giá dự toán các gói thầu giảm dẫn đến lợi nhuận đạt được từ các công trình trúng thầu thấp. Mặc dù HĐQT và Ban điều hành đã tìm mọi giải pháp khắc phục nhưng kết quả kinh doanh của Tổng Công ty vẫn không đạt được như kỳ vọng. HĐQT và Ban điều hành đã nghiêm túc kiểm điểm, phân tích các nhân tố khách quan, chủ quan để có kế hoạch tốt hơn cho những năm tới.

Năm 2018 đối với hoạt động xây lắp vẫn còn nhiều thách thức, do vậy nhằm phát huy và đẩy mạnh những ưu thế, thế mạnh hiện có, khắc phục những hạn chế tồn tại, HĐQT và Ban điều hành tập trung chỉ đạo, điều hành các vấn đề cụ thể sau:

- Kiện toàn lại công tác nhân sự theo hướng tinh giảm và tinh nhuệ; đổi mới cơ chế quản lý nội bộ; thay đổi phương pháp điều hành sản xuất kinh doanh;
- Đẩy mạnh công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm; thay đổi cơ chế quản lý theo hướng tiết kiệm chi phí nhằm thích ứng với điều kiện cạnh tranh trên thị trường;
- Phối hợp chặt chẽ với các chủ đầu tư để thúc đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng trong việc triển khai thi công các công trình;
- Tăng cường đầu tư đổi mới trang thiết bị công nghệ sản xuất, nhằm tăng năng suất lao động, rút ngắn thời gian thi công công trình.

Ngoài ra, hướng tới mục tiêu phát triển ổn định, bền vững cho Tổng Công ty trong những năm tới, HĐQT và Ban điều hành đã và đang thúc đẩy nhanh quá trình cơ cấu, chuyển nhượng một số tài sản, dự án và các khoản đầu tư hiệu quả thấp để tái đầu tư vào các lĩnh vực, dự án mới có tiềm năng hơn. HĐQT và Ban điều hành xác định chiến lược của VNECO trong những năm tới là đầu tư để làm chủ một số dự án nguồn điện năng lượng tái tạo điện gió, điện mặt trời, nhằm từng bước chuyển dịch tỷ trọng doanh thu, lợi nhuận trong cơ cấu kinh doanh, từng bước giảm phụ thuộc vào hoạt động xây lắp.

Kính thưa Quý cổ đông, tôi tin rằng, với kinh nghiệm và truyền thống vượt khó của CBCNV Tổng Công ty, cùng sự giúp đỡ tích cực và đồng hành của Quý vị, Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam sẽ sớm vượt qua khó khăn thách thức để có những bước phát triển bền vững trong những năm tới.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các thành viên HĐQT, Ban điều hành cùng toàn thể cán bộ nhân viên trong tổ hợp VNECO đã nỗ lực không ngừng trong công việc. Tôi xin cảm ơn sự tin tưởng và ủng hộ của các đối tác, sự đồng hành và thấu hiểu và chia sẻ của Quý cổ đông. Kính chúc Quý vị mạnh khỏe, thành công. Chúc cho sự hợp tác, đồng hành của chúng ta ngày càng tốt đẹp.

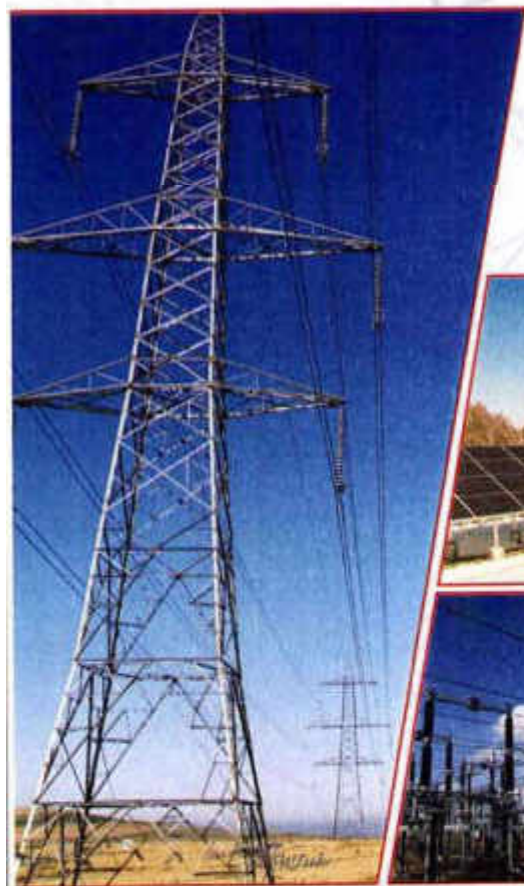
Trân trọng!



PHẦN 1

THÔNG TIN CHUNG

Giới thiệu	5
Quá trình hình thành phát triển	6
Thành tích đạt được	8
Ngành nghề địa bàn kinh doanh	9
Mô hình hoạt động	20
Sơ đồ tổ chức, công ty con, liên kết	22
Định hướng phát triển	24
Rủi ro	28



Tên công ty: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM**

Tên giao dịch: VIETNAM ELECTRIC CONSTRUCTION JSC

Tên viết tắt: **VNECO**

Giấy CNĐKKD: Số 0400101450, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 01 tháng 02 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Vốn điều lệ: **904.329.530.000 đồng**

Vốn đầu tư
của chủ sở hữu: **904.329.530.000 đồng**

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng

Số điện thoại: +84 (0)236 356 2361

Số Fax: +84 (0)236 356 2367

Email: info@vneco.com.vn

Website: vneco.com.vn

Mã cổ phiếu: VNE

Logo:  **VNECO**
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN



Ngày 22/02/1988 Công ty Xây lắp điện 3 được thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty Xây lắp đường dây và Trạm 3 và Công ty Xây lắp đường dây và Trạm 5

Hoàn thành 531 km đường dây 500kV Bắc - Nam
Hoàn thành 40 km đường dây 500kV Yaly - Pleiku

Nhà máy gia công chế tạo và mạ kẽm nhúng nóng kết cấu thép và cột thép tại Đà Nẵng với công suất 10.000 tấn năm đi vào hoạt động

1988

1994

1997

1998

2001

2002

Công ty Xây lắp điện 3 là Công ty hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam).

Trực thuộc Tổng Công ty xây dựng Công nghiệp Việt Nam. Vốn điều lệ: 8,377 tỷ đồng

Công ty Xây lắp điện 3 được tổ chức lại thành Công ty mẹ Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp thí điểm hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Tăng vốn điều lệ lên 74,780 tỷ đồng



Nhà máy gia công chế tạo và mạ kẽm nhúng nóng, kết cấu thép và cột thép tại Thành phố Hồ Chí Minh công suất 15.000 tấn/năm. Cải tạo các nhà máy thép tại Quy Nhơn, Vinh đi vào hoạt động nâng công suất gia công toàn Tổng công ty lên 35.000 tấn/năm

Khách sạn Xanh Nha Trang, Khách sạn Xanh Nghệ An đạt chuẩn 3 sao đi vào hoạt động

Hoàn thành 488,582km của 6 đường dây 500kV Phú Mỹ - Nhà Bè - Phú Lâm, Pleiku - Phú Lâm, Pleiku - Đốc Sỏi - Đà Nẵng, Đà Nẵng - Hà Tĩnh, Hà Tĩnh - Thương Tín, Nhà Bè - Ô Môn.

Tăng vốn từ 150 tỷ đồng lên 320 tỷ đồng

niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh Khách sạn Xanh Huế với tiêu chuẩn 4 sao đi vào hoạt động

SCIC chuyển nhượng toàn bộ 18,9 triệu cổ phiếu VNE cho CTCP Khải Toàn (17,17% cổ phần) và bà Đinh Thị Bích Phượng (12,55%)

Tăng vốn điều lệ từ 637 tỷ đồng lên 823 tỷ đồng

Thu hút vốn tại các đơn vị thành viên: Công ty VNECO5, VNECO6, VNECO11, Công ty Tư vấn và Xây dựng VNECO, Công ty CP Du lịch Xanh Nghệ An

2004 **2005** **2007** **2010** **2015** **2016**

Cổ hữu hóa, chuyển đổi Công ty Xây lắp điện 3 (Công ty mẹ Nhà nước) thành Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

Đẩy mạnh hoạt động đầu tư các nhà máy thủy điện

Tăng vốn điều lệ từ 320 tỷ đồng lên 637 tỷ đồng

Tăng vốn điều lệ từ 823 tỷ lên 904 tỷ đồng



Huân chương
Độc lập hạng Nhì (1994)
Second-Class Independent
Medal (1994)



Huân chương
Độc lập hạng Ba (1998)
Third-Class Independent
Medal (1998)



Huân chương
Lao động hạng Nhất
First-Class Labor Medals



Huân chương
Lao động hạng Nhì
Second-Class Labor Medals



Huân chương
Lao động hạng Ba
Third-Class Labor Medals



06 Cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ tặng

Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam tặng 05 cờ đơn vị xuất sắc

Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tặng 03 cờ thi đua xuất sắc

Tổng Công ty đã được tặng hàng trăm bằng khen của UBND các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên, Nam Bộ và các ban ngành Trung ương

Thành ủy Đà Nẵng công nhận Đảng bộ Tổng Công ty đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh tiêu biểu.
Bộ trưởng Bộ tài chính và Tổng Cục Thuế khen tặng về thành tích chấp hành tốt chính sách thuế.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề đăng ký kinh doanh

- 💡 Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 500 KV, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp dân dụng, công trình giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hóa, thể thao, sân bay, bến cảng;
- 💡 Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;
Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông khác; Sản xuất, kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; kinh doanh các mặt hàng trang trí nội ngoại thất, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất, kinh doanh xăng dầu;
- 💡 Thí nghiệm hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện;
- 💡 Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, bao gồm lập và thẩm định dự án đầu tư; khảo sát đo đạc, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình; tư vấn quản lý dự án; tư vấn đầu tư và hợp đồng kinh tế, tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;
- 💡 Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công; dây chuyền công nghệ và các thiết bị công nghiệp khác;
- 💡 Đào tạo công nhân kỹ thuật, chuyên gia, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển của doanh nghiệp;
- 💡 Đầu tư nhà máy thủy điện độc lập, kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái;
- 💡 Đầu tư tài chính; Sản xuất và kinh doanh điện;
- 💡 Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản;
- 💡 Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; kinh doanh lễ hành nội địa và quốc tế;
- 💡 Kinh doanh vận tải, kinh doanh vận tải khách (đường thủy, đường bộ) theo hợp đồng;
- 💡 Kinh doanh sửa chữa xe máy thi công và phương tiện vận tải;
- 💡 Kinh doanh lắp đặt thiết bị điện, điện tử viễn thông, điện gia dụng;
- 💡 Kinh doanh thiết bị văn phòng, thiết bị vệ sinh;
- 💡 Kinh doanh bánh kẹo, rượu, bia, thuốc lá, thuốc lá điếu sản xuất trong nước, hóa mỹ phẩm;
- 💡 Kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản, thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm bằng gỗ, đồ dùng cá nhân và gia đình;
- 💡 Cho thuê văn phòng và mặt bằng kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh chính

Trải qua gần 30 năm hình thành phát triển, VNECO hiện nay tập trung vào 4 lĩnh vực kinh doanh chính gồm: xây lắp điện, sản xuất công nghiệp, bất động sản du lịch và đầu tư dự án nguồn điện.

Thi công xây lắp công trình điện

Thi công xây lắp là lĩnh vực kinh doanh cốt lõi và là thế mạnh truyền thống của VNECO từ khi thành lập đến nay. VNECO đã thực hiện thi công xây lắp hàng chục nghìn km đường dây từ 110kV, 220kV đến 500kV, nhiều trạm biến áp 220kV, 500kV, cùng nhiều công trình truyền tải điện đường dây khác.

Thế mạnh của VNECO là kinh nghiệm thi công, giám sát thi công, cùng máy móc thiết bị hiện đại, cho phép thực hiện đồng thời nhiều dự án đường dây và trạm biến áp có quy mô lớn và phức tạp đến 500kV.

Từ vị trí là nhà thầu xây lắp, đến nay, VNECO đã vươn lên trở thành đơn vị có đầy đủ năng lực tham gia và thực hiện các dự án tổng thầu EPC xây lắp điện.



Danh mục các công trình đã và đang thi công

TT	Tên Công trình	Chiều dài/ công suất (km/kVA)	Năm hoàn thành
I	Đường dây 500kV		
1	ĐZ 500 Kv Bắc - Nam	524	1992 - 1994
2	ĐZ 500kV Yaly - Pleiku	40	1997- 1999
3	ĐZ 500kV Pleiku - Phú Lâm	134.623	2001- 2006
4	ĐZ 500Kv Phú Mỹ- Nhà Bè- Phú Lâm	11.483	2001- 2006
5	ĐZ 500Kv Pleiku- Đốc Sỏi - Đà Nẵng	76.567	2001- 2006
6	ĐZ 500kV Đà Nẵng - Hà Tĩnh	152.01	2001- 2006
7	ĐZ 500kV Hà Tĩnh - Thường Tín	89.584	2001- 2006
8	ĐZ 500kV Nhà Bè - Ô Môn (đoạn Ô Môn - Cai Lậy)	24.585	2001- 2006
9	Đz 500kv Quảng Ninh - Thường Tín	23.96	2007- 2009
10	Đz 500kV Quảng Ninh - Hiệp Hòa (lô 8.1)	34.504	2012-2014
11	Đz 500kV Quảng Ninh - Hiệp Hòa (lô 8.2)	34.494	2012-2014
12	Đz 500kV Vĩnh Tân - Sông Máy	35.2	2010-2014
13	Đz 500kV Pleiky - Mỹ Phước - Cầu Bông	67	2010-2014
14	Đz 500kV Phú Mỹ - Sông Máy	29.57	2009-2013
15	Đz Đz 500kV Sơn La - Lai Châu (gói thầu số 9 và 12)	33.552	2013-2015
16	Đz 500kV Long Phú - Ô Môn	17.078	2014-2016
17	TBA 500kV Duyên Hải	450MVA	2013-2015
18	Đz 500kV Duyên Hải - Mỹ Tho	29.45	2014-2016
19	Đz 500kV Dự án Xây dựng đường Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi	5.4	2014-2016
20	TBA 500kV Pleiku 2	3.453	2015-2016
21	Đz 500kV Sông Máy - Tân Uyên	5.3	2015-2017
22	Đz 500kV Vĩnh Tân - Rẽ Sông Máy - Tân Uyên	33.7	2015-2017
23	TBA 500kV Tân Uyên và đấu nối	300MVA	2015-2017
24	Đz 500kV Mỹ Tho-Đức Hòa	17.08	2016-2018
25	Đz 500kV Đấu nối NMNĐ Thăng Long	4.37	2016-2017
26	ĐZ 500/ 220kV Hiệp Hòa - Đồng Anh- Bắc Ninh 2	8.01	2016-2017

TT	Tên Công trình	Chiều dài/ công suất (km/kVA)	Năm hoàn thành
II Đường dây 220kV			
1	ĐZ 220kV Vinh – Đồng Hới	214	
2	ĐZ 220kV Quy Nhơn – Pleiku	76	
3	ĐZ 220kV Pleiku – KrôngBúk	102.4	
4	ĐZ 220kV KrôngBúk – Nha Trang	147	
5	ĐZ 220kV Đà Nẵng – Hoà Khánh	13.3	
6	ĐZ 220kV Hàm Thuận – Bảo Lộc	28	
7	ĐZ 220kV Ninh Bình – Thanh Hoá	28.415	
8	ĐZ 220kV Hoà Khánh – Huế	82.17	
9	ĐZ 220kV đấu nối sau TBA 500kV Hà Tĩnh	7.34	
10	ĐZ 220kV Rạch Giá – Bạc Liêu	50	
11	ĐZ 220kV Đa Nhim – Nha Trang	113.33	
12	ĐZ 220kV Đà Nẵng – Dốc Sỏi	104.6	
13	ĐZ 220kV Đa Nhim – Long Bình	6.44	
14	ĐZ 220kV Cà Mau – Ô Môn (đoạn 4 mạch)	29.702	
15	ĐZ 220kV Thốt Nốt – Châu Đốc-Tĩnh Biên	96.198	
16	Nâng cấp ĐZ 220kV Thủ Đức – Long Bình	5.232	
17	ĐZ 220 kV Thanh Thủy - Hà Giang – Tuyên Quang	35	
18	ĐZ 220kV Tuyên Quang – Yên Bái (VT: 1 -> VT:65)	38	
19	Đz 220kV Tuy Hòa - Nha Trang (đoạn từ ĐĐ-G33)	38.82	2007- 2009
20	Đz 220kV Tuy Hòa - Nha Trang (đoạn từ G33-G50) 29,41km	29.41	2007- 2009
21	Đz 220kV Hạ Sông Ba - Tuy Hòa 35,46km	35.46	2007- 2009
22	Đz 220kV Quy Nhơn - Tuy Hòa (đoạn từ ĐĐ-G34) 46,85km	46.85	2007- 2009
23	Đz 220kV Thanh Hóa - Vinh	32.76	2011-2014
24	Đz 220kV Vũng Áng - Hà Tĩnh (gói 6.2 và 6.4)	40.735	2011-2013
25	Đz 220kV Duyên Hải - Trà Vinh	45.7	2012-2014
26	Đz đấu nối 110/220 vào TBA Sông Mây	8.2	2011-2014
27	Đz 220kV Vinh Tân - Phan Thiết	53	2012-2014
28	Đz 220kV Phan Thiết - Phù Mỹ 2	46.67	2013-2016

TT	Tên Công trình	Chiều dài/ công suất (km/kVA)	Năm hoàn thành
29	Đz 220kV Duyên Hải - Mỏ Cày	1.8	2014-2015
30	Đz 220kV Văn Trì - Chèm	17	2012-2015
31	Đz 220kV Nhiệt điện Thái Bình	9	2013-2015
32	Đz 220kV Long Phú - Sóc Trăng	17.8	2014-2016
33	TBA 220kV Kon Tum và đấu nối	125MVA	2014-2015
34	220kV Vũng áng - Ba Đồn - Đồng Hới	26.8	2014-2015
35	Đz 220kV An Khê - Quy Nhơn	25.776	2014-2015
36	Đz 220kV Đà Nẵng - Quận 3	13.39	2014-2016
37	Đz 220kV Xekaman 1 (Hutxan) - Pleiku 2 lô 8.1	33.988	2015-2016
38	Đz 220kV Xekaman 1 (Hutxan) - Pleiku 2 lô 8.2	40.45	2015-2016
39	Đz 220kV Thái Bình - Trạm 220kV Thái Bình	2.3	2014-2015
40	Đz 220kV Vinh Tường	4.1	2014-2016
41	Đz 220kV Hòa Bình - Tây Hà Nội	14.2	2015-2016
42	Đz 220kV Nhà máy Thủy điện Hồi Xuân - đấu nối vào HT điện Quốc gia	15.394	2013-2016
43	Đz đấu nối vào TBA 500kV Tân Uyên T	4.7	2016-2017
44	Đz 220kV Cầu Bông-Bình Tân	2.7	2016-2017
45	ĐZ 220kV Thái Bình-Tiền Hải-Trực Ninh	8.01	2016-2017
46	Đz 220kV Di Linh-Bảo Lộc	9.75	2016-2017
47	Đz 220kV đấu nối TBA 500kV Đức Hòa	22.1	2018-2019
III Đường dây dưới 220kV			
1	ĐZ 110kV Hà Đông - Sơn Tây	38.20	
2	ĐZ 110kV đấu nhánh rẽ vào trạm 220kV Sơn Tây	4.20	
3	Treo dây mạch 2 ĐZ 110kV Quỳnh Lưu-Điện Châu-Cửa Lò-Hung Đông	63.20	
4	Đz Nho Quan-Thanh Hóa	14.96	
5	Đấu nối 110kV Sau TBA Phong Điền	7.00	
6	ĐZ 110kV Nha Trang-Ninh Hòa	33.70	

TT	Tên Công trình	Chiều dài/ công suất (KM/KVA)	Năm hoàn thành
IV	Trạm biến áp 220kV		
1	Trạm biến áp 220kV Vinh	125	
2	Trạm biến áp 220kV Đồng Hới	63	
3	Trạm biến áp 220kV Quy Nhơn	63	
4	Trạm biến áp 220kV Đa Nhim	63	
5	Trạm biến áp 220kV KrôngBúk	63	
6	Trạm biến áp 220kV Nha Trang	123	
7	Trạm biến áp 220kV Vinh (MR)	125	
8	Trạm biến áp 220kV Huế	125	
9	Trạm biến áp 220kV Hoà Khánh	125	
10	Trạm biến áp 220kV Đốc Sỏi	63	
11	Trạm biến áp 220kV Quy Nhơn (MR)	125	
12	Trạm biến áp 220kV Nha Trang (MR)	125	
13	Trạm biến áp 220kV Long Xuyên 2 & Đz đấu nối	250MVA	
14	Trạm biến áp 220kV Phù Mỹ	250MVA	
V	Trạm biến áp 110kV		
1	Trạm biến áp 110kV Xuân Hà	50	
2	Trạm biến áp 110kV Đồng Hới	16	
3	Trạm biến áp 110kV Huế	25	
4	Trạm biến áp 110kV Đông Hà	16	
5	Trạm biến áp 110kV Quảng Ngãi	5	
6	Trạm biến áp 110kV Cam Ranh	16	
7	Trạm biến áp 110kV Văn Xá	25	
8	Trạm biến áp 110kV Quy Nhơn 2	40	
9	Trạm biến áp 110kV Tuy Hoà 2	25	
10	Trạm biến áp 110kV Đồn Phớ	16	
11	Trạm biến áp 110kV Hoà Khánh + đấu nối	25	
12	Trạm biến áp 110kV Hà Tĩnh (M2)	25	
13	Trạm biến áp 110kV Linh Cảm	25	
14	Trạm biến áp 110kV Bến Thủy	25	
15	Trạm biến áp 110kV Liên Trì	25	
16	Trạm biến áp 110kV Vinh Long (MR)	25	

TT	Tên Công trình	Chiều dài/ công suất (kM/kVA)	Năm hoàn thành
17	Trạm biến áp 110kV Dung Quất	25	
18	Trạm biến áp 110kV Cầu Đỏ (MR)	25	
19	Trạm biến áp 110kV An Đồn	25	
20	Trạm biến áp 110kV Ba Đồn	25	
21	Trạm biến áp 110kV Diên Hồng	25	
22	Trạm biến áp 110kV Sóc Trăng (M2)	40	
23	Trạm biến áp 110kV Tháp Chàm (M2)	25	
24	Trạm biến áp 110kV Sóc Trăng	40	
25	Trạm biến áp 110kV Điện Ngọc	40	
26	Trạm biến áp 110kV Phù Cát	25	
27	Trạm biến áp 110kV Vĩnh Linh	25	
28	Trạm biến áp 110kV Liên Chiểu	40	
29	Trạm biến áp 110kV Suối Dầu	25	
30	Trạm biến áp 110kV Eakar	25	
31	Trạm biến áp 110kV Cầu Hai	25	
32	Trạm biến áp 110kV Phù Cát	25	
33	Trạm biến áp 110kV Lao Bảo & ngăn xuất tuyến	25	
34	Trạm biến áp 110kV Eakar & ngăn xuất tuyến	25	
35	Trạm biến áp 110kV Đắc Tô & ngăn xuất tuyến	16	
36	Trạm biến áp 110kV Lệ Thủy & nhánh rẽ	25	
37	Trạm biến áp 110kV Hoà Khánh (MR)	25	
38	Trạm biến áp 110kV Kon Tum (MR)	25	
39	Trạm biến áp 110kV Cư Jút	25	
40	Trạm biến áp 110kV Lăng Cô	25	
41	Trạm biến áp 110kV Xi măng Sông Gianh	25	
42	TBA 110kV Đăk Hà và nhánh rẽ	40MVA	2016-2017
V	Các công trình thủy điện		
1	Nhà máy Thủy điện Khe Diên	9MW	2013-2007
2	Nhà máy Thủy điện Krông-H'Năng	64MW	2005-2008
3	Nhà máy Thủy điện Hời Xuân		

Sản xuất công nghiệp

Các sản phẩm chính của Tổng Công ty trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp bao gồm sản xuất cột điện, gia công cơ khí, mạ kẽm nhúng nóng, kết cấu thép, khung nhà tiền chế và sản xuất cột điện bê tông ly tâm, sản xuất gạch block các loại.

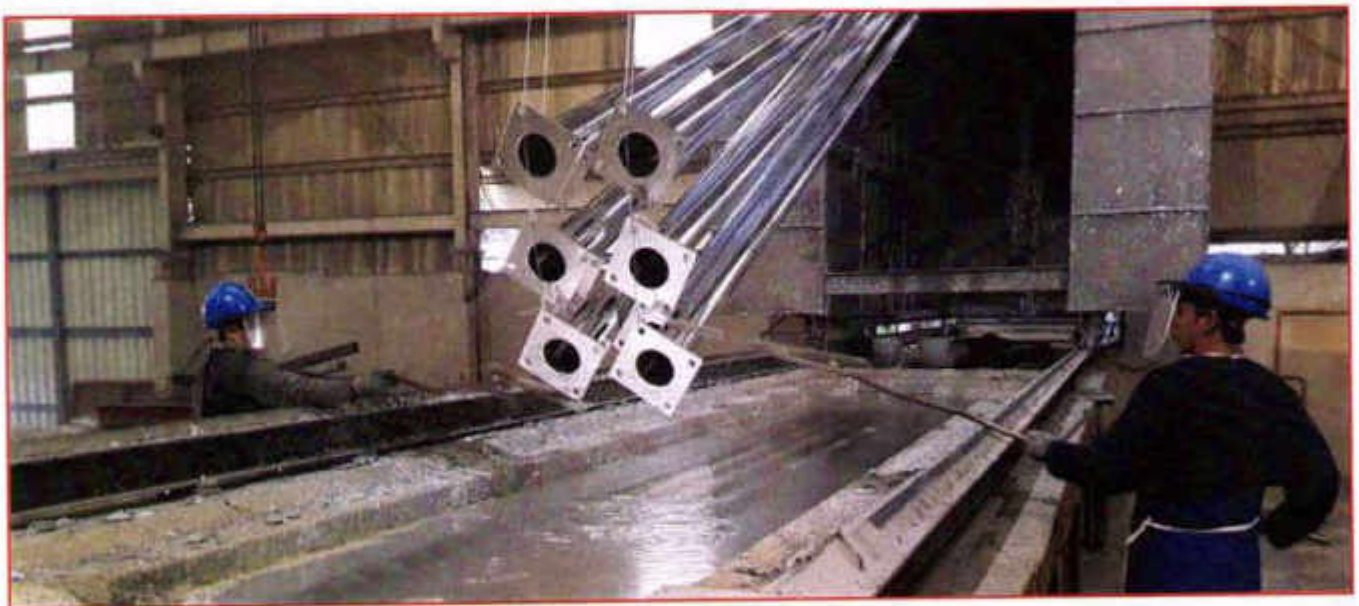
Sản xuất cột điện, Gia công cơ khí - Mạ kẽm nhúng nóng, Kết cấu thép, Khung nhà tiền chế.

VNECO có các đơn vị thành viên có dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng, được trang bị các máy công cụ điều khiển kỹ thuật số tự động và dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng tiên tiến của Đức chế tạo vào năm đầu của thế kỷ 21. Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm ISO:9001 - 2000. Các sản phẩm cơ khí của VNECO đa dạng về chủng loại như khung nhà tiền chế, trụ tháp cao, cột điện, đường dây tải điện, xà giá trụ đỡ cho thiết bị điện và các sản

phẩm cơ khí khác..., đặc biệt năng suất gia công lớn và độ chính xác cao nhờ hệ thống máy cắt đột liên hợp thép hình đều cạnh điều khiển tự động của Pháp.

Sản xuất cột điện bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông ly tâm các loại.

VNECO có các đơn vị thành viên có dây chuyền sản xuất cột bê tông, và các sản phẩm bê tông ly tâm đúc sẵn. Sản phẩm bê tông ly tâm do VNECO sản xuất có chất lượng cao, được Trung tâm kỹ thuật đo lường khu vực 1 (Quatest 1) cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn và được sử dụng trong các công trình đường dây và trạm tại khắp các tỉnh thành đất nước.



Dịch vụ du lịch và Bất động sản

Ngoài lĩnh vực kinh doanh chính, VNECO còn mở rộng đầu tư vào lĩnh vực du lịch và bất động sản. Mặc dù không phải lĩnh vực kinh doanh chính nhưng cũng đã đạt được những thành công nhất định, mang lại nguồn thu lớn đóng góp cho sự phát triển bền vững của Tổng Công ty.

VNECO hiện đang sở hữu và khai thác 2 khách sạn trong chuỗi khách sạn Xanh:

Khách sạn Xanh Huế - Nhà hàng Elegant, Nhà hàng Dynasty, Lobby bar, Nhà hàng Royal

Địa chỉ: Số 2 Lê Lợi - Tp Huế - TT Huế

Tel: (84)54 2220555

Fax: (84)54 2220272

Mail: smm@greenhotel-hue.com

Website: www.greenhotel-hue.com

Tọa lạc trên đường Lê Lợi, khu vực trung tâm của Thành phố Huế. Khách sạn Xanh Huế với không gian rộng rãi gần 12.000m² cùng hệ thống cơ sở dịch vụ tiêu chuẩn 4 sao quốc tế với 3 nhà hàng ẩm thực, các cửa hàng dịch vụ kèm theo cung cấp cho du khách nhiều tiện ích khi tham quan và nghỉ dưỡng tại thành phố Huế.



Khách sạn Xanh Đà Nẵng:

Số 64 Hoàng Văn Thái, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

Tel: (84)236 3842055

Fax: (84)236 3842058

Mail: info@greenhoteldn.com.vn

Website: www.greenhoteldn.com.vn

Khách sạn Xanh Đà Nẵng là một khách sạn đạt tiêu chuẩn 3 sao Quốc Tế với hệ thống lưu trú gồm 84 phòng (49 phòng Deluxe, 4 phòng Suite, 6 phòng Villa, 25 phòng Standard), được thiết kế sang trọng đầy đủ các tiện nghi, dịch vụ bổ sung đảm bảo chất lượng và phong cách phục vụ chuyên nghiệp; Nhà hàng tiệc cưới Hoa Sứ sức chứa 450 khách và nhà hàng Draff Beer. Khách sạn Xanh tọa lạc trên đường Hoàng Văn Thái - Thành phố Đà Nẵng, cách bến xe trung



tâm của thành phố chỉ khoảng 5 phút, nằm trên trục đường đi Bana Hills, núi Thần Tài, cách nhà Ga Đà Nẵng và sân bay quốc tế Đà Nẵng chỉ 10 phút. Nhà hàng của Khách Sạn Xanh Đà Nẵng có sức chứa từ 200 đến 1000 khách. Phục vụ các món ăn từ phong cách Châu Âu, Á hiện đại mang đến những hương vị đậm bản sắc truyền thống quê hương Việt Nam.

Dự án Khu đô thị mới Mỹ Thượng

Vị trí đầu tư: xã Phú Mỹ và Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế

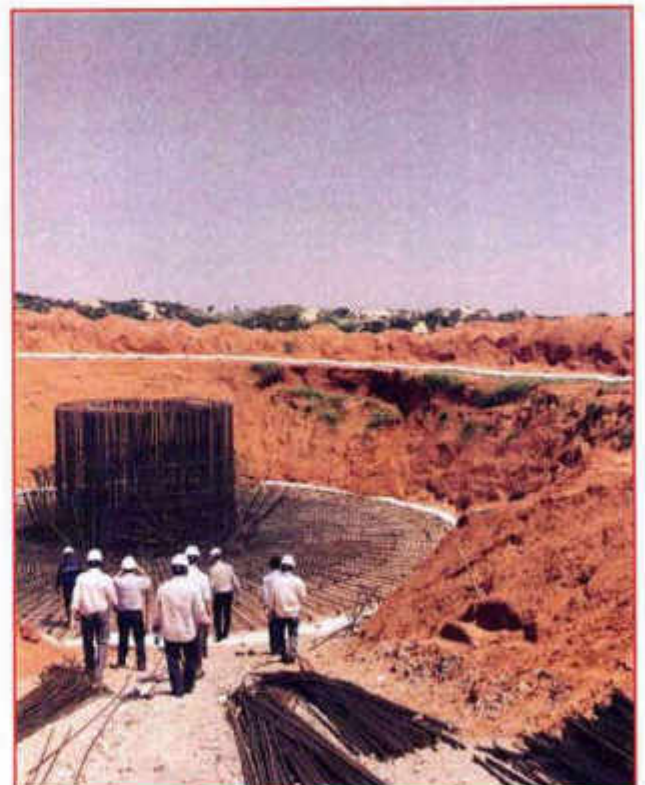
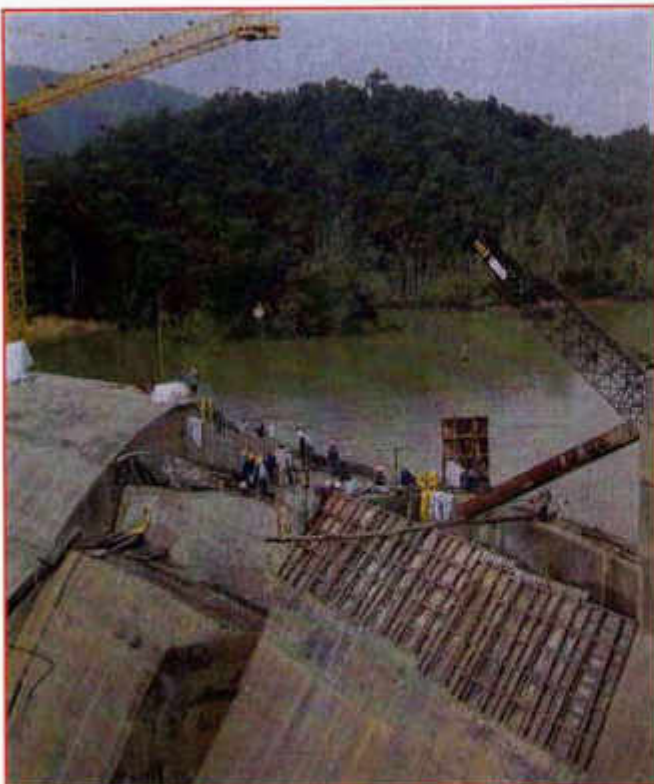
Tổng mức đầu tư: 832 tỷ đồng

Quy mô diện tích: 43,1 ha (trong đó Quỹ đất được giao nhà phố 925 lô, biệt thự 73 lô, đất thương mại dịch vụ : 3 lô)



Đầu tư nguồn điện

Đầu tư nguồn điện: Thực hiện tổng thầu một số dự án nhà máy điện năng lượng tái tạo; làm chủ đầu tư và chủ sở hữu các dự án năng lượng tái tạo như Dự án nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong, nhà máy điện mặt trời VNECO-Hòa Thắng 4.1, nhà máy điện mặt trời VNECO-Hòa Thắng 4.2 tại tỉnh Bình Thuận, nhà máy điện mặt trời VNECO-Vĩnh Long tại tỉnh Vĩnh Long.



ĐỊA BÀN KINH DOANH

Địa bàn hoạt động của VNECO trải rộng khắp cả nước: các công trình xây lắp điện khu vực phía Nam (đường dây 500kV Long Phú-Ổ Môn, đường dây 500kV Mỹ Tho-Đức Hòa, đường dây 500kV Sông Mỹ-Tân Uyên...); các công trình xây dựng, xây lắp điện khu vực miền Trung và Tây Nguyên (Trạm biến áp Phù Mỹ, đường dây 200kV Di Linh-Bảo Lộc, đường dây 200kV Sông Tranh 2-Tam Kỳ; các công trình xây dựng, xây lắp điện khu vực phía Bắc (đường dây 500/220kV Hiệp Hòa-Đồng Anh-Bắc Ninh 2, đường dây Hà Đông-Sơn Tây,.....).

23 công trình đường dây 500kV
với tổng chiều dài **1500km**

42 công trình đường dây 220kV
với tổng chiều dài **1800km**

1.578km tổng chiều dài đường dây 110kV

4.400km tổng chiều dài đường dây 35kV, 22kV

Đã tham gia xây dựng:

03 trạm biến áp 500kV
với dung lượng từ 300MVA đến 450MVA,

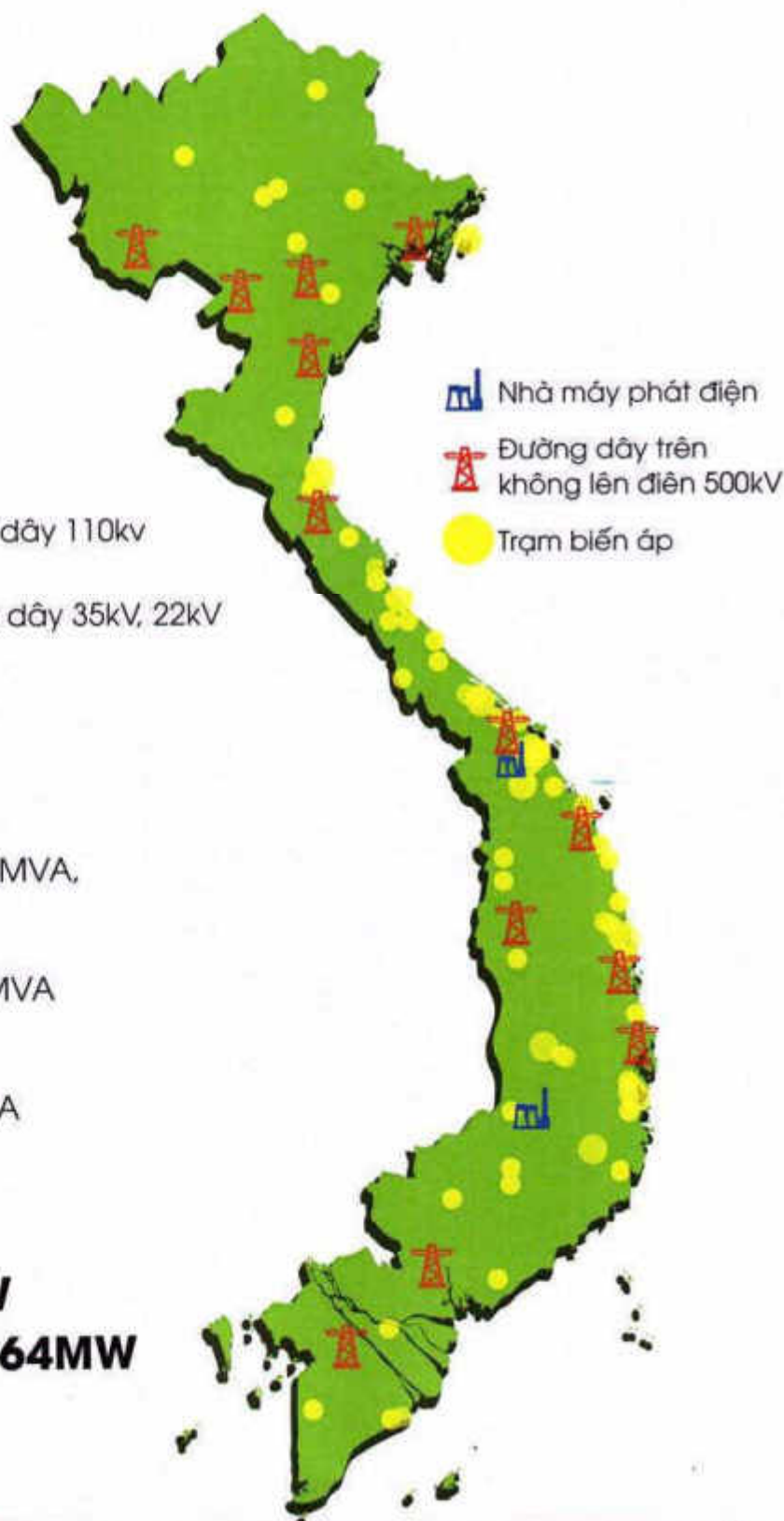
12 trạm biến áp 220kV
với dung lượng từ 63MVA đến 125MVA

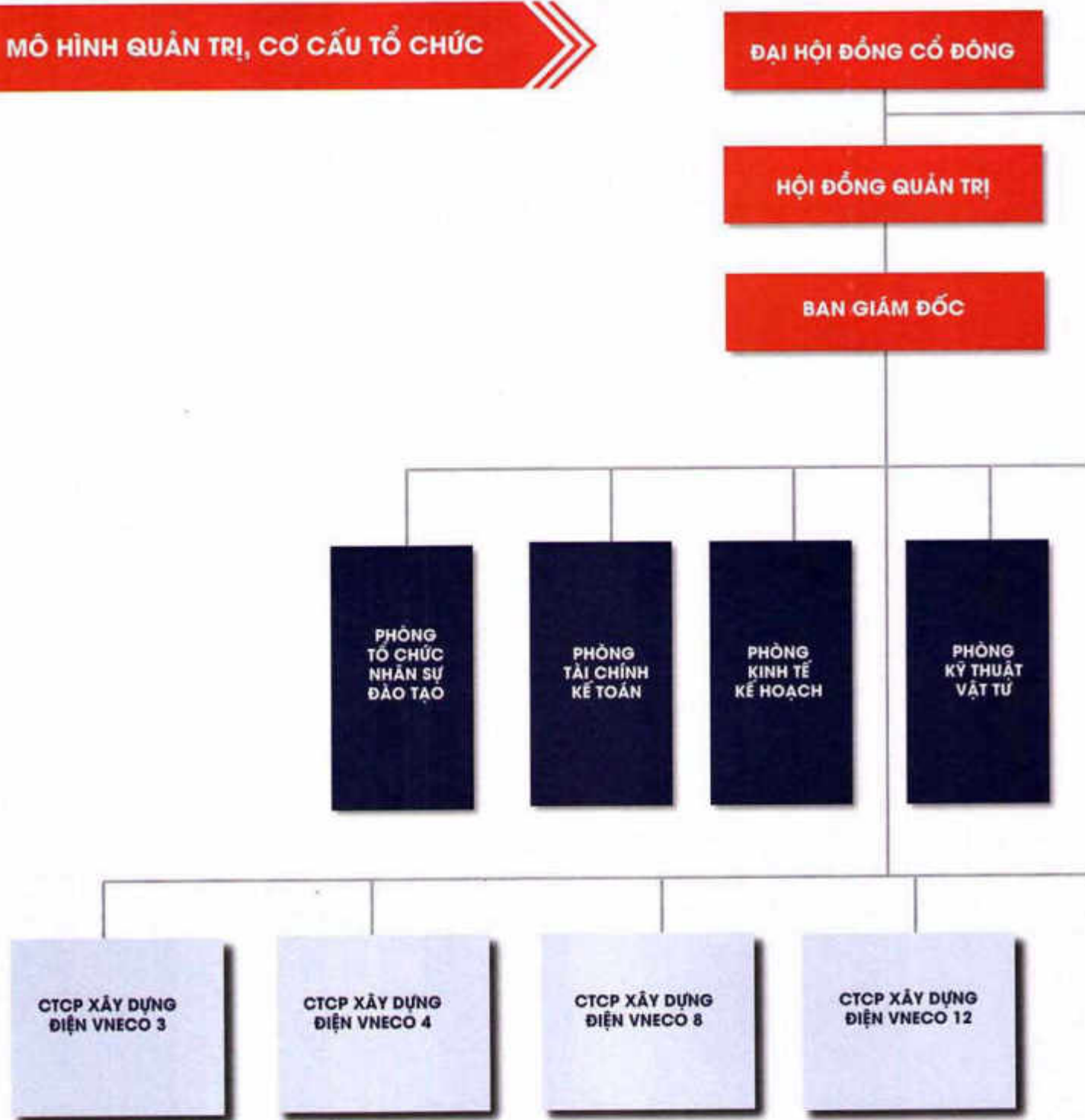
41 trạm biến áp 110kV
với dung lượng từ 5MVA đến 50MVA

Xây dựng 02 nhà máy thủy điện:

Khe Diên với công suất **9MW**

Krong Hnang với công suất **64MW**





Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có quyền quyết định cao nhất tại VNECO. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ thảo luận và thông qua các Báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh; quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư, tiến hành thảo luận, thông qua, bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Tổng công ty; thông qua chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; quyết định bộ máy tổ chức của Tổng công ty và các quyền khác theo Điều lệ Tổng công ty và pháp luật hiện hành.

Hội đồng quản trị (HĐQT): là cơ quan quản trị của VNECO, có toàn quyền nhân danh VNECO để quyết định các vấn đề liên quan đến lợi ích, quyền lợi VNECO, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Báo cáo trước ĐHĐCĐ tình hình kinh doanh, dự kiến phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, báo cáo quyết toán năm tài chính, phương hướng phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh. Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy, quy chế hoạt động của Tổng công ty. Bổ nhiệm, bãi nhiệm, giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và Ban điều hành. Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ Tổng Công ty. Quyết định triệu tập ĐHĐCĐ. Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ VNECO quy định.

BAN KIỂM SOÁT

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Là một công ty cổ phần, mô hình quản trị của VNECO được tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm các bộ phận:

- 📍 Đại hội đồng cổ đông
- 📍 Hội đồng quản trị: gồm 7 thành viên
- 📍 Ban kiểm soát: 02 thành viên, 01 thành viên chuyên trách
- 📍 Ban Điều hành: 08 thành viên, gồm 01 Tổng giám đốc, 06 phó tổng giám đốc và 01 kế toán trưởng

BAN QUAN LÝ
CÁC DỰ ÁN
ĐẦU TƯ

CHI NHÁNH
VNECO
HỒ CHÍ MINH

KHÁCH SẠN
XANH ĐÀ NẴNG

VĂN PHÒNG
TỔNG CÔNG TY

CTY TNHH MTV
BẤT ĐỘNG SẢN
VÀ DU LỊCH VNECO

CTCP DU LỊCH
XANH HUẾ VNECO

CTY TNHH
ĐIỆN GIÓ
THUẬN NHIÊN PHONG 1

CTY TNHH
ĐIỆN MẶT TRỜI
VNECO-HÒA THẮNG

CTY TNHH
ĐIỆN MẶT TRỜI
VNECO-VĨNH LONG

Ban kiểm soát: Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan thay mặt cổ đông để giám sát HĐQT, Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về các nhiệm vụ được giao.

Ban điều hành: Ban điều hành gồm 08 thành viên (01 Tổng giám đốc, 06 phó tổng giám đốc và 01 kế toán trưởng) do HĐQT bầu ra. Tổng giám đốc là người phụ trách lãnh đạo và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Các Phó Tổng giám đốc được phân công phụ trách ban chỉ đạo công trình khu vực miền Bắc, Trung, Nam, phụ trách công tác đấu thầu và phụ trách công tác tài chính.

CƠ CẤU TỔ CỦA TỔNG CÔNG TY

Văn phòng Tổng Công ty: Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Đơn vị trực thuộc:

- Khách sạn xanh Đà Nẵng: Số 64 Hoàng Văn Thái, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng
- Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh: 740C Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định số 30/QĐ/VNECO-HĐQT ngày 31 tháng 07 năm 2017, Hội đồng quản trị thông qua quyết định giải thể Sàn giao dịch Bất động sản VNECO - Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

CÁC CÔNG TY CON

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3

Địa chỉ: Khối 3, Trung Đô, Tp Vinh, Nghệ An

Vốn điều lệ: 13.197.100.000 đ

Vốn góp của VNECO: 6.985.720.000đ tương đương 52,93% vốn điều lệ



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 4

Địa chỉ: 197 Nguyễn Trường Tộ, Tp Vinh, Nghệ An

Vốn điều lệ: 10.280.000.000đ

Vốn góp của VNECO: 5.192.580.000đ tương đương 54,73% vốn điều lệ



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: 10 Đào Duy Từ, Thành phố Buon Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Vốn điều lệ: 18.000.100.000đ

Vốn góp của VNECO: 9.746.980.000đ tương đương 55,93% vốn điều lệ



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 12

Địa chỉ: 155 Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Vốn điều lệ: 12.000.000.000đ

Vốn góp của VNECO: 7.887.200.000đ tương đương 65,73% vốn điều lệ



CÔNG TY CP DU LỊCH XANH HUẾ VNECO

Địa chỉ: 02 Lê Lợi, phường Vinh Ninh, thành phố Huế

Vốn điều lệ: 59.900.000.000đ

Vốn góp của VNECO: 58.913.000.000đ tương đương 98,40% vốn điều lệ



CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BẤT ĐỘNG SẢN - DU LỊCH VNECO

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Vốn điều lệ cam kết góp: 100.000.000.000đ



CÔNG TY TNHH ĐIỆN GIÓ THUẬN NHIÊN PHONG 1

Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận
Vốn điều lệ cam kết góp: 2.000.000.000đ



CÔNG TY TNHH ĐIỆN MẶT TRỜI VNECO - HÒA THẮNG

Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận
Vốn điều lệ cam kết góp: 200.000.000.000đ



CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN MẶT TRỜI VNECO - VĨNH LONG

Số 174 đường Võ Văn Kiệt, phường 9, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
Vốn điều lệ cam kết góp: 100.000.000.000đ



CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	TÊN CÔNG TY	VỐN GÓP	% VỐN ĐIỀU LỆ
1	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	5.854.100.000	32,37%
2	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	9.560.000.000	33,34%
3	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	3.000.000.000	30,05%



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU CHÍNH

- 1.** Xây dựng VNECO trở thành đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực xây lắp các công trình điện, thực hiện các hợp đồng EPC cho các công trình điện, thực hiện đầu tư các dự án sản xuất điện năng từ năng lượng tái tạo, đầu tư kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn và du lịch...
- 2.** Sản xuất kinh doanh tăng trưởng bền vững nhằm tối đa hóa lợi nhuận công ty, tối đa hóa giá trị cho cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.
- 3.** Tiếp tục phát triển các hệ thống máy móc, cải tiến khoa học kỹ thuật áp dụng vào thực tiễn sản xuất; chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có trình độ, chất lượng, có tác phong công nghiệp và kỷ luật cao.
- 4.** Xác định ngành nghề cốt lõi trung và dài hạn vẫn là xây lắp truyền thống. Bên cạnh đó để phát triển bền vững và không độc canh ngành nghề xây lắp, định hướng phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo để phát triển bền vững. Bên cạnh đó quan tâm đầu tư vào lĩnh vực Bất động sản, du lịch trong từng giai đoạn và từng thời điểm.
- 5.** Tôn trọng và tuân thủ pháp luật, quản trị Công ty minh bạch tạo sự phát triển bền vững, mạnh mẽ.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN

Lĩnh vực xây lắp công trình điện: Tiếp tục đẩy mạnh công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm trong lĩnh vực xây dựng điện phát huy tối đa ưu thế về ngành nghề truyền thống. Áp dụng mô hình quản lý thi công theo Ban chỉ đạo từng vùng miền. Nghiên cứu đào tạo để cán bộ kỹ thuật kiêm nhiệm thêm công tác chỉ đạo thực hiện công tác đền bù thi công.

Lĩnh vực sản xuất công nghiệp: Đầu tư vào nghiên cứu phát triển sản phẩm tại các đơn vị thành viên. Bổ sung, hoàn thiện cơ chế quản lý của Tổng công ty phù hợp với tình hình kinh doanh từng đơn vị, phát huy tối đa sức mạnh của tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con.

Lĩnh vực dịch vụ du lịch, bất động sản: Đầu tư đổi mới nhằm khai thác tối đa hiệu quả của các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch. Phát triển và khai thác các dự án bất động sản; Đầu tư tài chính.

Lĩnh vực đầu tư nguồn điện: Thực hiện tổng thầu một số dự án nhà máy điện, đặc biệt chú trọng phát triển các dự án năng lượng tái tạo (điện gió và điện mặt trời)

Định hướng tái cấu trúc doanh nghiệp: Thực hiện tái cấu trúc các khoản đầu tư ngoài ngành và các khoản đầu tư hiệu quả thấp song song với việc thực hiện tái cấu trúc bộ máy hoạt động, giảm chi phí quản lý.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Định hướng tái cấu trúc doanh nghiệp

Tái cấu trúc vốn tại một số công ty con và liên kết làm ăn không hiệu quả, đồng thời đầu tư nâng tỷ lệ cổ phần tại một số công ty phục vụ cho mục đích phát triển của Tổng Công ty.

Để triển khai thực hiện đầu tư dự án năng lượng tái tạo thành công và hiệu quả cần chuẩn bị:

- 📍 Nguồn nhân lực: Bố trí 1 Phó tổng giám đốc phụ trách, cán bộ kỹ thuật điện, bộ phận quản lý dự án, cán bộ tài chính tìm kiếm nguồn vốn đầu tư cho dự án.
- 📍 Nguồn lực về tài chính: Dự trù chi phí và bố trí đủ chi phí để triển khai thực hiện chuẩn bị đầu tư và triển khai dự án.
- 📍 Tổ chức thành lập công ty theo quy định pháp luật hiện hành và bộ máy để triển khai thực hiện từng dự án đầu tư.
- 📍 Nghiên cứu liên doanh liên kết với nhà cung cấp sản phẩm pin mặt trời để thực hiện hợp đồng PC cung cấp và thi công lắp đặt cho dự án điện mặt trời. Thực hiện EPC cho hệ thống điện đường dây và TBA kết nối lưới điện quốc gia của các dự án điện gió và điện mặt trời.

Mục tiêu phát triển bền vững

- 📍 Đẩy mạnh đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời) hướng tới phát triển bền vững, góp phần giải quyết bài toán về an ninh năng lượng, qua đó hiện thực hóa chiến lược phát triển xanh của đất nước.
- 📍 Kiên trì mục tiêu giữ vững hoạt động, tiến tới phát triển an toàn bền vững, bảo vệ lợi ích nhà đầu tư, lợi ích cổ đông.
- 📍 Mở rộng thị trường hoạt động ra các nước láng giềng: Lào, Campuchia
- 📍 Đề cao công tác an toàn sức khỏe môi trường, không để xảy ra các sự cố nghiêm trọng trong công tác thi công đường dây.
- 📍 Minh bạch thông tin tài chính, thông tin tình hình đầu tư và hoạt động.
- 📍 Quan tâm phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nâng cao nghiệp vụ cán bộ nhân viên, tăng năng suất lao động.
- 📍 Cải tiến quy trình hoạt động.
- 📍 Đảm bảo an sinh xã hội, phúc lợi cao cho đội ngũ CBNV.
- 📍 Tiếp tục đồng hành cùng các cơ quan Đảng, Công Đoàn, Đoàn Thanh niên tại địa phương thực hiện các chương trình cộng đồng về chăm sóc bà mẹ Việt Nam Anh Hùng, ủng hộ đồng bào lũ lụt,

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Trách nhiệm cộng đồng

Tổng Công ty cũng đã có những đóng góp nhất định cho sự phát triển bền vững cũng như đem lại các lợi ích kinh tế xã hội của địa phương bao gồm: Tạo việc làm cho người dân địa phương thông qua việc tuyển dụng lao động vào làm việc tại các nhà máy công trường; tăng thu nhập cho người dân; giảm tỷ lệ đói nghèo và tệ nạn xã hội; cải thiện hệ thống cơ sở hạ tầng tại địa phương thông qua xây dựng, nâng cấp hệ thống đường điện;....



RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Kinh tế năm 2017 kết thúc với nhiều điểm sáng khi hầu hết các chỉ tiêu kinh tế được công bố đều ghi nhận mức tăng trưởng tốt.

- 📍 **Tăng trưởng GDP:** Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm 2017 là 6,8%, đạt mức tăng trưởng cao nhất trong gần 10 năm sau cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Mặc dù ghi nhận mức tăng trưởng tốt nhưng vẫn tồn tại rủi ro vĩ mô 2018 có thể đến từ việc làm thế nào giữ được tăng trưởng bền vững trong môi trường lạm phát thấp.
- 📍 **Lạm phát:** CPI bình quân năm 2017 tăng 3,53% so với năm 2016. Như vậy mục tiêu kiểm soát lạm phát, giữ mức CPI bình quân năm 2017 dưới 4% đã đạt được.
- 📍 **Dự trữ ngoại hối quốc gia** đã tăng kỷ lục trong năm 2017, đạt 46 tỷ USD, góp phần ổn định sự tăng trưởng kinh tế.
- 📍 **Tỷ giá:** chỉ số giá đô la Mỹ bình quân năm 2017 tăng 1,40% so với năm 2016.
- 📍 **Thâm hụt cán cân thương mại:** cán cân thương mại hàng hóa năm 2017 dự kiến thặng dư 2,67 tỷ USD, cao hơn mức thặng dư năm 2016 gần 900 triệu USD. Tổng trị giá xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt mức kỷ lục gần 424,87 tỷ USD (tăng 20,9% so với năm 2016).
- 📍 **Lãi suất:** thị trường năm 2017 có xu hướng giảm từ đợt điều chỉnh ngày 10/7/2017 của NHNN, các NHTM cũng duy trì mức lãi suất thấp hơn trần NHNN khoản 0,5% đến 1% dẫn đến tín dụng đến 31/12/2017 tăng trưởng 18,17% so với cuối năm 2016. Trọng tâm chỉ đạo của NHNN trong năm 2018 vẫn tập trung vào tiếp tục giám sát lãi suất.

Sự thay đổi của nền kinh tế sẽ có những tác động đến hầu như toàn bộ các lĩnh vực của nền kinh tế, không loại trừ VNECO. Sự thay đổi các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế sẽ có những tác động trực tiếp đến nhu cầu tiêu thụ điện năng, từ đó tác động đến quy hoạch nguồn cung điện và xây lắp điện, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh VNECO. Cùng với đà hồi phục mạnh của nền kinh tế, nhu cầu điện năng tăng kéo theo cơ hội cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất điện và truyền tải điện.

Để giảm thiểu những tác động từ kinh tế, Ban Điều hành VNECO vẫn thường xuyên theo dõi tình hình kinh tế vĩ mô nhằm kịp thời phát hiện và đưa ra các biện pháp ngăn chặn các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của VNECO.



RỦI RO

Rủi ro về pháp lý

Là một công ty cổ phần, VNECO chịu sự chi phối bởi hệ thống luật pháp Việt Nam mà trực tiếp là Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Chứng khoán, Luật Đất đai, và các Bộ Luật chuyên môn khác.

Rủi ro pháp lý là vấn đề quan trọng hàng đầu đối với doanh nghiệp, nhất là trong bối cảnh nền kinh tế chuyển đổi và hệ thống pháp luật đang còn nhiều sự bất cập, mâu thuẫn, chồng chéo, phức tạp..., điều này tạo ra những thách thức trong công tác cập nhật và triển khai thực hiện các nghiệp vụ có liên quan tại Tổng Công ty.

Một số văn bản quy phạm pháp luật điều tiết hoạt động xây lắp điện như Quyết định 4790/QĐ-BCT sẽ có những ảnh hưởng trực tiếp đến công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm cũng như tỷ lệ lợi nhuận gộp biên của các doanh nghiệp trong ngành nói chung và VNECO nói riêng.

Để giảm thiểu loại rủi ro này, Tổng Công ty thường xuyên chủ động cập nhật liên tục sự thay đổi các quy định pháp luật mới trong lĩnh vực kinh doanh, cũng như các văn bản pháp lý khác chi phối đến hoạt động của mình từ đó có thể đưa các chiến lược phát triển phù hợp, giảm thiểu tác động xảy ra, đảm bảo công tác thực hiện các nghiệp vụ có liên quan tại Tổng Công ty được diễn ra thuận lợi, bên cạnh đó hoạt động kinh doanh của VNECO cũng được duy trì ổn định.

Rủi ro ngành

Đặc thù của hoạt động xây dựng (xây lắp công trình công nghiệp, dân dụng, xây dựng điện...) là thời gian thi công kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần. Hơn nữa điều kiện làm việc ngoài trời chịu sự tác động ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên như: xây dựng các đường dây và trạm biến áp, các công trình hạ tầng cơ sở...

Ngoài ra, ngành còn phải chịu nhiều rủi ro từ các quy định pháp lý kể cả việc quy hoạch đất đai, tài sản. Bên cạnh đó, quá trình thi công các công trình còn phụ thuộc nhiều vào tiến độ cung cấp hàng của chủ đầu tư, công tác đền bù giải phóng mặt bằng, khả năng thực hiện dự án cũng như môi trường quản lý điều hành và hoạch định của Nhà nước...

Thời gian thi công thường kéo dài, tiến độ thực hiện chịu sự tác động của nhiều phía.

Điều kiện lao động ngoài trời, vừa thi công các công việc ở phần ngầm dưới đất, vừa thi công các phần việc ở trên cao nên có nhiều nguy cơ xảy ra tai nạn lao động và sự cố.

Đặc thù nguyên vật liệu: Sắt, thép, kẽm, gạch đá xi măng và nhiên liệu chiếm phần lớn trong cơ cấu chi phí sản xuất và xây lắp các công trình. Do vậy, sự biến động về giá cả của các chủng loại nguyên nhiên vật liệu có ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của Tổng công ty.

Bên cạnh đó hình hình cạnh tranh gay gắt cũng là một trong những rủi ro đáng lo ngại trong quá trình hoạt động của VNECO, khi thực tế cho thấy Tổng Công ty đang chịu nhiều sự cạnh tranh từ các đối thủ cố tiềm lực và các đối thủ mới ngày càng nhiều trong ngành xây lắp điện.

Đồng thời, nghề xây lắp điện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do làm việc trên cao có thể xảy ra tai nạn lao động. Đây cũng là một trong những rủi ro quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng lao động trong ngành xây lắp điện.

RỦI RO

Rủi ro thanh toán

Rủi ro quan trọng của các doanh nghiệp trong ngành là rủi ro tài chính, cụ thể là rủi ro thanh toán (đặc biệt là thanh toán phát sinh) sẽ ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

Rủi ro của VNECO có thể phát sinh nợ đọng từ các Chủ đầu tư, do các thủ tục thanh toán với Chủ đầu tư thường mất nhiều thời gian do phải duyệt qua nhiều khâu, dẫn đến kéo dài thời gian thanh toán, làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của doanh nghiệp.

VNECO đang cố gắng có sự chủ động về nguồn vốn để có khả năng luân chuyển vốn tốt nhất, tránh ảnh hưởng đến khả năng thanh toán, làm giảm hiệu quả sử dụng vốn và kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.



Rủi ro về môi trường

Với hoạt động chính là xây dựng các công trình hệ thống điện, trong quá trình hoạt động VNECO không tránh khỏi việc gây ra những tác động nhất định đến môi trường xung quanh khu vực thi công các công trình. Một số yếu tố có thể kể đến như các loại khí thải từ các phương tiện vận tải, tiếng ồn từ các thiết bị xây dựng... Nhằm hạn chế những tác động đến môi trường quanh khu vực thi công, Tổng Công ty tăng cường nghiên cứu các phương pháp thi công mới, tiên tiến, tiết kiệm nhân lực và diện tích ảnh hưởng.

Rủi ro về khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... đều ít nhiều gây ảnh hưởng đến hoạt động của Tổng công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến các công trình xây dựng như làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại (phá hủy một phần hoặc toàn bộ các hạng mục công trình đã, đang thi công). Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu.

Vì vậy, VNECO luôn cập nhật theo dõi và nắm bắt các thông tin nhằm kịp thời đưa ra các biện pháp phòng tránh và xử lý, đồng thời luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định, thường xuyên huấn luyện cán bộ công nhân viên về phòng chống cháy nổ, an toàn lao động....

PHẦN 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Hoạt động sản xuất kinh doanh	32
Tổ chức nhân sự	35
Hoạt động đầu tư	43
Tình hình tài chính	47
Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư chủ sở hữu	49



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017

VNECO là một trong những đơn vị hàng đầu và chủ lực trong ngành xây lắp điện và là một trong số ít những đơn vị có thể thi công đường dây 500kV cũng như thực hiện hợp đồng EPC các công trình đường dây tải điện và trạm biến áp cao áp. Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty tập trung 4 mảng chính trong đó cốt lõi là xây lắp các công trình điện. Tỷ trọng doanh thu xây lắp hàng năm chiếm khoảng 60-65% tổng doanh thu Tổng Công ty.

Đvt: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	2015	2016	2017
1	Doanh thu thuần	1.043.552	774.182	908.832
2	Tăng trưởng DTT	0,84%	-25,81%	17,39%
3	LNTT	128.951	10.205	97.663
4	Tăng trưởng LNTT	5,46%	-92,09%	857,01%
5	LNST	106.546	5.480	65.817
6	Tăng trưởng LNST Hợp nhất	14,49%	-94,86%	1101,04%
7	LNST Công ty mẹ	103.018	10.082	63.493
8	Tăng trưởng LNST Công ty mẹ	15,76%	-90,21%	529,77%

Năm 2016: Kết quả kinh doanh giảm sút mạnh theo xu hướng chung toàn ngành. Nguyên nhân do các yếu tố khó khăn mang tính khách quan của ngành như tình hình thời tiết, tốc độ giải ngân vốn, tình hình thực hiện đền bù,... Bên cạnh đó còn có nguyên nhân từ sự thay đổi thành viên HĐQT và Ban điều hành dẫn đến sự điều chỉnh trong công tác quản lý ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh Tổng Công ty.

Doanh thu xây lắp có sự giảm sút từ năm 2014 đến 2016 theo biến động chung của ngành, bù lại Tổng Công ty tập trung tái cơ cấu tài sản ngoài ngành và tăng đóng góp của doanh thu Bất động sản. Đồng thời định hướng trong tương lai sẽ tăng tỷ trọng đóng góp của doanh thu từ các dự án năng lượng tái tạo.

Năm 2017: Với nhiều thay đổi tích cực trong công tác quản lý và tìm kiếm việc làm, kết quả kinh doanh năm 2017 đã khởi sắc với nhiều chỉ tiêu tăng trưởng mạnh so với năm 2016:

Doanh thu thuần đạt 908,9 tỷ đồng, tăng trưởng 17,4% so với năm 2016 (riêng doanh thu chuyển nhượng khu đất dự án Sơn Trà VNECO-PLAZA đạt 205,95 tỷ đồng)

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 65,8 tỷ đồng, tăng gấp 11 lần so với năm trước.

Biến động chi phí

TT	CHỈ TIÊU	2015	2016	2017
1	Giá vốn/DTT	83,89%	84,92%	76,73%
2	Chi phí quản lý/DTT	6,14%	9,07%	12,73%
3	Chi phí tài chính/DTT	3,30%	4,31%	1,55%
4	Chi phí khác/DTT	0,80%	2,42%	1,03%

Cùng với sự thay đổi trong cơ cấu doanh thu, tỷ lệ lợi nhuận gộp biên cũng cải thiện nhiều trong năm 2017. Biên lợi nhuận của hoạt động xây lắp dưới tác động của Quyết định 4790/QĐ-BCT và sự cạnh tranh khốc liệt của ngành nên giảm sút mạnh. Biên lợi nhuận của hoạt động kinh doanh bất động sản cao do quỹ đất của Tổng Công ty được mua từ sớm với chi phí giá vốn thấp dẫn đến biên lợi nhuận chung của công ty tăng so với các năm trước.

Sự dịch chuyển trong chiến lược kinh doanh đã đẩy chi phí quản lý công ty tăng mạnh trong năm 2017 do một số dự án năng lượng tái tạo được nghiên cứu đầu tư trong năm nhưng chưa đi vào thực hiện nên không có doanh thu tương ứng. Bên cạnh đó, Tổng Công ty đầu tư công tác đào tạo cán bộ cấp cao, thay đổi phương pháp quản lý hiện đại, quyết tâm thực hiện tái cơ cấu bộ máy nhân sự và tiết giảm chi phí từ cuối năm 2017 và tiếp tục đặt trọng tâm trong kế hoạch năm 2018.



Các yếu tố tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017

Vĩ mô

Tình hình kinh tế xã hội phát triển ổn định, GDP tăng trưởng nhanh tạo điều kiện cho các dự án ngành điện được triển khai, tạo cơ hội cho Tổng công ty tham gia.

Chính sách của nhà nước thay đổi về khai thác cát làm cho giá cát xây dựng tăng đột biến, ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2017.

Yếu tố ngành

Nhiều dự án của ngành điện được triển khai, tạo điều kiện Tổng Công ty tham gia và trúng thầu nhiều dự án.

Tháng 12/2016, Bộ Công thương ban hành Quyết định 4970 quy định về định mức dự toán cho công tác xây dựng đường dây tải điện và lắp đặt trạm biến áp, điều này làm cho biên lợi nhuận gộp của các công ty xây lắp điện nói chung và Tổng Công ty nói riêng giảm mạnh.

Các dự án chậm triển khai do ảnh hưởng về giá dự toán, dẫn đến doanh thu của các công trình trúng thầu trong năm 2017 giảm mạnh.

Công tác thi công phụ thuộc vào cát điện của Chủ đầu tư, vướng đến bù giải phóng mặt bằng, vật tư chủ đầu tư cấp chậm, thời tiết ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả sản xuất kinh doanh.

Tình hình giá cát biến động tăng đột biến làm cho một số dự án dừng triển khai hoặc phải thay đổi phương án ảnh hưởng đến Doanh thu và lợi nhuận Tổng Công ty trong năm qua.

Xu hướng phát triển chung của ngành điện là các dự án PC, EPC, cấp ngầm...

Nội tại doanh nghiệp

Là doanh nghiệp có năng lực và kinh nghiệm hàng đầu trong lĩnh vực xây lắp, có đội ngũ cán bộ giàu kinh nghiệm đáp ứng hầu hết các công trình xây lắp.

Đối với các dự án PC, EPC, cải tạo năng lực kinh nghiệm còn hạn chế ảnh hưởng không nhỏ đến công tác đấu thầu, doanh thu và lợi nhuận của Tổng Công ty.

Lực lượng lao động lành nghề tại các công ty con hiện còn khá mỏng.

Tích cực đầu tư vào các dự án điện gió và năng lượng mặt trời.



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Danh sách ban điều hành

Ban điều hành đều là những người có thâm niên công tác lâu năm trong ngành xây lắp điện và gắn bó với Tổng Công ty từ khi thành lập đến nay. Điều này giúp cho Ban điều hành có những hiểu biết sâu sắc về hoạt động kinh doanh cốt lõi cũng như duy trì mối quan hệ rộng trong ngành.

Ban điều hành	Chức vụ
Ông Đoàn Đức Hồng	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Văn Cường	Phó TGD phụ trách phát triển năng lượng tái tạo
Ông Trần Văn Huy	Phó TGD kiêm Trưởng ban đấu thầu
Ông Phan Anh Quang	Phó TGD phụ trách tài chính
Ông Phạm Hữu Minh Huy	Phó TGD kiêm Trưởng BCD miền Bắc
Ông Nguyễn Tịnh	Phó TGD kiêm Trưởng BCD miền Trung
Ông Lê Văn Khôi	Phó TGD kiêm Trưởng BCD miền Nam
Ông Trần Quang Cảnh	Kế toán trưởng



Sơ yếu lý lịch ban điều hành



Ông ĐOÀN ĐỨC HỒNG
Tổng Giám đốc VNECO

Năm sinh: 10/06/1963

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế công nghiệp, Cao cấp lý luận chính trị

Số cổ phần nắm giữ tại 27/12/2017: 1.430.000 cổ phần - tỷ lệ 1,581% vốn điều lệ

- 1986 - 1988 Cán bộ phòng Kế hoạch - Công ty Xây lắp đường dây và Trạm III - Bộ Năng lượng
- 1988 - 1990 Cán bộ dự toán Phòng Kinh tế Dự toán Công ty Xây lắp điện 3
- 1991 - 1998 Phó phòng, Trưởng phòng Kinh tế Dự toán Công ty Xây lắp điện 3
- 1998 - 1998 Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Xây lắp điện 3
- 1998 - 1999 Phó Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3
- 1999 - 2002 Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3
- 2002 - 2005 Tổng Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3 (Công ty mẹ Nhà nước) - Bộ Công nghiệp
- 2005 - 2015 Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

2015 - 2016

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

07/2016- 03/2017

Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

03/2017 - nay

Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

01/02/2018 - nay

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

Năm sinh: 04/09/1974

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính kế toán, Thạc sỹ kinh tế

Số cổ phần nắm giữ tại 27/12/2017: 228.800 cổ phần - tỷ lệ 0,253% vốn điều lệ

- 1997 - 2002 Là Cán bộ Phòng Tài chính kế toán - Công ty Xây lắp điện 3
- 2002- 2005 Là Phó phòng Tài chính kế toán - Công ty Xây lắp điện 3
- 2005 - 2006 Là Phó phòng Tài chính kế toán - Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- 2006 - 2006 Là Trưởng phòng TCKT - Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- 2006 - 2017 Là Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng - Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- 09/2017 đến nay Là Thành viên HĐQT, kiêm phó tổng giám đốc phụ trách tài chính



Ông PHAN ANH QUANG
Phó Tổng Giám đốc VNECO



Ông NGÔ VĂN CƯỜNG
Phó Tổng Giám đốc VNECO

Năm sinh: 30/05/1974

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ hệ thống điện

Số cổ phần nắm giữ tại 27/12/2017: 104.500 cổ phần - tỷ lệ 0,116% vốn điều lệ

- 08/1997 - 06/1999 Cán bộ phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
- 07/1999 - 11/2002 Phó phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
- 12/2002 - 11/2005 Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
- 12/2005 - 09/2009 Trưởng phòng Kỹ thuật Vật tư Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- 10/2009 - 06/2016 Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- 06/2016 - 31/01/2018 Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- 01/02/2018 - nay Phó TGD phụ trách phát triển năng lượng tái tạo Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

Năm sinh: 01/05/1960

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế, Cao cấp lý luận chính trị

Số cổ phần nắm giữ tại 27/12/2017: 104.500 cổ phần - tỷ lệ 0,116% vốn điều lệ

- 7/1987 - 2/1988 Cán bộ giảng dạy khoa kinh tế - Đại học Kinh tế - Đại học Huế
- 3/1988 - 10/1994 Cán bộ kinh tế dự toán, Phòng Kinh tế dự toán Công ty Xây lắp điện 3
- 11/1994 - 11/1995 Phó phòng Kinh tế dự toán Công ty Xây lắp điện 3
- 12/1995 - 8/1999 Phó chánh Văn phòng, Chánh văn phòng Công ty Xây lắp điện 3
- 9/1999 - 9/2002 Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch - Công ty Xây lắp điện 3
- 10/2002 - 11/2005 Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch - Công ty Xây lắp điện 3 (Công ty mẹ Nhà nước - Bộ Công nghiệp)
- 12/2005 - 12/2006 Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch, Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- 01/2007 đến nay Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam



Ông TRẦN VĂN HUY
Phó Tổng Giám đốc VNECO



Ông PHẠM HỮU MINH HUY
Phó Tổng Giám đốc VNECO

Năm sinh: 28/07/1973

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng dân dụng và công nghiệp

Số cổ phần nắm giữ tại VNECO: 188.591 cổ phần - tỷ lệ 0,209% vốn điều lệ

- 2001-2003 Chuyên viên phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp Điện 3
- 2003-2005 Phó Phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp Điện 3
- 2006- 15/9/2009 Phó Ban quản lý các dự án đầu tư Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam
- 16/9/2009 – 7/2010 Trưởng phòng Kỹ thuật – Vật tư Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam
- 7/2010 – 11/2013 Trưởng ban quản lý các dự án đầu tư Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam
- 12/2013- 9/2017 Trưởng phòng Kỹ thuật – Vật tư Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam
- 9/2017 - nay Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam

Năm sinh: 30/04/1974

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

Số cổ phần nắm giữ tại 27/12/2017: 32.450 cổ phần - tỷ lệ 0,036% vốn điều lệ

- 8/1997-4/2003 Cán bộ phòng Vật tư Công ty Xây lắp điện 3
- 5/2003-3/2004 Phó phòng vật tư xuất nhập khẩu Công ty Xây lắp điện 3
- 4/2004-7/2009 Phó phòng Kỹ thuật vật tư Tổng CTCP Xây dựng điện Việt Nam
- 8/2009-6/2013 Phó giám đốc CTCP xây dựng điện VNECO 11
- 7/2013-5/2014 Giám đốc CTCP xây dựng điện VNECO 11
- 6/2014-5/2016 Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc CTCP xây dựng điện VNECO 11
- 6/2016 đến nay Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam



Ông LÊ VĂN KHÔI
Phó Tổng Giám đốc VNECO



Ông NGUYỄN TỊNH
Phó Tổng Giám đốc VNECO

Năm sinh: 05/05/1974

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Số cổ phần nắm giữ tại 27/12/2017: 171.109 cổ phần - tỷ lệ 0,189% vốn điều lệ

- 08/1997-10/2002 Cán bộ phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
- 11/2002 – 10/2003 Phó phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
- 11/2003 – 03/2004 Phó ban Quản lý các dự án đầu tư Công ty Xây lắp điện 3
- 04/2004 - 11/2005 Trưởng ban QL các dự án đầu tư Công ty Xây lắp điện 3
- 12/2005 - 09/2009 Trưởng ban QL các dự án đầu tư Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- 10/2009 - 04/2015 Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- 05/2015 đến nay Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

Năm sinh: 20/10/1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Số cổ phần nắm giữ tại 27/12/2017: 300.000 cổ phần - tỷ lệ 0,332% vốn điều lệ

- Từ 2000- 2005 Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Công ty xây lắp điện 3
- Từ 2005- 2006 Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- Từ 2006- 10/2016 Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- 11/2016- 7/2017 Trưởng Ban QLRR&KSNB Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- 8/2017 đến nay Thành viên HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam kiêm Kế toán trưởng



Ông TRẦN QUANG CẢN
Kế toán trưởng

Những thay đổi trong ban điều hành

Stt	Họ và tên	Chức danh	Thời gian
1	Đoàn Đức Hồng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2018
2	Ngô Văn Cường	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/02/2018
3	Ngô Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2018
4	Mai Anh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 13/06/2017
5	Phan Anh Quang	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 31/07/2017
6	Phan Anh Quang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31/07/2017
7	Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/09/2017
8	Trần Quang Cần	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 31/07/2018

Tình hình nhân sự

VNECO hiện có 154 nhân viên làm việc tại văn phòng Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc.

PHÂN LOẠI NHÂN VIÊN THEO TRÌNH ĐỘ



PHÂN LOẠI THEO HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG



Chế độ làm việc

Tổng công ty đã xây dựng thoả ước lao động tập thể được Hội nghị Người lao động thông qua và xây dựng Nội qui lao động được Sở lao động thương binh xã hội thành phố Đà Nẵng chấp nhận, được thông báo đến từng người lao động để thực hiện. Theo đó, giờ làm việc được qui định 40 giờ/tuần, nghỉ hàng tuần vào ngày thứ Bảy và ngày Chủ nhật, những trường hợp không thể nghỉ hàng tuần vào ngày thứ Bảy và ngày Chủ nhật thì sẽ bố trí nghỉ luân phiên hoặc thanh toán tiền làm thêm giờ theo qui định của Bộ luật Lao động và của Tổng công ty. Chế độ làm thêm giờ: Người sử dụng có thể thỏa thuận với người lao động để làm thêm giờ. Vào ngày thường bằng 150%; Vào ngày nghỉ hàng tuần bằng 200%; Vào nghỉ Lễ, Tết, ngày nghỉ có hưởng lương bằng 300% chưa kể tiền lương ngày nghỉ lễ, tết; Người lao động làm việc vào ban đêm, thì được trả thêm ít nhất bằng 30% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương theo công việc của ngày làm việc bình thường. Chế độ nghỉ hàng năm: Người lao động có 12 tháng làm việc tại Tổng Công ty thì được nghỉ 12 ngày phép/năm, Người lao động có dưới 12 tháng làm việc thì số ngày nghỉ phép hàng năm được tính theo tỷ lệ tương ứng với số tháng làm việc; Ngoài ra, cứ mỗi 05 năm làm việc tại Tổng Công ty, người lao động được cộng theo 01 phép. Nghỉ lễ, tết : Tổng cộng 10 ngày theo qui định hiện hành. Tuy nhiên do đặc thù của ngành xây lắp, người lao động có thể được nghỉ thêm vào dịp tết Nguyên đán tùy thuộc vào mức độ hoàn thành kế hoạch trong năm và không ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch của năm sau; Chế độ ốm, đau, thai sản thực hiện theo quy định của pháp luật lao động hiện hành và theo hướng có lợi hơn cho người lao động.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Về tuyển dụng: Tổng Công ty ban hành quy chế tuyển dụng lao động và thực hiện việc tuyển dụng nhân sự qua các nguồn từ các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp và các trường công nhân kỹ thuật trên địa bàn các tỉnh miền Trung và miền Bắc. Mục tiêu tuyển dụng của Tổng Công ty là thu hút những người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật, tay nghề, năng lực thực tiễn đáp ứng yêu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, phát triển các lĩnh vực sản xuất điện năng, sản xuất công nghiệp và kinh doanh du lịch. Đối với các vị trí chủ chốt, yêu cầu tuyển dụng rất khắt khe, các tiêu chuẩn bắt buộc về trình độ chuyên môn, năng lực quản lý, khả năng phân tích và dự báo.



Đào tạo: Công tác đào tạo, bồi dưỡng được Tổng Công ty quan tâm, chú trọng. Hàng năm, Tổng Công ty đã tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý và tay nghề cho công nhân viên. Hình thức đào tạo tập trung, đào tạo kèm cặp và gửi đi đào tạo bên ngoài. Đối với lao động mới tuyển dụng, Tổng Công ty tổ chức đào tạo nghiệp vụ để trang bị cho người lao động những kiến thức, kỹ năng cần thiết phục vụ cho công việc. Ngoài ra, tạo điều kiện bố trí công việc phù hợp để những lao động có khả năng phát triển mà có nhu cầu học tập nâng cao trình độ đi học các khoá đào tạo tập trung, đào tạo tại chức ở các trường đại học.



Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Tổng Công ty xây dựng và thực hiện chính sách tiền lương phù hợp với đặc trưng của ngành nghề kinh doanh và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của nhà nước. Việc trả lương được căn cứ vào trình độ, năng lực và gắn với hiệu quả công việc của cán bộ, công nhân viên từ đó khuyến khích người lao động làm việc hăng say, tăng năng suất góp phần xây dựng và phát triển Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách đãi ngộ xứng đáng để khuyến khích động viên nhân viên giỏi và thu hút lao động có trình độ, năng lực từ các nơi khác về làm việc cho Tổng Công ty.

Chính sách khen thưởng phúc lợi: Để kịp thời khuyến khích, động viên, tuyên dương lao động giỏi, lao động có sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, tích cực cải tiến phương pháp làm việc, Tổng Công ty thực hiện chính sách thưởng định kỳ và thưởng đột xuất cho những người đã có đóng góp tích cực đem lại hiệu quả kinh tế cho Tổng Công ty.

Hàng năm, Tổng Công ty tổ chức cho cán bộ công nhân viên, lao động giỏi đi nghỉ mát, thăm quan du lịch trong nước, tổ chức nghỉ điều dưỡng tại chỗ, tổ chức khám định kỳ cho cán bộ công nhân viên.

Hoạt động văn nghệ, thể thao diễn ra sôi nổi từ Tổng Công ty đến các đơn vị thành viên. Tổng Công ty tổ chức hội diễn văn nghệ công nhân lao động, hội thao thể thao trong cả tổ hợp Công ty mẹ- Công ty con tạo điều kiện cho cán bộ, công nhân viên được nâng cao đời sống tinh thần và rèn luyện sức khỏe.



2.3 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ DỰ ÁN

Các dự án đang thực hiện

Dự án khu đô thị mới Mỹ Thượng - Thừa Thiên Huế

Địa điểm: xã Phú Mỹ và Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Diện tích đất dự án: 43,1 ha.

Quy mô: 925 lô đất nhà phố, 73 lô đất biệt thự, 03 lô đất thương mại dịch vụ

Tổng mức đầu tư: 832 tỷ đồng

Thời gian: từ 2007 đến 2017

Tình hình triển khai dự án: Toàn bộ dự án đã đầu tư xong hạ tầng kỹ thuật, tất cả các lô đất có sổ đỏ đã chuyển nhượng hoặc hợp tác đầu tư xây dựng với đối tác hoặc khách hàng. Hoàn thành thủ tục công chứng và chuyển nhượng 76 căn nhà. Tổng doanh thu dự án đạt được trong năm 2017 là 53,29 tỷ đồng.



Dự án cải tạo Khách sạn Xanh Đà Nẵng

Địa điểm: 64 Hoàng Văn Thái, P. Hòa Minh, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng

Quy mô:

- Diện tích khu đất: 6.568,6m²

- Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng: 5.230,78 m², trong đó có 84 phòng, 03 Villas, một nhà hàng tiệc cưới, một nhà hàng Draff Beer

Thời gian đầu tư: tháng 12/2016 - tháng 10/2017

Vốn đầu tư: 32 tỷ đồng

Tình hình triển khai: đã hoàn thiện và đưa vào khai thác từ ngày 15/09/2017 với nhà hàng Draff Beer và từ tháng 11/2017 với khu khách sạn.



Tình hình giải ngân đầu tư các dự án

ĐVT: triệu đồng

TT	Dự án đầu tư	Giải ngân 2017	Lũy kế đến hết 2017
1	Dự án KĐT mới Mỹ Thượng	39.743	449.155
2	Dự án Green Mart 66 Hoàng Văn Thái	297	60.772
3	Dự án cải tạo Khách sạn Xanh Đà Nẵng	19.635	19.714
4	Dự án cải tạo Kho Hòa Khánh	37	754
5	Dự án 344 Phan Châu Trinh	264	30.289
6	Dự án Điện mặt trời VNECO-Hòa Thắng 4.2	263	263
7	Dự án 64 Nguyễn Văn Trỗi, TP.HCM	0	205.340
8	Dự án Nguyễn Văn Trỗi, TP.HCM	0	115.728
9	Triển khai mua đất 2 dự án điện gió Thuận Nhiên Phong và Điện mặt trời VNECO-Hòa Thắng 4.2	4.229	4.229
10	Dự án Điện mặt trời Vĩnh Long	1.155	1.155

Tình hình hoạt động công ty con, công ty liên kết

1. Tên Công ty: Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3

Địa chỉ: Khối 3, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Hoạt động chính: Xây lắp các công trình, nguồn điện, hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2017: 6.985.720.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 52,93%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 52,93%

2. Tên Công ty: Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4

Địa chỉ : Số 197, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Đông Vinh, thành phố Vinh

Hoạt động chính : Lắp đặt hệ thống điện; Xây dựng công trình; Kinh doanh vật liệu....

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2017: 5.192.580.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 54,73%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 54,73%

Tình hình hoạt động công ty con, công ty liên kết

3. Tên Công ty: Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Hoạt động chính: Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh thiết bị, vật liệu điện

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2017: 9.746.980.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 55,93%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 55,93%

4. Tên Công ty: Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12

Địa chỉ: Số 155 Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình

Hoạt động chính: Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh thiết bị, vật liệu xây lắp

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2017: 7.887.000.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 65,73%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 65,73%

5. Tên Công ty: Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO

Địa chỉ: Số 2 Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

Hoạt động chính: Hoạt động xây lắp; Kinh doanh nhà hàng, khách sạn

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2017: 58.938.000.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 98,4%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 98,4%

6. Tên Công ty: Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1

Địa chỉ: Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận

Hoạt động chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2017: 2.000.000.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

7. Tên Công ty: Công ty TNHH MTV Bất động sản - Du lịch VNECO

Địa chỉ: Phường Mân Thái, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng

Hoạt động chính: Xây lắp, kinh doanh Bất động sản, nhà hàng, khách sạn...

8. Tên Công ty: Công ty TNHH Điện mặt trời VNECO - Hòa Thắng

Địa chỉ: Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận

Hoạt động chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

9. Tên Công ty: Công ty TNHH Điện mặt trời VNECO - Vĩnh Long

Địa chỉ: số 74 đường Võ Văn Kiệt, phường 9, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Hoạt động chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

Tình hình hoạt động công ty con, công ty liên kết

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Số lượng CP nắm giữ	GT vốn góp	Dự phòng đã trích 31/12/2017	Doanh thu 2017	LNST 2017
I	CÔNG TY CON					
1	CTCP xây dựng điện VNECO 3	698.572	6.986		57.072	1.959
2	CTCP xây dựng điện VNECO 4	562.602	5.193		45.369	1.007
3	CTCP xây dựng điện VNECO 8	1.005.809	9.747		112.809	1.274
4	CTCP xây dựng điện VNECO 12	788.700	7.887		45.406	1.365
5	CTCP Du lịch Xanh Huế	5.893.800	58.938	(58.938)	35.585	(5.211)
6	Cty TNHH MTV Bất động sản Du lịch VNECO-LIVING		0		0	(0.54)
7	Công ty TNHH điện gió Thuận Nhiên Phong 1		2000		0	0
8	Công ty TNHH điện mặt trời VNECO- Hòa Thắng		10.000		0	0
9	Công ty TNHH MTV điện mặt trời VNECO- Vĩnh Long		10.000		0	0
II	CÔNG TY LIÊN KẾT					
1	CTCP xây dựng điện VNECO 2	679.075	5.854		13.567	551
2	CTCP xây dựng điện VNECO 7	956.000	9.560	(9.560)	n/a	n/a
3	CTCP xây dựng điện VNECO 10	300.000	3.000		69.860	1.198



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	2016	2017	TĂNG TRƯỞNG
1	Tổng tài sản	1.531.873	1.558.529	1,74%
2	Doanh thu thuần	774.182	908.832	17,39%
3	LN hoạt động kinh doanh	19,487	94,645	385,68%
4	LN trước thuế	10.025	97.663	857,01%
5	LN sau thuế hợp nhất	10.082	63.493	529,77%
6	Tỷ lệ trả cổ tức *	0%	6,5%	

(*) Sẽ được trình tại ĐHCĐ thường niên năm 2018

Trong bối cảnh ngành xây lắp điện còn nhiều khó khăn và cạnh tranh khốc liệt, VNECO đã ghi nhận kết quả kinh doanh năm 2017 với tất cả các chỉ tiêu đều đạt tăng trưởng mạnh so với năm 2016.

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	2016	2017
1	Khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,70	1,37
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,60	1,26
2	Cơ cấu vốn			
	Nợ/TTS	%	36,16	39,89
	Nợ/VCSH	%	56,64	66,36
3	Năng lực hoạt động			
	Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,45	0,59
	Ngày tồn kho bình quân	Ngày	33	33
	Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	355	255
	Kỳ phải trả bình quân	Ngày	107	107
4	Khả năng sinh lời			
	LNST/DTT	%	1,30	6,99
	LNST/TTS	%	0,66	4,07
	LN HĐKD/DTT	%	10,29	2,52
	ROA	%	0,59	4,11
	ROE	%	1,02	6,63

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Khả năng thanh toán

Chỉ số thanh toán của Tổng công ty được kiểm soát chặt chẽ và luôn duy trì ở mức trên 1 lần. So với cùng kỳ, cả 2 chỉ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh của VNECO đều giảm sút. Theo đó, hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 1,70 lần còn 1,37 lần. Trong năm 2017 hình kinh doanh khó khăn với giá trị xây lắp thấp, các khoản phải thu giảm hơn 30% dẫn đến tài sản ngắn hạn của Tổng công ty giảm từ 911 tỷ năm 2016 còn 832 tỷ năm 2017 (tương ứng tỷ lệ giảm 9%) trong khi đó, nợ ngắn hạn lại tăng gần 70 tỷ đồng (tương ứng tỷ lệ tăng 13%) do đó kết quả hệ số thanh toán giảm so với cùng kỳ.

Cơ cấu vốn

Cùng với việc kiểm soát chặt chẽ khả năng thanh toán, các chỉ số về đòn bẩy nợ cũng được Tổng Công ty điều tiết phù hợp với điều kiện kinh doanh hàng năm. Tổng nợ năm 2017 đạt 621,66 tỷ đồng, tăng nhẹ 12% so với năm 2016 do trong năm công ty có nhu cầu vốn để mở rộng hoạt động kinh doanh sang lĩnh vực mới năng lượng tái tạo. Tỷ số Nợ/Tổng tài sản năm 2017 đạt 39,89% tăng nhẹ so với mức năm 2016 nhưng vẫn luôn duy trì trong ngưỡng an toàn. Trong năm công ty tiến hành mua vào 6.900.000 cổ phiếu quỹ, dẫn tới Vốn chủ sở hữu giảm nhẹ 4% và đưa chỉ số Nợ/Vốn chủ sở hữu tăng nhẹ so với cùng kỳ.

Năng lực hoạt động

Vòng quay tổng tài sản năm 2017 đạt 0,59 vòng, tăng so với mức 0,45 lần năm trước do tổng tài sản bình quân giảm cùng với quá trình tái cấu trúc doanh nghiệp và tái cấu trúc các khoản đầu tư.

Đặc thù ngành xây lắp điện phát sinh rủi ro nợ đọng từ các Chủ đầu tư, do các thủ tục thanh toán với Chủ đầu tư thường mất nhiều thời gian và phải duyệt qua nhiều khâu, dẫn đến kéo dài thời gian thanh toán, làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của doanh nghiệp, dẫn đến kỳ thu tiền bình quân luôn cao hơn kỳ trả tiền bình quân. Điều này đòi hỏi các Doanh nghiệp trong ngành phải chủ động về nguồn vốn, tránh ảnh hưởng đến thanh toán.

Khả năng sinh lời

Kết quả kinh doanh năm 2017 ghi nhận mức tăng trưởng cao so với năm 2016, nên các chỉ tiêu sinh lời đều cải thiện mạnh, tuy nhiên vẫn thấp hơn mức trung bình quá khứ.

Ngày 26/12/2016 Bộ Công Thương ban hành quyết định 4790/QĐ-BCT quy định về định mức dự toán chuyên ngành công tác lắp đặt đường dây tải điện và lắp đặt trạm biến áp. Theo quy định mới này, giá trị xây dựng móng các công trình truyền tải điện và biến áp có định mức tương đương các công trình xây dựng dân dụng và thấp hơn khá nhiều so với quy định trước đó. Điều này tác động tiêu cực đến lợi nhuận biên hoạt động xây lắp của Tổng công ty.

Bù lại hoạt động kinh doanh bất động sản ghi nhận mức tăng trưởng đột biến với giá vốn thấp, kéo theo chỉ tiêu sinh lời toàn công ty tăng mạnh so cùng kỳ.

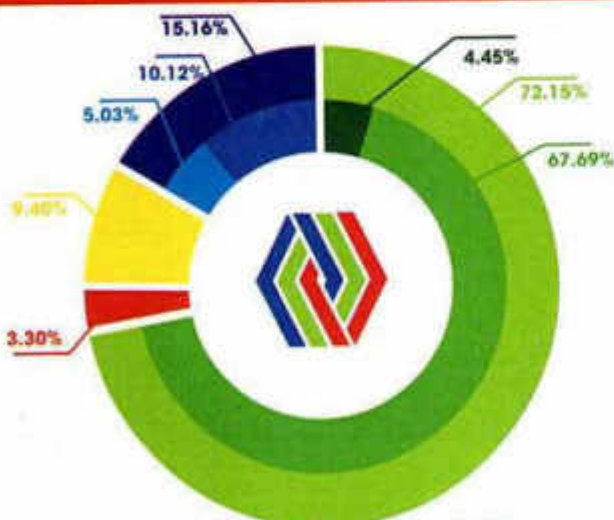
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI TRONG VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Cổ phần phổ thông	: 90.432.953 cổ phần
Cổ phần ưu đãi	: 0 cổ phần
Cổ phiếu quỹ	: 8.498.920 cổ phần
Số lượng cổ phần đang lưu hành	: 81.934.033 cổ phần
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	: 0 cổ phần
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	: 90.432.953 cổ phần
Mệnh giá cổ phần	: 10.000 đồng
Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài	: không có

Cơ cấu cổ đông: (tại ngày 27/12/2017)

TT	Loại cổ đông	Số CP sở hữu	Tỉ lệ(%)
1	Nhà nước	-	-
2	Nội bộ	2.982.680	3,30
3	Cổ phiếu quỹ	8.498.920	9,40
4	Cổ đông trong nước	65.245.446	72,15
	Tổ chức	4.027.451	4,45
	Cá nhân	61.217.995	67,69
5	Cổ đông nước ngoài	13.705.907	15,16
	Tổ chức	9.153.352	10,12
	Cá nhân	4.552.555	5,03
	Tổng cộng	90.432.953	100



- CĐ trong nước
- CĐ tổ chức trong nước
- CĐ cá nhân trong nước
- CĐ nước ngoài
- CĐ tổ chức nước ngoài
- CĐ cá nhân nước ngoài
- Cổ phiếu quỹ
- CĐ nội bộ

Cơ cấu cổ đông của VNECO

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI TRONG VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Danh sách cổ đông lớn: (tại ngày 27/12/2017)

TT	Tên cổ đông	Số CP sở hữu	Tỉ lệ(%)
1	PYN Elite Fund (Nonucits)	7.625.706	8,43
2	La Mỹ Phương	4.842.970	5,36
	Tổng cộng	12.468.676	13,79

Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Trong năm 2017, VNECO không phát sinh các đợt tăng vốn cổ phần.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Số lượng cổ phiếu quỹ thời điểm 31/12/2016: 1.598.920

Số lượng cổ phiếu quỹ thời điểm 31/12/2017: 8.498.920

Số lượng giao dịch mua vào trong năm: 6.900.000 cổ phiếu

Thời điểm mua vào: từ ngày 16/11/2017 đến ngày 22/11/2017

Mức giá bình quân: 8.423 đồng/cổ phiếu

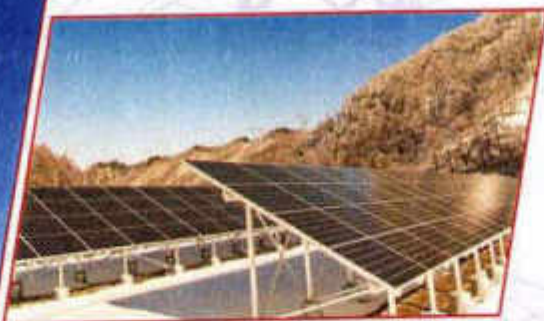
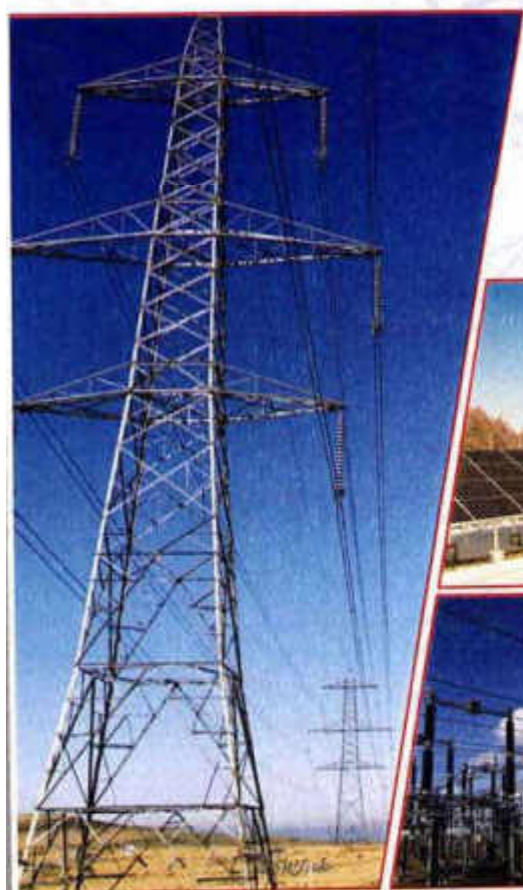
Phương thức giao dịch: khớp lệnh và thỏa thuận theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

Các chứng khoán khác

Không phát sinh



PHẦN 3 |
BÁO CÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Trải qua những chu kỳ thăng trầm trong hơn 30 năm phát triển, VNECO nhận thức được tầm quan trọng của sự phát triển bền vững. Chung tay xây dựng một thế giới xanh sạch đẹp là cách thức VNECO chuyển mình để vươn lên trong bối cảnh cạnh tranh và bão hòa của ngành. Chia sẻ giá trị công ty với đội ngũ nhân viên, cổ đông, đối tác và cộng đồng là yếu tố giúp VNECO vững bước trên con đường chinh phục vị trí dẫn đầu.



Định hướng phát triển năng lượng xanh, giảm phát thải, cải thiện môi trường

Việt Nam là quốc gia có cường độ năng lượng cao nhất trong khu vực Đông Nam Á. Sử dụng năng lượng tại Việt Nam tăng nhanh hơn các nước trong khu vực, với mức tiêu thụ nhiều nhất trong lĩnh vực điện. Phát triển năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả không chỉ là giải pháp quan trọng ứng phó với biến đổi khí hậu mà còn mang lại các cơ hội và lợi ích kinh tế mới, tăng cường tiếp cận năng lượng cho người nghèo, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia.



Nhận thức được ba xu hướng đang hình thành trong ngành năng lượng toàn cầu bao gồm: Số hóa (kết hợp máy móc với phần mềm, phân tích dữ liệu), Phát điện phân bố (người dùng có thể sản xuất và bán điện vào lưới) và Giảm phát thải (ưu tiên năng lượng tái tạo, nâng cấp và chuyển đổi sang công nghệ sạch cho điện truyền thống để giảm phát thải CO₂); VNECO định hướng mục tiêu trung và dài hạn của tổng công ty sẽ tập trung vào phát triển nguồn năng lượng tái tạo, bên cạnh mảng xây lắp điện truyền thống, hai lĩnh vực kinh doanh chính có tính chất bổ trợ cho nhau chặt chẽ.

VNECO hiện là chủ sở hữu trực tiếp và gián tiếp các dự án năng lượng xanh như: dự án điện gió Thuận Nhiên Phong, dự án điện mặt trời VNECO-Vĩnh Long, dự án điện mặt trời VNECO Hòa Thắng 4.1, dự án điện mặt trời VNECO-Hòa Thắng 4.2... Tổng công ty đang tiếp tục nghiên cứu tiềm năng của nguồn năng lượng tái tạo để đẩy mạnh đầu tư với vị trí chủ đầu tư và tổng thầu EPC.



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tất cả nguyên vật liệu đưa vào các công trình thi công đều được kiểm tra từ khi lựa chọn nhà cung cấp, đảm bảo đáp ứng tất cả các điều kiện thi công. Các nguyên vật liệu đều được thí nghiệm để đánh giá lại trước khi đưa vào sử dụng.

Do đặc thù ngành xây lắp, các nguồn vật liệu đầu vào mang tính chất hóa học cao nên Tổng công ty chưa đầu tư nghiên cứu tái chế để sử dụng lại nguyên liệu sử dụng trong thi công.



Tiêu thụ năng lượng, điện, nước

Là đơn vị đầu ngành trên lĩnh vực xây lắp điện nên VNECO hiểu rõ ý nghĩa việc tiết kiệm điện năng đối với cộng đồng. Bằng việc sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện năng trong việc chiếu sáng cũng như phục vụ công tác, VNECO góp phần giảm hao tổn điện năng sử dụng, toàn thể CBNV VNECO luôn ý thức từ những việc nhỏ như tắt thiết bị khi không sử dụng, đặt điều hòa phòng làm việc ở nhiệt độ hợp lý,... từ đó giảm chi phí quản lý doanh nghiệp và góp phần giảm lượng điện năng tiêu thụ. Cùng với đó, việc tiêu thụ nước cũng áp dụng các hình thức tiết kiệm tương tự.



Xử lý rác thải

Ý thức bảo vệ môi trường cũng được người lao động thực hiện tốt qua việc tái sử dụng văn phòng phẩm, giấy in nhằm chung tay bảo vệ môi trường. Toàn bộ rác sinh hoạt được phân loại từ các phòng, ban trước khi chuyển cho đơn vị thu gom nhằm tránh đưa các rác thải có hại ra môi trường mực in, bao nilong,...

Nguồn chất thải rắn thông thường phát sinh từ sinh hoạt tại văn phòng Tổng Công ty được chỉ định chỗ vứt rác tại mỗi khu vực làm việc và sẽ được đội ngũ vệ sinh dọn dẹp sạch sẽ vào cuối mỗi ngày làm việc. Vệ sinh lau chùi trong và ngoài phòng làm việc hàng ngày đảm bảo môi trường công tác trong lành. Truyền thông

đến toàn bộ CBNV về ý thức tiết kiệm trong việc sử dụng văn phòng phẩm, đặc biệt giấy in, khuyến khích tái sử dụng các văn phòng phẩm còn công năng khai thác. Hợp đồng với công ty môi trường đến thu gom và xử lý rác thải.

Nguồn chất thải từ công trường bao gồm nước thải, khí thải, khói bụi và rác thải xây dựng... được Ban chỉ đạo công trình kiểm soát chặt chẽ các quy định về vệ sinh môi trường. Tuyên truyền CBNV và công nhân công trình sử dụng nguyên vật liệu một cách hiệu quả, không lãng phí. Áp dụng nghiêm ngặt quy trình bảo hộ lao động.



Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường

VNECO luôn tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường và thực hiện theo các cơ quan quản lý môi trường địa phương. Các dự án thi công đều thuê đơn vị tư vấn thực hiện việc đánh giá tác động đến môi trường xã hội tại địa bàn thực hiện, đồng thời đưa giải pháp thiết thực nhằm giảm tác động đến môi trường và hệ sinh thái ở mức thấp nhất.

Tại văn phòng Tổng Công ty thường xuyên tổ chức các lớp tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về Bảo vệ môi trường, chấp hành các quy định về thu gom và xử lý rác thải. Tại mỗi phòng làm việc đều dán các thông điệp về tiết kiệm trong việc sử dụng điện, nước.

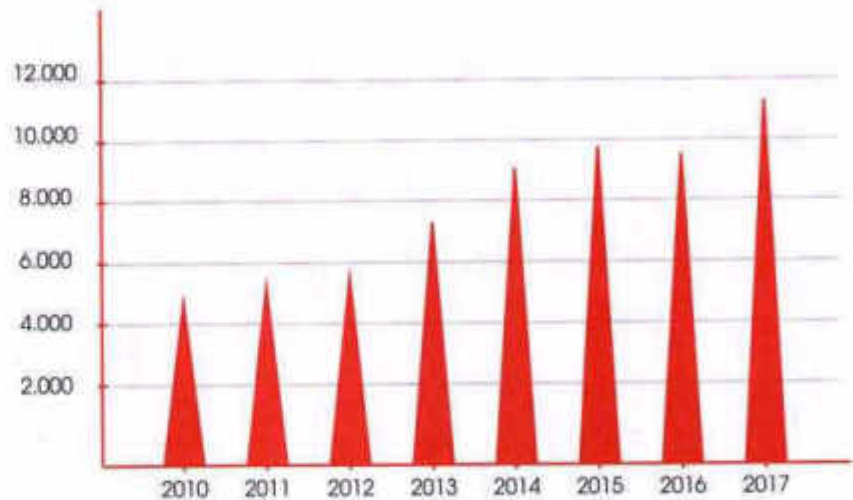
VNECO là đơn vị chuyên về xây lắp các công trình điện (nguồn điện, trạm biếp áp, đường dây), địa bàn hoạt động của Tổng Công ty trải rộng cả nước, khu vực hoạt động chính cũng là khu vực có tác động mạnh đến môi trường là các công trường thi công. Tại các công trình thi công, Trưởng ban chỉ đạo giám sát chặt chẽ môi trường làm việc nhằm tiết kiệm điện, nước và hạn chế tối đa nước thải và bụi bẩn từ các công trình.



Người lao động là tài sản lớn nhất của Tổng Công ty

Đội ngũ CBNV giàu kinh nghiệm, tay nghề cao, gắn bó với Tổng Công ty luôn được xem là tài sản quý giá nhất đồng hành cùng sự phát triển bền vững của VNECO. Các chính sách nhân sự luôn hướng đến việc cam kết đồng hành lâu dài giữa công ty và người lao động.

Năm	Thu nhập bình quân
2010	5.281.927
2011	5.681.000
2012	5.995.000
2013	7.300.000
2014	9.017.000
2015	9.989.000
2016	9.747.000
2017	10.925.000



Chăm sóc đời sống người lao động

Không chỉ chú trọng sản xuất kinh doanh, với truyền thống là một DN nhà nước, VNECO không ngừng chăm lo đời sống người lao động để họ yên tâm gắn bó công tác.

Tại Tổng Công ty, hoạt động Công đoàn được tạo nhiều điều kiện thuận lợi. Đây là cơ sở để Công đoàn phát huy vai trò và tham gia cùng lãnh đạo công ty trong việc chăm lo đời sống NLD. Công đoàn cơ quan và Công đoàn Tổng Công ty thường xuyên tổ chức thăm hỏi động viên CBNV công tác tại công trường, chúc tết gia đình CBNV đã có những hy sinh cho sự nghiệp đường dây tải điện,...

Thỏa ước lao động tập thể tại công ty có những điều khoản có lợi hơn cho NLD so với luật định được quy định trong bản thỏa ước như trường hợp ốm bà nội, ngoại, anh chị em ruột chết được nghỉ 1 ngày hưởng nguyên lương; trường hợp bản thân CBNV ốm đau hoặc gia đình ốm đau được hưởng trợ cấp; khuyến khích con em CBNV học tập và được khen thưởng theo kết quả học tập trong ngày 1/6 hàng năm.

Quy chế dân chủ tại công ty được tổ chức thực hiện nghiêm túc, tổ chức hội nghị CBNV, đối thoại tại nơi làm việc hàng Quý đảm bảo chất lượng, phát huy quyền làm chủ của CBNV. Các chế độ bảo hiểm cho CBNV, xây dựng thang lương, bảng lương và điều chỉnh thang bảng lương theo quy định của pháp luật... được công ty thực hiện đầy đủ.



Với tiêu chí lấy người lao động làm gốc và cũng là "vốn quý" của mỗi doanh nghiệp nên Ban lãnh đạo Tổng Công ty đặc biệt dành nhiều chính sách nhằm chăm lo tốt nhất cho đời sống của CBNV. Song song với việc xây dựng một môi trường làm việc an toàn, đảm bảo, các hoạt động chăm lo đời sống văn hóa tinh thần cho người lao động được công ty chăm chút như tổ chức tham quan du lịch, tổ chức các hoạt động thể thao cho người lao động, hỗ trợ CBNV và gia đình khi gặp khó khăn, chăm lo cho con em công nhân lao động...



Đào tạo nâng cao nghiệp vụ và nhận thức trong cuộc sống cho CBNV

Tổng Công ty thường xuyên cử CBNV tham gia các lớp học nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và nâng cao các kỹ năng mềm trong công tác



Đào tạo Kỹ thuật kéo dây không chạm đất



Lớp học Năng đoạn Kim cương



Lớp Nâng cao sử dụng tiếng Anh

Gắn kết cùng đơn vị thành viên, nhà thầu phụ, đối tác

Tổng Công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ-công ty con, nên hoạt động kinh doanh của VNECO gắn kết chặt chẽ với hoạt động kinh doanh của các đơn vị thành viên. Tổng Công ty thường xuyên tổ chức các buổi gặp gỡ, học tập lẫn nhau trong tổ hợp, tổ chức các lớp đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu cho đơn vị thành viên nhằm nâng cao năng lực hoạt động của từng đơn vị và cả tổ hợp.

Tổng Công ty định kỳ tổ chức kiểm toán nội bộ tại các đơn vị thành viên, nhằm cùng nhau tìm ra và giải quyết các vấn đề còn tồn tại mỗi đơn vị, góp phần đưa từng đơn vị và tổ hợp phát triển minh bạch, bền vững.

Giúp cho việc gắn kết giữa các đơn vị một cách minh bạch và hiệu quả, Tổng Công ty ban hành các Quy trình về lựa chọn nhà thầu phụ, nhà cung cấp; Quy trình thanh toán nhà thầu phụ, nhà cung cấp; minh bạch thông tin, hướng tới mục tiêu hợp tác cùng phát triển.



Đồng hành cùng địa phương trong các công tác cộng đồng

Với truyền thống 30 năm trong ngành, đã trải qua nhiều công trình trên khắp cả nước, những người thợ đường dây VNECO thấu hiểu và luôn chia sẻ trách nhiệm cùng cộng đồng. Toàn thể người lao động luôn tiên phong trong việc đóng góp ủng hộ đồng bào cả nước bị thiên tai, bão lụt và chung tay cùng các tổ chức nhân đạo từ thiện trong việc hỗ trợ người nghèo, trẻ em mồ côi, bất hạnh và những hoàn cảnh khó khăn nhằm mang lại niềm vui cho cuộc sống và động viên những hoàn cảnh không may vươn lên. Đó chính là nét nhân văn được xây dựng trong 30 năm qua, là một phần không thể thiếu trong Văn hóa VNECO được định hình cùng thương hiệu.



Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Bộ Tài chính là một trong những bộ, ngành đầu tiên của Việt Nam chính thức ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh trong đó, trọng tâm là hình thành thị trường huy động vốn xanh phù hợp với thông lệ quốc tế. Chiến lược tăng trưởng xanh là chiến lược thúc đẩy quá trình tái cấu trúc và hoàn thiện thể chế kinh tế theo hướng sử dụng hiệu quả hơn tài nguyên thiên nhiên, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, thông qua tăng cường đầu tư vào đổi mới công nghệ, vốn tự nhiên, công cụ kinh tế. Từ đó góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm nghèo và đảm bảo phát triển kinh tế bền vững.

Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2050 với 3 mục tiêu cụ thể dần trở thành chỉ tiêu bắt buộc và quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội đó là: (i) tái cấu trúc và hoàn thiện thể chế kinh tế theo hướng xanh hóa các ngành hiện có và khuyến khích phát triển các ngành kinh tế sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên với giá trị gia tăng cao; (ii) nghiên cứu, ứng dụng ngày càng rộng rãi công nghệ tiên tiến nhằm sử dụng hiệu quả hơn tài nguyên thiên nhiên, giảm cường độ phát thải khí nhà kính, góp phần ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu; (iii) nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng lối sống thân thiện với môi trường thông qua tạo nhiều việc làm từ các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ xanh, đầu tư vào vốn tự nhiên, phát triển hạ tầng xanh. Trong đó có 3 nhiệm vụ chiến lược, đó là: (i) Giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. (ii) Xanh hóa sản xuất (iii) Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững.

Hưởng ứng chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và định hướng phát triển của Bộ tài chính về thị trường vốn xanh, VNECO đang dần chuyển hướng kinh doanh, mở ra một mũi nhọn mới tập trung vào lĩnh vực năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời) vì một nền kinh tế xanh, tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.



PHẦN 4

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Tình hình phát triển ngành	61
Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh	62
Tình hình tài chính	65
Cải tiến về tổ chức, chính sách và quản lý	68
Kế hoạch phát triển trong tương lai	69



BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

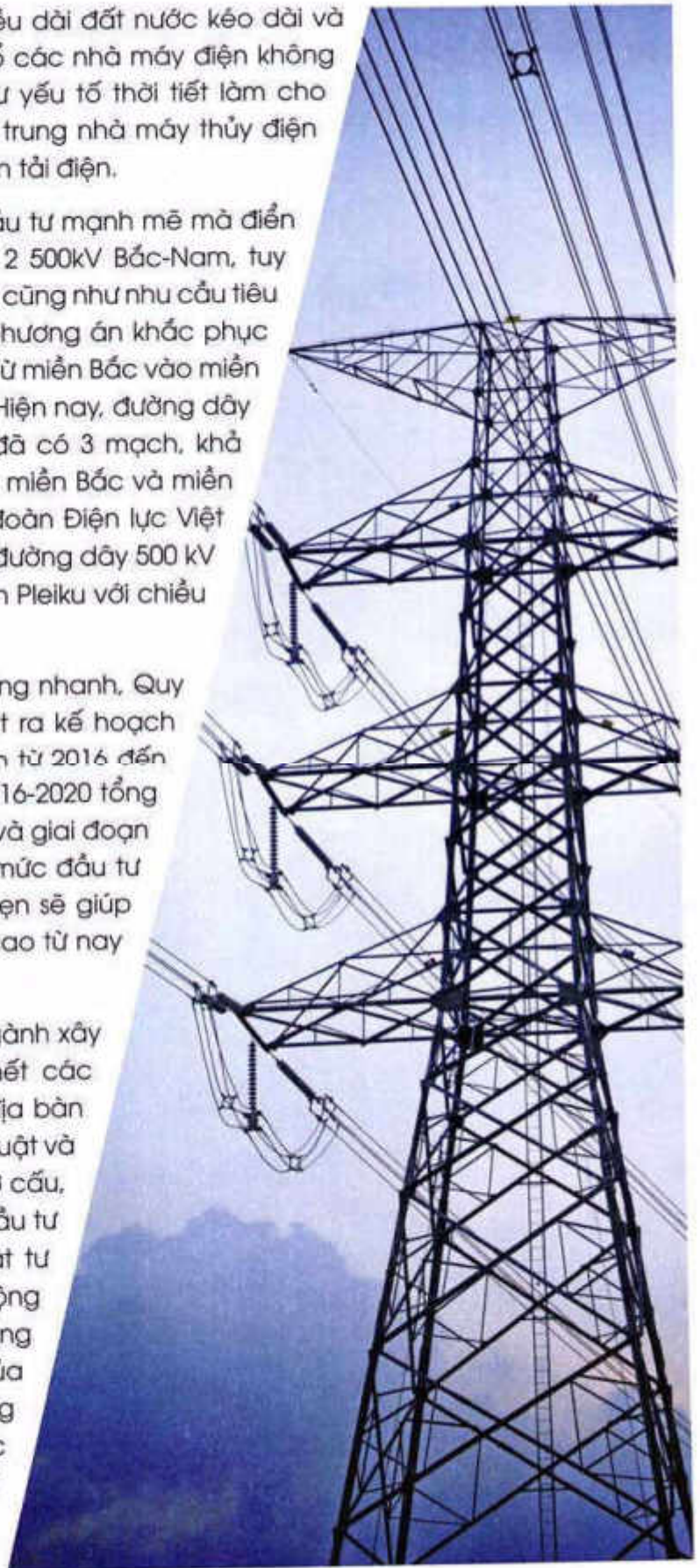
Tổng quan ngành xây lắp điện

Việt Nam có đặc điểm địa lý hẹp, chiều dài đất nước kéo dài và nhiều hải đảo. Cùng với đó là phân bố các nhà máy điện không đồng đều giữa các khu vực cũng như yếu tố thời tiết làm cho lượng điện phát ra ở các khu vực tập trung nhà máy thủy điện biến động gây khó khăn cho việc truyền tải điện.

Mặc dù hệ thống lưới điện đã được đầu tư mạnh mẽ mà điển hình như hai dự án Mạch 1 và Mạch 2 500kV Bắc-Nam, tuy nhiên việc chênh lệch nguồn cung điện cũng như nhu cầu tiêu thụ điện ở miền Nam tăng nhanh thì phương án khắc phục trong vài năm tới vẫn là truyền tải điện từ miền Bắc vào miền Nam qua hệ thống đường dây 500 kV. Hiện nay, đường dây 500 kV từ miền Trung vào miền Nam đã có 3 mạch, khả năng truyền tải lên đến 4000 MW. Giữa miền Bắc và miền Trung hiện nay đang là 2 mạch. Tập đoàn Điện lực Việt Nam đang có kế hoạch triển khai tiếp đường dây 500 kV mạch 3 đoạn từ khu vực Vũng Áng đến Pleiku với chiều dài khoảng 700 km.

Để đảm bảo đáp ứng nhu cầu điện tăng nhanh, Quy hoạch điện VII điều chỉnh 2016 đã đặt ra kế hoạch đầu tư lưới điện rất lớn trong giai đoạn từ 2016 đến 2030. Theo kế hoạch này, giai đoạn 2016-2020 tổng vốn đầu tư lưới điện là 214 nghìn tỷ đồng và giai đoạn 2021-2030 là 610 nghìn tỷ đồng. Tổng mức đầu tư lưới điện tăng trưởng mạnh mẽ hứa hẹn sẽ giúp cho ngành Xây lắp điện tăng trưởng cao từ nay tới 2030.

Triển vọng cao tuy nhiên thực trạng ngành xây lắp điện còn nhiều khó khăn. Hầu hết các công trình thi công nằm rải rác trên địa bàn cả nước, trong khi đội ngũ cán bộ kỹ thuật và thợ lành nghề ngày càng mỏng do cơ cấu, sắp xếp lại. Nhiều công trình do chủ đầu tư bản giao mặt bằng và cung cấp vật tư chậm, bên cạnh đó, những biến động của kinh tế thế giới và trong nước, cũng ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động của Công ty như giá cả vật tư đầu vào tăng cao; thiếu vốn đầu tư thi công, hoặc được vay trong nước nhưng lãi suất cao,... Đây là những khó khăn chung của các đơn vị ngành xây lắp điện.

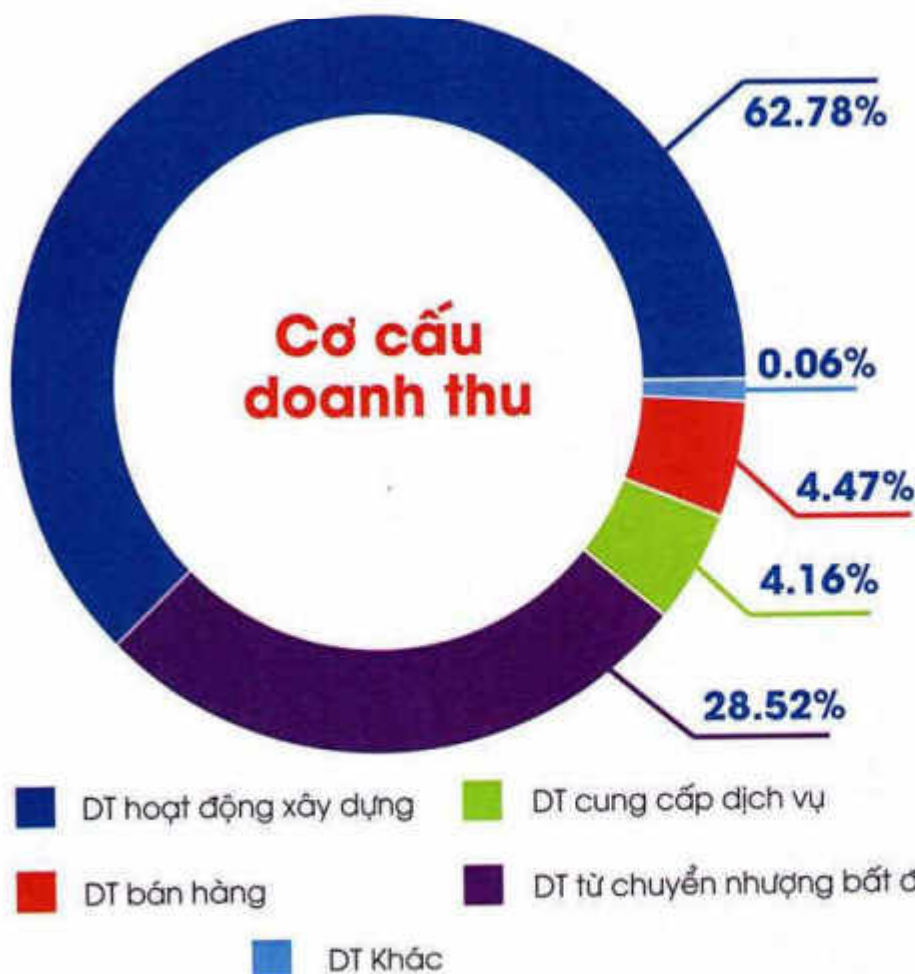


Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Giai đoạn 2015-2017 chứng kiến sự thay đổi thăng trầm của VNECO trong cơ cấu nhân sự cao cấp và cổ đông lớn, do đó đã có những ảnh hưởng nhất định đến chiến lược cũng như kết quả kinh doanh Tổng Công ty dẫn đến nhiều chỉ tiêu về kinh doanh không đạt được kế hoạch.





Kết thúc năm 2017, tính riêng Công ty mẹ doanh thu và thu nhập đạt 791,71 tỷ đồng, hoàn thành 71,14% kế hoạch năm và tăng 33,38% so với năm 2016. Lợi nhuận sau thuế đạt 71,60 tỷ đồng, đạt 64,51 % kế hoạch và tăng 88,03% so với năm 2016.

TT	Chỉ tiêu công ty mẹ	KH 2017	TH 2017	Tỉ lệ hoàn thành
1	Doanh thu và thu nhập	1.112.852	791.713	71,14%
2	Chi phí bán hàng	206	26	12,62%
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	50.926	94.027	184,63%
4	Lợi nhuận trước thuế	137.605	101.740	73,94%
5	Lợi nhuận sau thuế	111.005	71.605	64,51%
6	Cổ tức tiền mặt	10%	6,5%	65 %



Cơ cấu doanh thu giai đoạn 2015-2017 cũng có sự chuyển dịch dẫn trong việc giảm tỷ trọng hoạt động xây lắp và tăng đóng góp của hoạt động chuyển nhượng bất động sản. Năm 2015 doanh thu xây lắp đạt 919 tỷ đồng, chiếm 88% tổng doanh thu, đến 2017 chỉ còn 570 tỷ đồng, tương đương 62,78% tổng doanh thu.

Các yếu tố tác động đến kết quả kinh doanh trong năm 2017:

-  Cùng với sự tăng trưởng kinh tế đất nước, nhu cầu điện năng ngày càng tăng với tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm trung bình giai đoạn 2010-2016 đạt 13.07%/năm (nguồn: EVN). Tuy nhiên, cơ sở hạ tầng truyền tải điện còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ điện của nền kinh tế. Mặc dù hệ thống lưới điện đã được đầu tư mạnh mẽ nhưng vẫn còn tồn tại nhiều vướng mắc ảnh hưởng đến thực tế đầu tư của ngành. Một số yếu tố khách quan ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty như: tình hình đền bù giải phóng mặt bằng, tình hình cung cấp vật tư của chủ đầu tư, tình hình giải ngân đầu tư công (ước tính chỉ mới 30% kế hoạch), yếu tố thời tiết...
-  Bộ Công thương ban hành Quyết định 4970/QĐ-BCT ngày 21/12/2017 quyết định về việc công bố định mức chuyên ngành công tác lắp đặt đường dây tải điện và lắp đặt trạm biến áp. Theo quyết định này, xây dựng móng của các công trình truyền tải điện và trạm biến áp có định mức tương đương với các công trình xây dựng dân dụng. Đối với các công trình đường dây tải điện cao áp thì phần móng chiếm tỷ trọng từ 30-40% giá trị xây lắp, điều này làm cho biên lợi nhuận gộp các công ty xây lắp điện giảm mạnh dẫn đến hiệu quả hoạt động giảm.
-  Bên cạnh đó, sự cạnh tranh mạnh mẽ trong ngành cũng ảnh hưởng nhất định đến công tác đấu thầu và tìm kiếm việc làm của Tổng Công ty trong những năm gần đây.
-  Ngoài ra còn do yếu tố chủ quan xuất phát từ nội tại doanh nghiệp như sự thay đổi nhân sự trong HĐQT, Ban điều hành, thay đổi trong các chính sách quản trị, chính sách đầu tư... đòi hỏi doanh nghiệp cần một khoảng thời gian nhất định để hấp thu phương thức quản trị mới.



Các yếu tố tác động đến công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm

Yếu tố khách quan

Thủ tục trình tự và thời gian thực hiện công tác chuẩn bị đấu tư của Chủ đầu tư bị kéo dài, đặc biệt đối với các dự án sử dụng nguồn vốn vay ODA, làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án. Do vậy trong năm 2017 số lượng dự án triển khai đầu tư của các Ban QLDA thuộc EVN thấp hơn so với Kế hoạch đăng ký do vướng các thủ tục phê duyệt đầu tư, ảnh hưởng đến công tác tìm kiếm việc làm của VNECO.

Giá trị dự toán bị cắt giảm khi áp dụng định mức lắp đặt đường dây do Bộ công thương và Bộ xây dựng mới ban hành theo quyết định 4970/QĐ-BCT; do vậy ảnh hưởng lớn trong công tác đấu thầu khi giá dự thầu vượt giá gói thầu dẫn đến việc đấu thầu lại nhiều lần và chậm tiến độ triển khai dự án. Về phía nhà thầu điều này ảnh hưởng rất lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh và tiềm ẩn nhiều rủi ro cho các doanh nghiệp ngành xây lắp.

Yếu tố cạnh tranh: thực tế hiện nay VNECO đang chịu nhiều sự cạnh tranh từ các đối thủ có tiềm lực và các đối thủ mới ngày càng nhiều trong ngành xây lắp điện. Xu hướng phân chia các gói thầu lớn thành nhiều lô nhỏ, giảm tiêu chí năng lực trong đấu thầu do vậy rất nhiều nhà thầu đủ điều kiện để tham gia. Như trước đây, các dự án xây lắp điện 220kV, 500kV chỉ có dưới 5 nhà thầu lớn đủ năng lực tham gia đấu thầu, thì nay có trên 10 nhà thầu đáp ứng năng lực.

Yếu tố chuyển dịch, thay đổi cơ cấu sản phẩm ngành xây lắp điện: Hiện nay sản phẩm ngành xây lắp điện rất đa dạng, ngoài các dự án là xây lắp đường dây trên không và Trạm biến áp đơn thuần thì còn các sản phẩm khác như Cấp ngầm, dây siêu nhiệt, trạm GIS,... xu hướng ngầm hóa các đường dây 22kV, 110kV, 220kV; thay thế TBA thông thường thành Trạm GIS tại các thành phố lớn; xu hướng xây lắp cải tạo nâng cấp công suất lắp TBA, lắp máy T2, Chống quá tải đường dây, thay dây đường dây cũ trong môi trường mang điện, cung cấp và lắp đặt cột đơn thân,... Nếu không chuẩn bị năng lực, nhân sự kịp theo xu hướng thị trường thì sẽ gặp khó khăn, không đáp ứng được nhu cầu của ngành nghề, dẫn sẽ mất năng lực trong đấu thầu cạnh tranh.

Yếu tố chủ quan

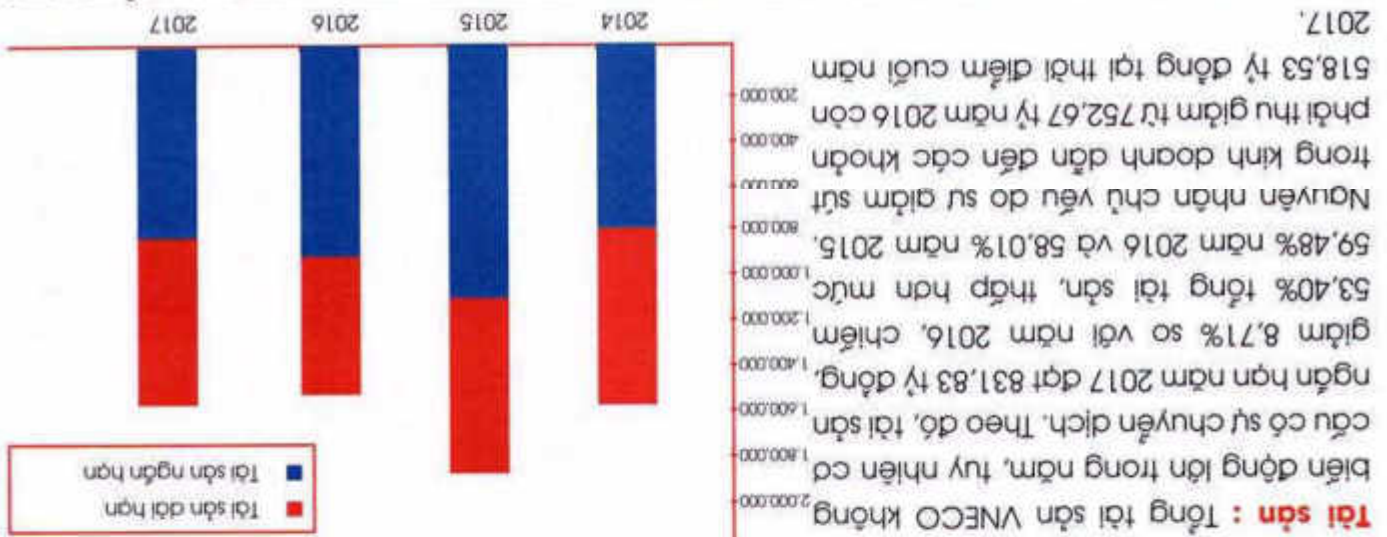
Kỳ vọng lợi nhuận của một số dự án đấu thầu của VNECO đặt ra trước đấu thầu khá cao, đẩy giá dự thầu của VNECO lên cao, trong khi đối thủ cạnh tranh sẵn sàng giảm giá thấp để trúng thầu, do vậy làm giảm cơ hội trúng thầu của VNECO.

Đối với các gói thầu PC hoặc EPC, phần vật tư (P) không phải là lợi thế của VNECO và phải chào giá qua bên thứ 3, do vậy rủi ro về lãi vay trả trước cho phần vật tư sẽ đẩy giá thành lên cao, giảm tính cạnh tranh và cơ hội trúng thầu.

Đang hoàn thiện và cập nhật các thủ tục pháp lý về công tác đấu thầu.



Trong khi đó, việc mở rộng đầu tư các dự án năng lượng tái tạo và một số dự án khác đây chỉ phi SXKD dở dang dài hạn tăng từ 368,12 tỷ đồng lên 490,13 tỷ đồng, đưa tỷ trọng tài sản dài hạn tăng lên 46,60% tổng tài sản năm 2017.



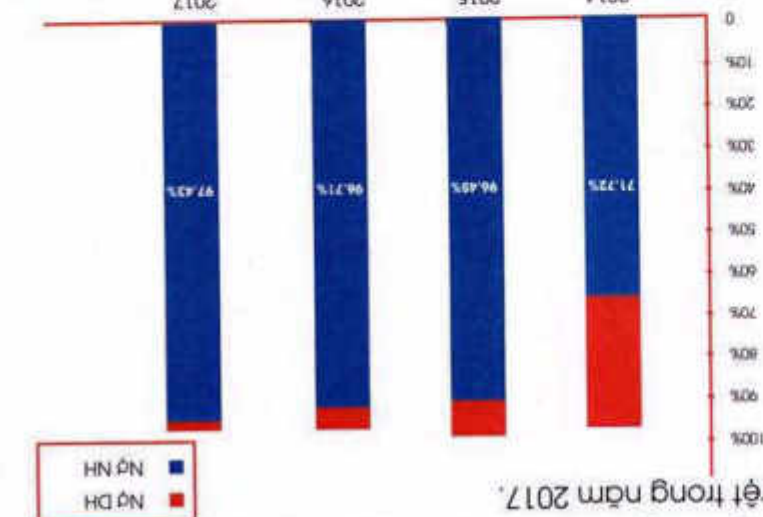
TT	Chỉ tiêu	2015	2016	2017	Thay đổi
I	Tổng tài sản	1.873.342	1.531.873	1.558.529	1,74%
1	Tài sản ngắn hạn	1.086.704	911.145	832.372	-8,65%
2	Tài sản dài hạn	786.638	620.728	726.157	16,98%
II	Nguồn vốn	1.873.342	1.531.873	1.558.529	1,74%
1	Nợ ngắn hạn	845.042	535.714	605.655	13,06%
2	Nợ dài hạn	31.060	18.197	16.006	-12,04%
3	Vốn chủ sở hữu	997.240	977.962	936.868	-4,20%

Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

Vốn chủ hữu năm 2017 đạt 936,77 tỷ đồng, giảm 4% so với năm 2016 do trong năm công ty mua Phong.

Xây lắp đường dây và dự án năng lượng tái tạo, chủ yếu tập trung dự án điện gió Thuận Nhiên 192,26 tỷ đồng, tăng 18,75% so với năm 2016 do nhu cầu vốn cho việc mở rộng đầu tư các dự án khoản phải trả ngắn hạn (47,71%) do đặc trưng ngành xây lắp. Vay ngắn hạn trong năm đạt thay đổi lớn với tỷ trọng tập trung vào



Tính đến cuối năm 2017, tổng nợ VNECO đạt 621,02 tỷ đồng tăng 12,11% so với cùng kỳ, trong đó nợ ngắn hạn chiếm 97,43%. Cơ cấu nợ ngắn hạn không có sự toàn với tỷ lệ nợ tương đương 40% tổng nguồn vốn.

Cơ cấu nguồn vốn Tổng Công ty giai đoạn 2015-2017 duy trì mức ổn định và an

đúng tài sản của Tổng Công ty cải thiện rõ rệt trong năm 2017. Cùng với công tác tái cơ cấu các tài sản ngoài ngành và tái sản đầu tư tài chính, hiệu quả sử

TT	Chỉ tiêu hiệu quả sử dụng tài sản	2015	2016	2017
1	DT/TTS	57,71%	50,54%	58,35%
2	DT/TSNH	96,03%	84,97%	109,27%
3	DT/TSND	132,66%	124,72%	125,20%
4	ROA	5,90%	0,59%	4,10%

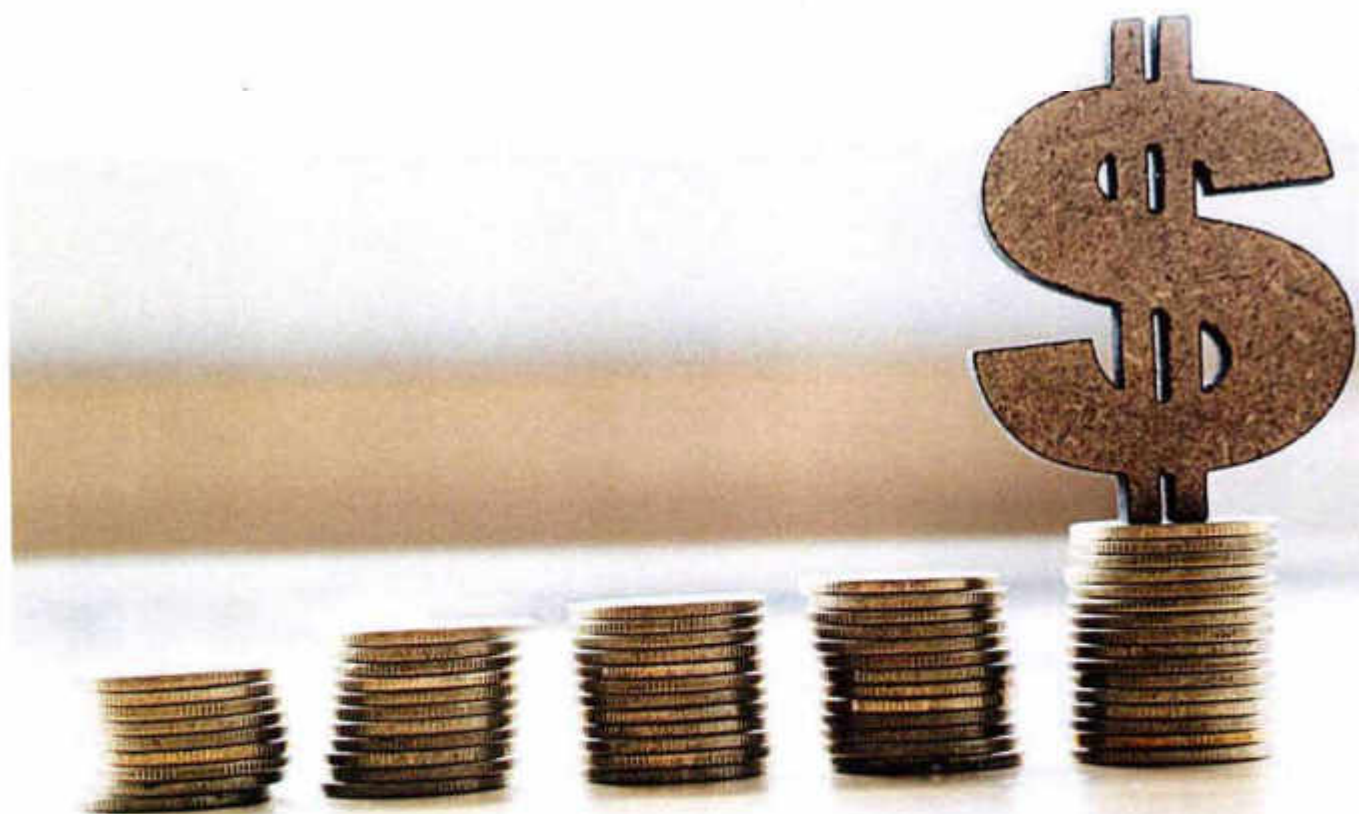
TT	Mã CP	SL CP đã bán	Giá gốc đầu tư ban đầu	Giá bán thoái vốn	Lãi/Lỗ	GT đã trích lập dự phòng
DVT						
1	LCG	207.000	3.536	1.157	(2.379)	(2.714)
2	Thủy điện Sông Chò	369.552	3.695	3.695	0	0
3	GEX	950.000	19.706	19.950	244	0
4	SBA	53.620	368	789	421	0
5	VE9	39.400	365	622	257	0
6	VE1	84.400	757	723	(34)	0
Tổng cộng			27.305	25.591	(1.714)	(2.714)

Trong năm 2017, Tổng Công ty đã thực hiện thoái vốn các khoản đầu tư tài chính sau:

Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá hối đoái đến kết quả kinh doanh công ty: không có

Ảnh hưởng của lãi vay đến kết quả kinh doanh công ty: Với đặc thù kinh doanh ngành xây lắp điện nhu cầu vốn lớn, trong khi nguồn vốn giải ngân của chủ đầu tư tương đối chậm nên công ty sử dụng nợ vay ngắn hạn để xoay vòng vốn các công trình. Tuy nhiên, tỷ lệ nợ luôn được kiểm soát mức hợp lý (dưới 50%) trong đó vay ngân hàng ngắn hạn năm 2017 đạt 192,26 tỷ đồng, tương mức 12,34% Tổng tài sản, vay nợ dài hạn đạt 2,97 tỷ đồng, tương đương 0,19% tổng tài sản. Tổng nợ vay chiếm 12,53% tổng tài sản, mức khá thấp so với các doanh nghiệp trong ngành. Chi phí lãi vay năm 2017 đạt 14,36 tỷ đồng, giảm 38,38% so với cùng kỳ.

Bên cạnh đó, với quy mô hoạt động lớn, các dự án có tính khả thi cao cùng mối quan hệ tốt với các ngân hàng trên địa bàn nên Tổng Công ty thường xuyên được hưởng các mức lãi suất ưu đãi khi có nhu cầu vay vốn. Các khoản vay của Tổng Công ty được điều chỉnh biên độ thấp. Năm 2017, lãi suất thị trường tương đối ổn định, do đó, không ảnh hưởng nhiều đến kết quả kinh doanh Tổng công ty.



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tái cấu trúc

Tổng Công ty thực hiện phân chia cơ cấu Ban điều hành trực tiếp chỉ đạo công việc thi công, giám công chéo trong công việc. Phân công nhiệm vụ cụ thể các Phó Tổng giám đốc chịu trách nhiệm từng khối nghiệp vụ: Chỉ đạo thi công các công trình miền Bắc, Trung, Nam; chỉ đạo công tác đấu thầu; chỉ đạo công tác tài chính; chỉ đạo công tác phát triển năng lượng tái tạo.

Ở cấp trung, Ban điều hành đã tập trung củng cố bộ máy tổ chức, sắp xếp lại nhân sự theo hướng tinh giảm, gọn nhẹ, chú trọng khâu chỉ đạo, điều hành của các phòng, ban chuyên môn. Trong năm Tổng Công ty sáp nhập một số phòng ban để thuận tiện cho công tác quản lý và vận hành, như sáp nhập Phòng Đấu thầu và phòng Kinh tế-Kế hoạch, bỏ phòng Kinh tế-Đối ngoại....

Đối với cấp CBNV, Ban điều hành thực hiện tuyển chọn đội ngũ lao động trẻ, vững chuyên môn, thợ lành nghề, nhất là có cơ chế đãi ngộ thỏa đáng để khuyến khích người lao động làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả; tích cực đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, phương tiện thi công; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đề xuất các biện pháp, xử lý kịp thời những vướng mắc trong quá trình triển khai nhiệm vụ.

Mặt khác, tuy có thế mạnh thương hiệu đơn vị uy tín hàng đầu trong nước về thi công lưới điện từ hạ thế đến 500 kV, nhưng trong lĩnh vực xây lắp điện thời gian gần đây có sự cạnh tranh quyết liệt nên Tổng Công ty vừa phải nâng cao năng lực, tham gia đấu thầu các dự án, vừa phải mở rộng thị trường tới các điện lực địa phương, đồng thời tích cực nhận thi công các công trình khác... để đảm bảo việc làm, đời sống cho CBNV.



Áp dụng các phương thức quản lý hiện đại

Tổng Công ty đã nghiên cứu và xây dựng thang bảng lương theo hiệu quả công việc. Đây là cơ sở để nhà quản lý đánh giá thành tích của phòng ban, của nhân viên và đưa ra những khuyến khích phù hợp cho từng phòng ban, từng nhân viên. Ban điều hành áp dụng nhiều phương pháp quản lý khác như báo cáo tuần, bảng mô tả nhiệm vụ và kế hoạch hành động... nhằm đảm bảo cho người lao động thực hiện đúng các trách nhiệm trong bảng mô tả công việc của từng vị trí chức danh cụ thể, điều này góp phần cho việc đánh giá thực hiện công việc trở nên minh bạch, rõ ràng, cụ thể, công bằng và hiệu quả hơn, nâng cao hiệu quả của đánh giá thực hiện công việc.

Tổng Công ty thực hiện đào tạo và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018 [*]	Tỷ lệ KH 2018/TH 2017
1	Tổng doanh thu, thu nhập	Tr.đ	1.112.852	784.873	1.290.388	163%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	111.005	71.605	86.161	120%
3	Tỷ lệ cổ tức	%	10	6,5	10	
4	Vốn điều lệ	Tr.đ	904.330	904.330	904.330	— 100%

(*) Kế hoạch sẽ được trình tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018

Biện pháp thực hiện kế hoạch



Về công tác điều hành hoạt động xây lắp: Tập trung chỉ đạo thi công các công theo đúng tiến độ kế hoạch. Cụ thể:

Điều chuyển kịp thời khối lượng của các đơn vị không quyết liệt trong công tác đền bù, thi công, chỉ nhận khối lượng rồi thi công cầm chừng.

Hàng quý sẽ đánh giá năng lực thi công của nhà thầu để có cơ sở giao KL phù hợp hơn.

Tăng cường năng lực đền bù giải phóng mặt bằng.

Tăng cường đầu tư nhân lực, máy móc hiện đại phục vụ thi công.

Củng cố và duy trì tốt mối quan hệ với khách hàng hiện tại, phát triển mối quan hệ với khách hàng mới.

tăng cường hợp tác, liên kết trong đấu thầu giữa các công ty con trong tổ hợp đối với các gói thầu vừa và nhỏ.

Tiếp tục tìm kiếm các đối tác để hợp tác nhằm tạo kinh nghiệm và năng lực trong các lĩnh vực mới.

Thực hành giao khoán chi phí cho các Ban chỉ đạo nhằm tiết kiệm chi phí quản lý, cũng như phù hợp với thời kỳ đơn giá hợp đồng thấp hiện nay.



Công tác Tài chính - Kế toán: Một số giải pháp nhằm ổn định tình hình tài chính và nâng cao hiệu quả SXKD cho năm 2018 và các năm tiếp theo; Bao gồm:

Thực hiện quyết liệt nhanh chóng việc thu hồi vốn công trình từ các chủ đầu tư.

Giải quyết dứt điểm các thủ tục pháp lý nhằm đủ điều kiện chuyển nhượng các dự án BĐS tại TP HCM hoặc thực hiện hoàn thành thủ tục sở hữu để có thể lập phương án kinh doanh nhằm tăng hiệu quả sử dụng vốn cho phần vốn đã đầu tư.

Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu tài sản, các khoản đầu tư tài chính theo phương án tìm kiếm đối tác chuyển nhượng phần vốn đầu tư tại các cơ sở kinh doanh hiệu quả thấp.

Thực hiện quyết liệt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, rà soát các chi phí nhằm tăng hiệu quả SXKD.

Nghiên cứu tái cấu trúc hợp lý các khoản mục đầu tư tài chính theo phương án linh hoạt thoái vốn hoặc đầu tư bổ sung vào một số đơn vị trong, ngoài tổ hợp theo định hướng phát triển trung, dài hạn và mang lại hiệu quả cho Tổng Công ty.

Xem xét lại tất cả các dự án đã và đang triển khai, các tài sản chưa sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả trình HĐQT/ĐHĐCĐ quyết định chuyển nhượng nhằm hiện thực hóa dòng tiền để tập trung nguồn lực tài chính ưu tiên cho sự phát triển theo đúng định hướng chiến lược của Tổng Công ty trong thời gian tới.

Ưu tiên nguồn lực tài chính đầu tư trang thiết bị, nhân lực nhằm từng bước tham gia sâu rộng vào các dự án năng lượng tái tạo.

Tăng cường công tác quản lý giám sát phần vốn đầu tư tại các đơn vị, đẩy mạnh công tác kiểm toán nội bộ, đảm bảo thực hiện tối đa quyền của cổ đông lớn đối với phần vốn đầu tư tại các đơn vị.

Về công tác quản lý kỹ thuật, chất lượng công trình

Tiếp tục nâng cao trình độ thi công lắp đặt trạm biến áp và fim hiểu thêm về lĩnh vực xây lắp điện gió để đầu tư trang thiết bị, dụng cụ thi công cho một số đơn vị thi công; Cập nhật biện pháp thi công, những quy định mới hoàn chỉnh các quy trình quản lý chất lượng, kỹ thuật, an toàn lao động về xây lắp đường dây và trạm điện gió, điện mặt trời; Phổ biến/hướng dẫn cho các đơn vị nhằm tăng cường công tác quản lý kỹ thuật và giám sát chất lượng công trình; Tổ chức vận hành công tác kiểm soát tiến độ và chất lượng theo quy trình quản lý chất lượng. Để ngăn chặn tình trạng làm ẩu, làm kém chất lượng. Tổng Công ty sẽ kiên trì duy trì hệ thống quản lý chất lượng nội bộ cho từng hạng mục công việc, các Ban chỉ đạo tăng cường công tác nghiệm thu nội bộ, giảm bớt những sai sót do chủ quan, không phải sửa sai nhiều làm ảnh hưởng đến tiến độ và tăng chi phí; Phối hợp giám sát chủ đầu tư để cùng kiểm tra kiểm soát chất lượng công trình ngay từ khâu vật liệu đầu vào đến khi kết thúc công việc.

- Các Ban Chỉ đạo thường xuyên cập nhật tiến độ thi công hàng tuần các công trình áp dụng các công nghệ tiên tiến. Bố trí cán bộ kỹ thuật phối hợp với đơn vị thi công chuẩn bị trước hồ sơ nghiệm thu, đến khi triển khai nghiệm thu sẽ tổ chức nghiệm thu ngoài hiện trường song song với việc hoàn thiện hồ sơ để rút ngắn thời gian của quá trình này.

- Tăng cường kiểm tra công tác an toàn, bảo hộ lao động. Tổng Công ty đã trang bị thêm một số dụng cụ thi công kéo dây vượt đường dây trung và hạ áp, kéo vượt sông.... Kiên quyết xử lý những đơn vị, cá nhân vi phạm quy định về công tác an toàn, kiểm tra thường xuyên biện pháp thi công của đơn vị (nhân lực, dụng cụ thi công, PATCXD, biện pháp an toàn lao động...). Đặc biệt trong hạng mục lắp dựng cột, rải căng dây.

- Trong năm 2018, áp dụng rộng rãi công tác kéo dây theo công nghệ mới "kéo dây không chạm đất" trong tổ hợp tại các đường dây đang thi công nhằm nâng cao chất lượng công trình, tăng năng suất, giảm thiệt hại về đền bù.



- Tăng cường công tác quản lý vật tư trên các công trình tránh thất thoát, đảm bảo cung cấp kịp thời, đồng thời tính toán để phân bổ chính xác hợp lý một số vật tư chủ đầu tư cấp theo khối lượng công việc mà đơn vị được Tổng Công ty giao.
- Hiện nay việc thi công kéo dây giao chéo với các Đz 220kV, 110kV không cho cắt điện nên bộ phận kỹ thuật phải không ngừng xem xét, cải tiến để tham mưu các biện pháp thi công phù hợp với từng địa hình đảm bảo tiến độ thi công an toàn nhất và tiết kiệm kinh phí.

Về công tác tổ chức nhân sự và đào tạo

Soát xét, sửa đổi, Điều lệ, Quy chế quản trị công ty niêm yết theo Nghị định 71/2017

Hoàn thiện mô hình tổ chức, sửa đổi, điều chỉnh chức năng nhiệm vụ phục vụ công tác chuyển đổi hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015;

Xây dựng thang, bảng lương các vị quản lý, CBCNV, sửa đổi cơ chế trả lương để phù hợp với hoạt động Tổng Công ty và đáp ứng quy định pháp luật lao động, BHXH, thuế áp dụng từ năm 2018;

Xây dựng Quy định đánh giá kết quả công việc để làm căn cứ tính trả lương theo hiệu quả công việc. Xây dựng đơn giá tiền lương, kế hoạch nguồn quỹ tiền lương năm 2018;

Hoàn thành việc cấp chứng chỉ hạng I cho 15 kỹ sư đã thi sát hạch tháng 12/2017.

Thực hiện công tác tổ chức hoạt động, nhân sự, chế độ đối với: Chi nhánh TP HCM, Khách sạn Xanh Đà Nẵng.

Phối hợp thực hiện về công tác tổ chức, nhân sự đối với các Cty TNHH MTV về mô hình tổ chức, bố trí nhân sự, tiền lương, chế độ chính sách đối với người lao động.

Phối hợp triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBNV: Đào tạo quản trị Công ty; đào tạo thi công lắp đặt thiết bị điện mặt trời; đào tạo nghề, tập huấn công tác KIAI công nhân Chi nhánh; đào tạo cấp chứng chỉ quản lý dự án hạng II: 02 người; đào tạo chuyên môn nghiệp vụ: dự toán, đấu thầu, ...

Phát triển nguồn tuyển dụng, tuyển chọn đúng người, đúng cách (công cụ tuyển dụng phù hợp và tin cậy), đủ số lượng, đáp ứng kịp thời, bố trí đúng việc: Bổ sung chuyên môn kỹ thuật và lực lượng đối với Công ty TNHH MTV Điện mặt trời.

Theo dõi giải quyết chế độ CBNV đi công tác tại các Ban chỉ đạo: Giải quyết tiền lương, chế độ chính sách đối với người lao động (BHXH, BHTN, các chế độ khác).

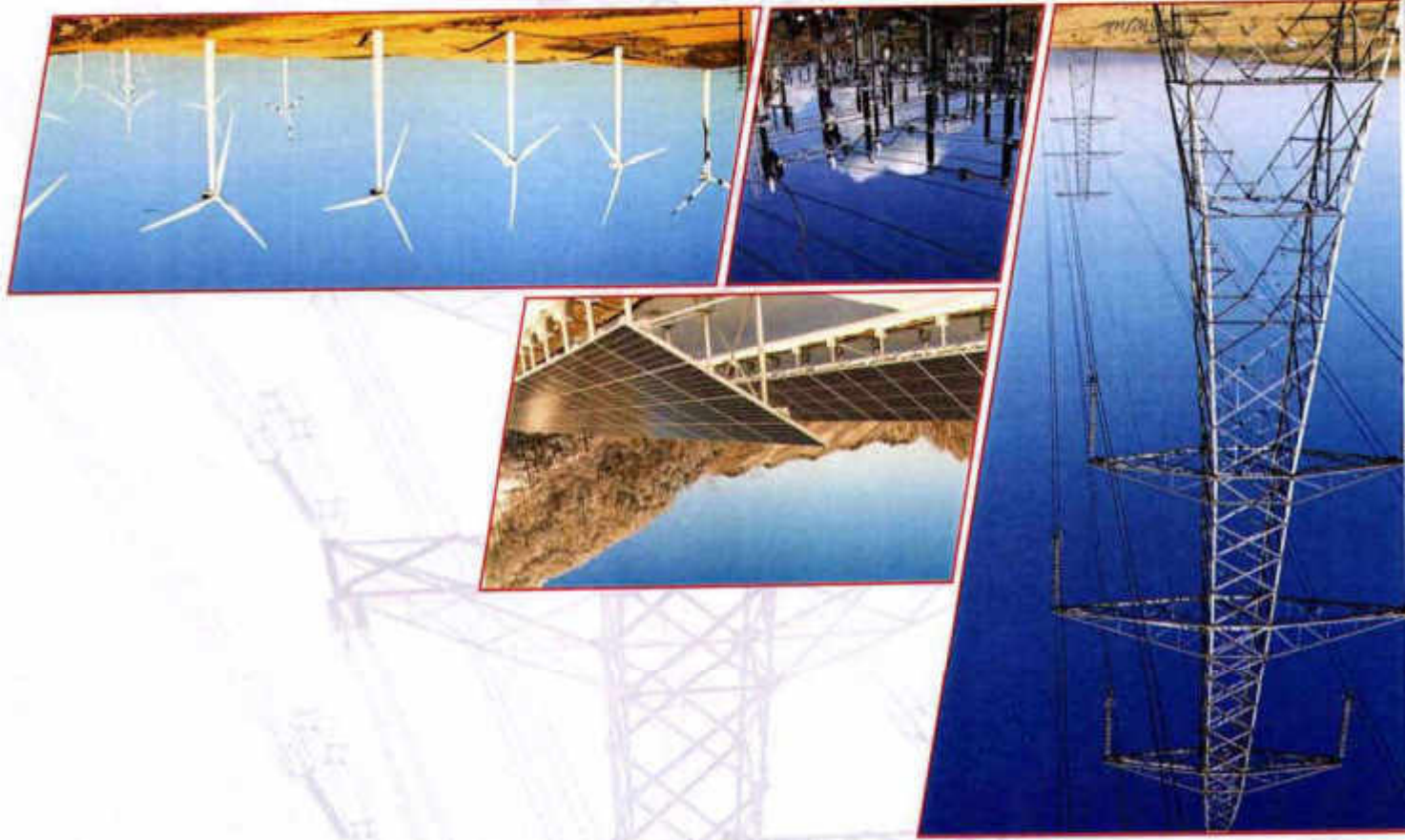
 **Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** không có

 **Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

(xem Báo cáo tác động môi trường xã hội)

PHẦN 5 | BẢO CAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 73 Đánh giá HĐQT về hoạt động công ty
- 74 Đánh giá HĐQT về hoạt động Ban giám đốc
- 74 Kế hoạch định hướng HĐQT



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Đánh giá HĐQT về các mặt hoạt động của Tổng Công ty

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, nhu cầu điện năng ngày càng gia tăng kéo theo tăng trưởng của ngành xây lắp điện trong đó có sự gia tăng trong nhu cầu lắp máy phát điện, trạm biến áp và đường dây tải điện. Để đảm bảo cho nhu cầu điện tăng nhanh, Quy hoạch điện VII điều chỉnh năm 2016 đã đặt ra kế hoạch đầu tư lưới điện rất lớn cho giai đoạn 2016-2030. Tổng mức đầu tư lưới điện giai đoạn 2016-2020 là 214 nghìn tỷ đồng và giai đoạn 2021-2030 là 610 nghìn tỷ đồng, điều này hứa hẹn sẽ giúp cho ngành xây lắp điện tăng trưởng cao đến năm 2030.



Tuy nhiên Quyết định 4970/QĐ-BCT của Bộ Công Thương ngày 21/12/2016 quy định về định mức dự toán chuyên ngành công tác lắp đặt đường dây tải điện và lắp đặt trạm biến áp đã ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh của các đơn vị trong ngành nói chung và VNECO nói riêng, dẫn đến doanh thu và lợi nhuận mảng xây lắp đạt rất thấp so với các năm trước. Với sự nỗ lực của toàn bộ CBNV và định hướng dịch chuyển trong cơ cấu ngành nghề, năm 2017 VNECO vẫn đạt 908.89 tỷ đồng doanh thu và 65.76 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tuy không đạt kế hoạch đã được Đại hội Đồng Cổ đông năm 2017 thông qua nhưng ghi nhận mức tăng trưởng cao, tương ứng là 17.40% và 1100.07% so với năm 2016.

Trong năm 2017, mọi hoạt động của Tổng Công ty đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành

Trong năm 2017, mặc dù cơ cấu Hội đồng quản trị và Ban điều hành có nhiều thay đổi nhưng Hội đồng quản trị vẫn luôn song hành cùng Ban điều hành trong từng hoạt động, bám sát thị trường, đưa ra các chỉ đạo kịp thời. Các hoạt động của Ban điều hành tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Tuy nhiên, trước tình hình khó khăn của ngành, Ban điều hành vẫn chưa có những biện pháp ứng phó kịp thời dẫn đến kết quả kinh doanh không đạt như kỳ vọng và chưa hoàn thành tốt được nhiệm vụ được giao.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành

Năm 2017, HĐQT đã quản lý, giám sát, chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT thông qua các hình thức:

- Tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty;
- Theo dõi việc tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh của Tổng Công ty hàng tháng, quý và năm 2017; Xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2018;
- Công tác báo cáo tài chính của Tổng Công ty, báo cáo thường niên năm 2016; báo cáo tài chính các quý của năm 2017;
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán để soát xét báo cáo tài chính 6 và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017;
- Chi trả tạm ứng cổ tức năm 2017 bằng tiền mặt với tỷ lệ 5% vốn điều lệ;
- Yêu cầu Tổng Giám đốc và Ban Điều hành thực hiện báo cáo tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh tại các cuộc họp định kỳ hàng quý và theo yêu cầu của HĐQT. Ngoài ra, tại các cuộc họp hàng tháng của Ban Điều hành, Chủ tịch HĐQT và một số thành viên HĐQT đã sắp xếp tham gia và chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty;
- Việc thực hiện phương án tái cấu trúc tài sản, đầu tư tài chính của Tổng Công ty theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT Tổng Công ty;
- Thực hiện phương án mua lại cổ phiếu đã phát hành để làm cổ phiếu quỹ;
- Thành lập Công ty con, mua toàn bộ phần vốn góp của Công ty cổ phần Năng lượng tái tạo châu Á vào Công ty TNHH Thuận Nhiên Phong 1 để chuyển thành Công ty con của VNECO và tổ chức thực hiện đầu tư dự án Điện gió Thuận Nhiên Phong;
- Thành lập công ty con trực tiếp quản lý dự án nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Long và dự án nhà máy điện mặt trời Hòa Thắng.
- Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc tăng cường công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty;
- Giám sát về công tác quản trị, công tác tài chính, công tác kiểm toán, hoạt động tái cấu trúc tài sản- tài chính, hoạt động đầu tư các dự án của Tổng Công ty;
- Giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật, Điều lệ, quy chế quản lý của Tổng Công ty trong điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Giám đốc.

Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

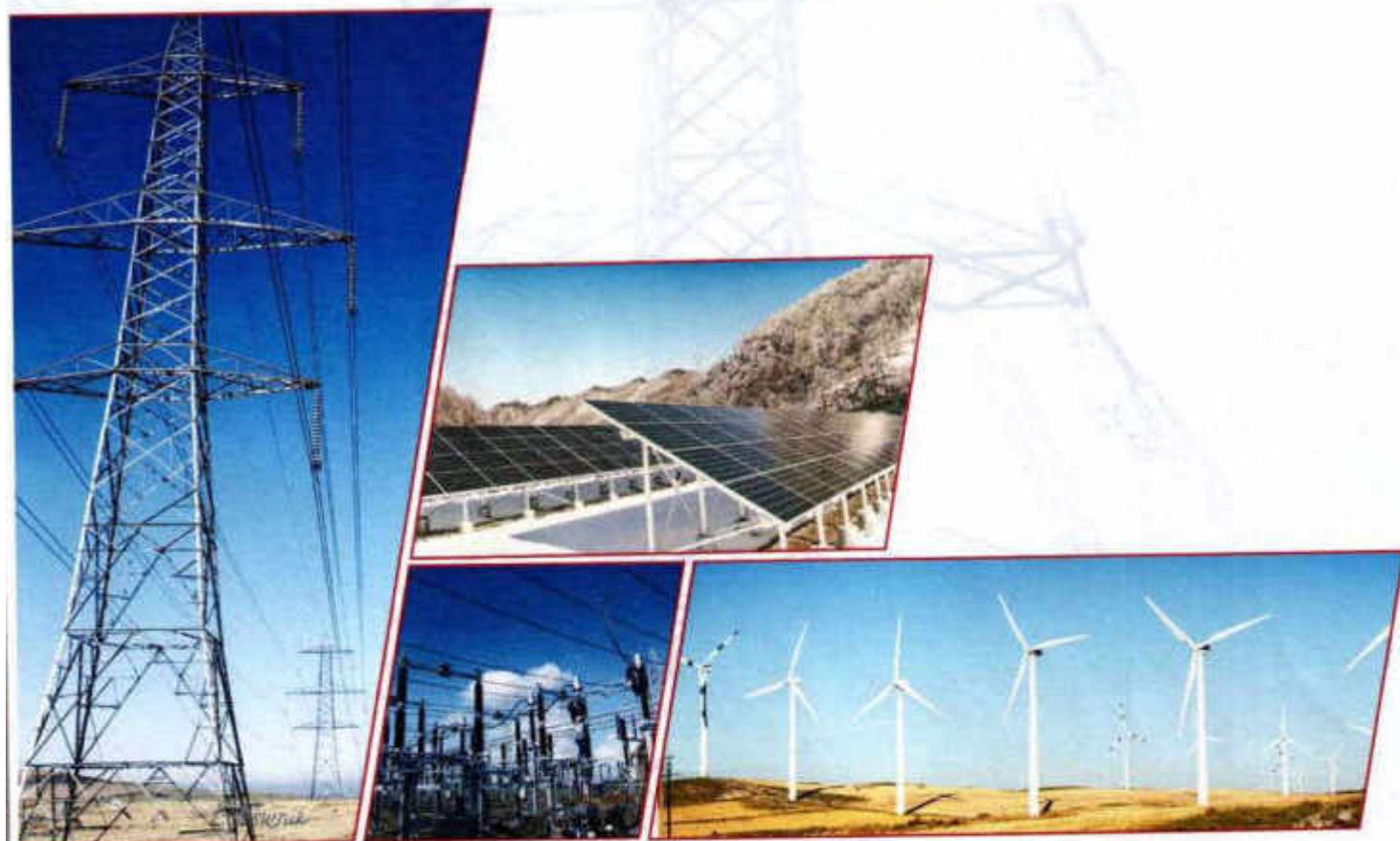
Hội đồng quản trị nhất trí cao về các chỉ tiêu về định hướng kinh doanh cũng như kế hoạch kinh doanh năm 2018 của Tổng Công ty. Trong năm 2018, Hội đồng quản trị tập trung tìm kiếm việc làm mới trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt của ngành xây lắp điện, đồng thời định hướng mở rộng mảng hoạt động phát triển năng lượng tái tạo nhằm xây dựng một trụ cột cho sự phát triển bền vững của Tổng Công ty.

Ngoài ra, nhằm tăng cường công tác quản trị của tổ hợp VNECO, năm 2018, Hội đồng quản trị từng bước xây dựng và hoàn thiện các Quy trình, Quy chế quản trị theo hướng chuyên trách, nâng cao vai trò từng thành viên Hội đồng quản trị trong công tác điều hành và giám sát nhằm kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh trong toàn tổ hợp công ty mẹ-công ty con, đảm bảo tối đa lợi ích cổ đông.

PHẦN 6

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	75
Ban kiểm soát	79
Giao dịch, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	81



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và sơ yếu lý lịch

	Họ và tên	Chức vụ
1	Đoàn Đức Hồng	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 23/03/2017)
2	Đặng Trọng Ngôn	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 23/03/2017)
3	Ngô Văn Cường	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 13/06/2017)
4	Nguyễn Tịnh	Thành viên
5	Phan Anh Quang	Thành viên
6	Trương Phước Nghĩa	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/07/2017)
7	Lê Thanh Hồng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 05/06/2017)
8	Lê Mạnh Hùng	Thành viên
9	Phan Trinh Anh Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 21/07/2017)
10	Nguyễn Đậu Thảo	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 31/07/2017)
11	Trần Quang Cần	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 31/07/2017)

Ông Đoàn Đức Hồng - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

(xem mục Ban điều hành)

Ông Ngô Văn Cường - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

(xem mục Ban điều hành)

Ông Nguyễn Tịnh - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

(xem mục Ban điều hành)

Ông Phan Anh Quang - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

(xem mục Ban điều hành)

Ông Trần Quang Cần - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm kế toán trưởng

(xem mục Ban điều hành)





Ông Lê Mạnh Hùng
Thành viên HĐQT

Năm sinh: 05/08/1977

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Số cổ phần nắm giữ tại 27/12/2017: 0 cổ phần - tỷ lệ 0% vốn điều lệ

01/2000-06/2002 Cán bộ tín dụng ngân hàng liên doanh Shinnhan Bank Hà Nội

06/2002-05/2005 Du học tại California State University

06/2005-11/2007 Trưởng phòng kinh doanh, phó giám đốc CTCP Quốc tế APEX

12/2007 - nay Trưởng phòng đầu tư, phó giám đốc Công ty TNHH chứng khoán Vietcombank

06/2016 - nay Thành viên HĐQT Tổng CTCP Xây dựng Điện Việt Nam

Năm sinh: 24/04/1958

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế điện

Số cổ phần nắm giữ tại 27/12/2018: 401.280 cổ phần - tỷ lệ 0.444% vốn điều lệ

01/1983- 03/1990 Công ty xây lắp điện Nghệ Tĩnh

04/1990- 04/2003 Xí nghiệp xây dựng điện và vật tư

05/2003- 11/2004 Công ty xây lắp điện 3

12/2004- 2017 Công ty TNHH MTV xây lắp điện 3.2

8/2017 đến nay Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO2

09/2017 đến nay Thành viên HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
Là Thành viên HĐQT



Ông Nguyễn Đâu Thảo
Thành viên HĐQT

Tiêu ban HĐQT

HĐQT thành lập Ban tài cấu trực tài sản, đầu tư tài chính. Nhiệm vụ của Ban: Lập kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện Phương án tài cấu trực tài sản- đầu tư tài chính của Tổng Công ty đã được Hội đồng quản trị Tổng Công ty phê duyệt.

Năm 2017, Ban tài cấu trực tiếp thực triển khai thực hiện phương án tài cơ cấu, tài sản đầu tư tài chính của Tổng Công ty.

Hoạt động của HĐQT

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu	Số buổi họp	Tỷ lệ	Lý do không
----	-----------------	---------	--------------	-------------	-------	-------------

1	Đoàn Đức Hồng	Chủ tịch HĐQT từ ngày 23/3/2017	25/11/2015	11/11	100%	
2	Đông Trọng Ngôn	Chủ tịch HĐQT (từ nhiệm ngày 23/3/2017)	25/11/2015	3/11	27%	Đã từ nhiệm ngày 23/3/2017 (nước ngày họp DHĐCB năm 2017)
3	Nguyễn Tinh	Thành viên HĐQT	25/11/2015	11/11	100%	
4	Phan Anh Quang	Thành viên HĐQT	29/01/2015	11/11	100%	
5	Trương Phước Nghĩa	Thành viên HĐQT	25/05/2015	7/11	63,64%	Đã từ nhiệm ngày 25/7/2017
6	Phan Trịnh Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	25/05/2015	7/11	63,64%	Đã từ nhiệm ngày 25/7/2017
7	Lê Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	03/6/2016	10/11	90,90%	
8	Ngô Văn Cường	Thành viên HĐQT	13/06/2017	06/11	54,55%	Mọi được bổ nhiệm ngày 13/6/2017 (nước thời điểm NB 71/2017/NĐ-CP có hiệu lực)
9	Lê Thanh Hồng	Thành viên HĐQT	25/11/2015	5/11	45,45%	Đã từ nhiệm ngày 05/6/2017
10	Trần Quang Căn	Thành viên HĐQT	31/07/2017	5/11	45,45%	Bổ nhiệm tạm thời ngày 31/7/2017 (nước thời điểm NB 71/2017/NĐ-CP có hiệu lực)
11	Nguyễn Đợi Thào	Thành viên HĐQT	31/07/2017	5/11	45,45%	Bổ nhiệm tạm thời ngày 31/7/2017 (nước thời điểm NB 71/2017/NĐ-CP có hiệu lực)

Các nghị quyết và quyết định trong năm 2017 của HĐQT:

STT	Số nghị quyết	Ngày phát hành	Nội dung
1	02/NQ-HĐQT-VNECO	17/02/2017	Kế hoạch tổ chức họp ĐHĐCĐ; Nội dung chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017
2	07/NQ-HĐQT-VNECO	17/03/2017	Về việc nhận chuyển nhượng chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của CTCP Năng lượng tái tạo Châu Á vào Công ty TNHH Thuận Nhiên Phong 1
3	09/NQ-HĐQT-VNECO	23/03/2017	Bầu chức danh Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2015-2020
4	14/NQ-HĐQT-VNECO	25/04/2017	V/v thành lập Công ty TNHH MTV Trùng Phương - Lăng Cô
5	18/NQ-HĐQT-VNECO	13/06/2017	V/v Bổ nhiệm thành viên HĐQT
6	19/NQ-HĐQT-VNECO	13/06/2017	V/v Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với ông Mai Anh Hoàng
7	21/NQ-HĐQT-VNECO	28/06/2017	V/v Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của VNECO vào Công ty TNHH MTV Trùng Phương - Lăng Cô
8	22/NQ-HĐQT-VNECO	29/06/2017	V/v Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và toàn bộ chi phí phát triển dự án đến thời điểm chuyển nhượng liên quan đến dự án Khu tổ hợp trung tâm thương mại dịch vụ và căn hộ cao cấp VNECO PLAZA
9	24/NQ-HĐQT-VNECO	31/07/2017	V/v Bổ nhiệm thành viên HĐQT (Nguyễn Đậu Thảo)
10	25/NQ-HĐQT-VNECO	31/07/2017	V/v Bổ nhiệm thành viên HĐQT (Trần Quang Cận)
11	26/NQ-HĐQT-VNECO	31/07/2017	V/v Thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng giao dịch giữa Tổng Công ty với Công ty con, Công ty liên kết trong Công ty mẹ-Công ty con của VNECO
12	28/NQ-HĐQT-VNECO	31/07/2017	V/v Chốt danh sách cổ đông để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
13	31/NQ-HĐQT-VNECO	31/07/2017	Chuyển nhượng phần vốn góp của Tổng công ty đã góp vào Công ty TNHH Quản lý dự án CORE ASIA
14	38/NQ-HĐQT-VNECO	31/07/2017	V/v thống nhất giao Chủ tịch HĐQT thường trực chỉ đạo điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty

15	39/NQ-HĐQT-VNECO	31/07/2017	V/v Phê duyệt chủ trương triển khai đầu tư dự án điện mặt trời
16	44/NQ-HĐQT-VNECO	01/09/2017	V/v Phê duyệt cơ cấu tổ chức phòng ban Tổng Công ty
17	47/NQ-HĐQT-VNECO	01/09/2017	Thống nhất nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở tại TP Tân An, tỉnh Long An
18	48/NQ-HĐQT-VNECO	11/10/2017	V/v Thoái toàn bộ vốn của Tổng CTCP Xây dựng điện Việt Nam đầu tư tại CTCP Xây dựng điện VNECO 7
19	49/NQ-HĐQT-VNECO	11/10/2017	V/v Thông qua phương án mua lại cổ phiếu
20	51/NQ-HĐQT-VNECO	11/10/2017	V/v Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2017

Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Thành viên HĐQT độc lập là Ông Nguyễn Đậu Thảo và Ông Lê Mạnh Hùng, tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT.

Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về Quản trị công ty

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty theo quy định; Chủ tịch HĐQT tham gia khoá đào tạo về quản trị công ty theo quy định do Deloitte tổ chức; thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác đã tham gia khóa đào tạo về Quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ.

Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Ban điều hành Tổng Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản, quy định của pháp luật về quản trị công ty và sẽ tiếp tục tham gia các khóa đào tạo do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức vào thời điểm phù hợp.

Ban kiểm soát

Cơ cấu thành viên và sơ yếu lý lịch

Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ
Lê Chí Dũng	Trưởng Ban
Nguyễn Thị Thúy Vinh	Thành viên (Từ nhiệm ngày 28/07/2017)
Lê Minh Tuấn	Thành viên



Ông Lê Chí Dũng
Trưởng ban kiểm soát

Năm sinh: 04/08/1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài Chính - Kế Toán

Số cổ phần nắm giữ tại 27/12/2017: 21.450 cổ phần - tỷ lệ 0.024 % vốn điều lệ

1992 - 1996	Cán bộ phòng Tài Chính Kế Toán - Công ty Xây lắp điện 3
1996 - 1999	Kế toán trưởng Khách sạn Hoa Sứ - Công ty Xây lắp điện 3
2000 - 2001	Phó giám đốc Khách sạn Hoa Sứ - Công ty Xây lắp điện 3
2002 - 2004	Giám đốc Khách sạn Hoa Sứ - Công ty Xây lắp điện 3
2004 - 2007	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Xanh Đà Nẵng - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam;
2007 - 2008	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 11- Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
2008 - 2009	Phó Giám đốc Khách sạn Green Plaza - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
2009 - 2015	Phó phòng Tài chính - Kế toán - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
06/2015 - nay	Trưởng Ban Kiểm Sát - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.

Năm sinh: 28/06/1983

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số cổ phần nắm giữ tại 27/12/2017: 0 cổ phần - tỷ lệ 0% vốn điều lệ

2006 - 2013	Làm việc tại Công Ty CP Chứng Khoán NHNN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM
2013 đến nay	Làm việc tại Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tp.HCM



Ông Lê Minh Tuấn
Thành viên ban kiểm soát

Thay đổi trong Ban Kiểm soát

Vào ngày 28/07/2017 Bà Nguyễn Thị Thúy Vinh đã có đơn xin từ nhiệm thành viên Ban kiểm soát. Hiện tại Ban kiểm soát đang khuyết 01 người. Đến kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018, xin Đại hội bầu bổ sung thêm 01 thành viên Ban kiểm soát.

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể, độc lập và khách quan. Các thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm của mình trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các hoạt động và các kết luận của mình đối với sự phát triển của Tổng Công ty.

Mục tiêu hoạt động của Ban Kiểm soát là bảo vệ lợi ích của Cổ đông, của Tổng Công ty, đảm bảo Tổng Công ty phát triển bền vững, đảm bảo sự đoàn kết nội bộ giữa các Cổ đông, cân bằng lợi ích giữa các bộ phận trong Tổng Công ty.

Đảm bảo hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, của Tổng Công ty, ban điều hành và bộ máy giúp việc, không gây gián đoạn trong hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty.

Trong năm 2017 Ban Kiểm Soát đã tổ chức 03 cuộc họp nhằm đánh giá các hoạt động, công tác quản trị và điều hành của Tổng Công ty. Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2017.

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Lê Chí Dũng	Trưởng ban	25/05/2015	3/3	100%	
2	Nguyễn Thị Thúy Vinh	Thành viên	25/05/2015	1/3	33,33%	Từ nhiệm ngày 28/07/2017
3	Lê Chí Dũng	Thành viên	25/05/2015	3/3	100%	

Đánh giá hoạt động Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Hội đồng quản trị:

Về cơ bản HĐQT đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong công tác quản lý kinh tế, hành chính. Các thành viên HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Năm 2017 HĐQT đã tổ chức 11 cuộc họp để giải quyết các vấn đề liên quan đến việc điều hành kinh doanh, xúc tiến đầu tư các dự án theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2017. HĐQT đã thông qua phương án tái cấu trúc Công ty con và cơ cấu tài sản Tổng Công ty; HĐQT đã bổ sung thành viên HĐQT (Các thành viên HĐQT sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tại cuộc họp gần nhất), bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty và bổ nhiệm có thời hạn Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (Việc Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tại cuộc họp gần nhất).

Ban Điều hành:

Năm 2017 Tổng Công ty đã bổ sung thêm về nhân sự lãnh đạo, công tác quản lý điều hành có nhiều thay đổi. Ban Điều hành đã thực hiện việc điều hành và quản lý các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty với tinh thần trách nhiệm cao, tuân thủ đúng các nghị quyết của HĐQT, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Tổng Công ty, và các quy định khác của pháp luật.

GIAO DỊCH, THÙ LAO HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Lương	Thưởng
Hội đồng quản trị				
Đoàn Đức Hồng	Chủ tịch HĐQT	87.738.000	375.278.000	
Đặng Trọng Ngôn	Chủ tịch HĐQT	21.913.000		
Ngô Văn Cường	Thành viên HĐQT	35.000.000		
Nguyễn Tịnh	Thành viên HĐQT	60.000.000		
Phan Anh Quang	Thành viên HĐQT	60.000.000		
Trương Phước Nghĩa	Thành viên HĐQT	33.810.000		
Phan Trịnh Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	33.333.000		
Nguyễn Đậu Thảo	Thành viên HĐQT	25.000.000		
Trần Quang Cẩn	Thành viên HĐQT	25.000.000		
Lê Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	60.000.000		
Lê Thanh Hồng	Thành viên HĐQT	25.000.000	115.277.000	
Ban kiểm soát				
Lê Chí Dũng	Trưởng BKS	269.628.857		
Lê Minh Tuấn	Thành viên BKS	36.000.000		
Nguyễn Thị Thúy Vinh	Thành viên BKS	20.714.000		
Ban điều hành				
Ngô Văn Cường	Tổng Giám đốc		701.387.000	
Nguyễn Tịnh	Phó Tổng Giám đốc		561.330.000	
Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc		497.267.000	
Lê Văn Khôi	Phó Tổng Giám đốc		503.014.000	
Mai Anh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc		248.164.000	
Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc		109.152.000	
Phan Anh Quang	Phó Tổng Giám đốc		274.423.000	
Phan Anh Quang	Kế toán trưởng		228.793.000	
Trần Quang Cẩn	Kế toán trưởng		222.793.000	

Giao dịch cổ đông nội bộ

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm
			Số CP	Tỷ lệ (%)	Số CP	Tỷ lệ (%)	
1	Công ty CP Khải Toàn	Ông Phan Trịnh Anh Tuấn, TV HĐQT VNECO, Phó Giám đốc Cty CP Khải Toàn	11.450.710	12,66	0	0	DO bán CP VNE
2	Công ty CP Bảo Phước	Ông Lê Thanh Hồng, TV HĐQT VNECO; Giám đốc Cty CP Bảo Phước	4.129.051	4,57	0	0	DO bán CP VNE
3	Lê Thanh Hồng	TV HĐQT VNECO	55.000	0,061	0	0	DO bán CP VNE
4	Công ty TNHH Chứng khoán NHTMCP Ngoại thương VN	Ông Lê Mạnh Hùng, TV HĐQT VNECO;	7.150.007	7,91	1.140.026	1,26	Tháng 7 bán 7.150.000 Tháng 12 mua 1.140.018
5	Trần Quang Cảnh	TV HĐQT, Kế toán trưởng	165.000	0,18	300.000	0,33	DO mua CP VNE

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Giao dịch giữa Tổng Công ty với Công ty con, công ty liên kết trong Tổ hợp VNECO chủ yếu về hoạt động xây dựng các công trình hệ thống lưới điện là ngành nghề chính của cả Tổ hợp VNECO và đây là những phát sinh thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐQT-VNECO ngày 31/7/2017 của HĐQT về việc thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Tổng Công ty với Công ty con, Công ty liên kết trong tổ hợp VNECO, tuân thủ quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và Quy định của Luật doanh nghiệp.

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Tổng Công ty Cổ phần xây dựng điện Việt Nam luôn tuân thủ và thực hiện đúng Pháp luật và quy định nội bộ về quản trị công ty

PHẦN 7
BÁO CÁO TÀI CHÍNH



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đoàn Đức Hồng	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 23/03/2017)
Ông Đặng Trọng Ngồn	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 23/03/2017)
Ông Phan Anh Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Tịnh	Thành viên
Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Ngô Văn Cường	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 13/06/2017)
Ông Nguyễn Đậu Thảo	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 31/07/2017)
Ông Trần Quang Cần	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 31/07/2017)
Ông Trương Phước Nghĩa	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/07/2017)
Ông Lê Thanh Hồng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 05/06/2017)
Ông Phan Trịnh Anh Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 21/07/2017)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đoàn Đức Hồng	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/02/2018)
Ông Ngô Văn Cường	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/02/2018)
	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/02/2018)
Ông Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Khôi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Anh Quang	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 31/07/2017)
Ông Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/09/2017)
Ông Mai Anh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 13/06/2017)
Ông Trần Quang Cần	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 31/07/2017)
Ông Phan Anh Quang	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 31/07/2017)

Ban Kiểm soát

Ông Lê Chí Dũng	Trưởng ban
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thúy Vinh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/07/2017)

Đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty

Ông Đoàn Đức Hồng	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
-------------------	---

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trong yêu cầu được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đoàn Đức Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2018



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcviatnam.com.vn Website: www.ifcviatnam.com.vn

Số: 033002/2018/BCKTHN-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Xây dựng Điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2018, từ trang 5 đến trang 53, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Điện Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được lập ngày 21 tháng 03 năm 2017 của Tổng Công ty.



Nguyễn Nam Cường
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2018-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Phạm Thị Thanh Duyên
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3515-2015-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		832.372.056.570	911.145.121.420
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	58.161.001.729	81.708.392.335
1. Tiền	111		53.657.298.951	81.708.392.335
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.503.702.778	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		161.201.324.400	21.029.648.800
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.3a	3.011.852	23.245.042.852
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1.687.452)	(2.715.394.052)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.3b	161.200.000.000	500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		519.141.655.793	752.673.092.478
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2a	227.118.765.306	342.014.091.493
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	117.956.610.465	192.737.338.739
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	26.463.964.587
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	296.130.391.420	262.806.361.935
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(122.064.111.398)	(71.348.880.276)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	216.000
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	71.319.507.180	53.840.857.877
1. Hàng tồn kho	141		71.407.127.318	53.987.099.605
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(87.620.138)	(146.241.728)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.548.567.468	1.893.129.930
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12a	934.569.607	1.834.294.921
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		21.613.713.277	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		284.584	58.835.009
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		726.156.556.724	620.728.349.724
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2b	372.167.609	372.167.609
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(372.167.609)	(372.167.609)
II. Tài sản cố định	220		164.343.152.290	171.389.789.925
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	145.496.229.906	150.226.183.941
- Nguyên giá	222		276.761.321.442	271.080.616.002
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(131.265.091.536)	(120.854.432.061)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	18.846.922.384	21.163.605.984
- Nguyên giá	228		21.338.560.948	23.304.609.948
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.491.638.564)	(2.141.003.964)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		490.130.498.158	368.124.319.783
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.8	226.736.626.972	235.972.515.804
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	263.393.871.186	132.151.803.979
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		54.447.651.313	63.928.334.312
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.13	15.891.751.568	17.555.246.135
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.14	39.933.544.320	47.978.685.637
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.377.644.575)	(1.605.597.460)
V. Tài sản dài hạn khác	260		17.235.254.963	17.285.905.704
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12b	17.235.254.963	17.285.905.704
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.558.528.613.294	1.531.873.471.144

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	MA số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		621.660.782.199	553.911.243.632
I. Nợ ngắn hạn	310		605.654.979.258	535.713.939.502
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	95.431.005.334	94.634.814.556
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	193.275.156.134	147.723.035.514
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	5.886.559.148	15.361.420.512
4. Phải trả người lao động	314		16.379.157.164	19.208.249.791
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	46.603.527.520	74.121.874.599
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	47.366.554.593	10.777.465.330
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	192.231.802.638	161.905.181.324
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		3.357.190.772	5.462.810.878
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.124.025.955	6.519.086.998
II. Nợ dài hạn	330		16.005.802.941	18.197.304.130
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21	3.002.079.940	4.749.655.939
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		13.003.723.001	13.447.648.191
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		936.867.831.095	977.962.227.512
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	936.867.831.095	977.962.227.512
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		904.329.530.000	904.329.530.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		904.329.530.000	904.329.530.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.527.289.930	2.527.289.930
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		7.095.055.143	7.095.055.143
4. Cổ phiếu quỹ	415		(90.473.576.286)	(32.266.438.147)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.680.299.459	16.421.895.249
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		112.199.003	64.680.481
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		67.738.575.547	48.779.633.005
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		45.212.576.928	38.697.933.300
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		22.525.998.619	10.081.699.705
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		28.858.458.299	31.010.575.851
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.558.528.613.294	1.531.873.471.144

Võ Quang
Người lập biểu
Ngày 30 tháng 03 năm 2018

Trần Quang Cán
Kế toán trưởng



Đoàn Đức Hồng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	908.832.575.760	774.688.808.558
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	507.000.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		908.832.575.760	774.181.808.558
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	697.314.553.136	657.444.369.869
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		211.518.022.624	116.737.438.689
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	14.466.466.554	12.584.057.449
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	14.111.590.274	33.368.464.373
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.338.480.117	23.310.019.660
8. Lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		862.981.410	(1.922.579.750)
9. Chi phí bán hàng	25		2.380.887.731	4.346.488.996
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	115.709.609.329	70.196.624.293
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		94.645.383.254	19.487.338.726
12. Thu nhập khác	31	VI.6	12.376.552.269	9.429.620.080
13. Chi phí khác	32	VI.7	9.359.073.850	18.711.967.968
14. Lợi nhuận khác	40		3.017.478.419	(9.282.347.888)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		97.662.861.673	10.204.990.838
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	32.289.716.878	14.278.844.041
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(443.925.189)	(9.554.197.377)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		65.817.069.984	5.480.344.174
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		63.493.015.119	10.081.699.705
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.324.054.865	(4.601.355.531)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	670	143
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		670	143

(Handwritten signature)

Võ Quang
Người lập biểu
Ngày 30 tháng 03 năm 2018

(Handwritten signature)

Trần Quang Cần
Kế toán trưởng



Đoàn Đức Hồng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	97.662.861.673	10.204.990.838
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	12.943.385.000	13.897.078.890
Các khoản dự phòng	03	47.773.571.637	(20.672.456.821)
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	3.223.538	8.238.970
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(16.235.791.902)	(4.477.294.971)
Chi phí lãi vay	06	14.338.480.117	23.310.019.660
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	156.485.730.063	22.270.576.566
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	159.233.747.901	49.394.355.601
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(17.478.649.303)	4.211.412.616
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(103.296.705.247)	(29.685.551.770)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	950.376.055	1.627.363.998
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13	20.528.324.400	36.883.877.661
Tiền lãi vay đã trả	14	(16.316.730.078)	(23.348.137.553)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(34.395.895.923)	(20.941.399.606)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(5.260.682.159)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	165.710.197.868	35.151.815.354
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSHĐ khác	21	(22.650.315.980)	(21.037.066.370)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	6.166.231.364	87.489.394.370
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(193.700.000.000)	(24.263.964.587)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	41.364.584.970	96.720.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(123.147.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	7.633.342.716	4.798.910.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.301.280.221	9.229.202.271
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(151.884.876.709)	152.813.328.684
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(58.207.138.139)	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	601.187.102.503	646.400.761.516
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(572.608.057.188)	(861.466.888.670)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.741.395.403)	(702.725.546)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(37.369.488.227)	(215.768.852.700)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(23.544.167.068)	(27.803.708.662)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	81.708.392.335	109.511.515.958
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(3.223.538)	585.039
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	58.161.001.729	81.708.392.335

(Chữ ký)

Võ Quang
Người lập biểu
Ngày 30 tháng 03 năm 2018

(Chữ ký)

Trần Quang Căn
Kế toán trưởng



Hoàng Đức Hồng
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (“Tổng Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt Phương án và chuyển Công ty Xây lắp điện 3 thành Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam. Tổng Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0400101450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 01 tháng 01 năm 2005. Hiện tại, Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 01 tháng 02 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 01 tháng 02 năm 2018, vốn điều lệ của Công ty là 904.329.530.000 đồng tương ứng với 90.432.953 cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 500 KV, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp dân dụng, công trình giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hóa, thể thao, sân bay, bến cảng;
- Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;
- Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông khác; Sản xuất, kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; kinh doanh các mặt hàng trang trí nội ngoại thất, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất, kinh doanh xăng dầu;
- Thí nghiệm hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện;
- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, bao gồm lập và thẩm định dự án đầu tư; khảo sát đo đạc, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình; tư vấn quản lý dự án; tư vấn đầu tư và hợp đồng kinh tế, tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thí công; dây chuyền công nghệ và các thiết bị công nghiệp khác;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật, chuyên gia, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển của doanh nghiệp;
- Đầu tư nhà máy thủy điện độc lập, kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái;
- Đầu tư tài chính;
- Sản xuất và kinh doanh điện;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh vận tải, kinh doanh vận tải khách (đường thủy, đường bộ) theo hợp đồng;
- Kinh doanh sửa chữa xe máy thí công và phương tiện vận tải;
- Kinh doanh lắp đặt thiết bị điện, điện tử viễn thông, điện gia dụng;
- Kinh doanh thiết bị văn phòng, thiết bị vệ sinh;
- Kinh doanh bán kẹo, rượu, bia, thuốc lá, thuốc lá điếu sản xuất trong nước, hóa mỹ phẩm;
- Kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản, thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm bằng gỗ, đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Cho thuê văn phòng và mặt bằng kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian trên 12 tháng, tùy thuộc vào các công trình xây lắp do Tổng Công ty ký kết với các chủ đầu tư.

Cấu trúc doanh nghiệp

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam gồm:

Đơn vị

Văn phòng Tổng Công ty

Địa chỉ

Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Đơn vị trực thuộc

1. Khách sạn xanh Đà Nẵng

Địa chỉ

Số 64 Hoàng Văn Thái, Quận Liên Chiểu,
Thành phố Đà Nẵng

2. Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt
Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh

740C Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú
Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Theo Quyết định số 30/QĐ/VNECO-HDQT ngày 31 tháng 07 năm 2017, Hội đồng quản trị thông qua quyết định giải thể San giao dịch Bất động sản VNECO - Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

Công ty con

1. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 3

Địa chỉ

Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh,
Tỉnh Nghệ An

2. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 4

Số 197 Nguyễn Trường Tộ, Thành phố Vinh,
Tỉnh Nghệ An

3. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 8

Số 10 Đào Duy Từ, Thành phố Buôn Ma Thuột,
Tỉnh Đắk Lắk

4. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 12

Số 155 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới,
Tỉnh Quảng Bình

5. Công ty Cổ phần Du lịch Xanh Huế VNECO

Số 2 Lê Lợi, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên
Huế

6. Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1

Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc
Bình, Tỉnh Bình Thuận

7. Công ty TNHH MTV Bất động sản - Du lịch
VNECO

Phường Mãn Thái, quận Sơn Trà, thành phố Đà
Nẵng

8. Công ty TNHH Điện Mặt Trời VNECO - Hòa
Thắng

Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc
Bình, tỉnh Bình Thuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)****Công ty liên kết****Địa chỉ**

- | | |
|---|--|
| 1. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 2 | Số 13 Mai Hắc Đế, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An |
| 2. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 7 | Số 51 Phạm Như Xương, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng |
| 3. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 10 | Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định |

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Công ty áp dụng sổ kế toán theo hình thức Kế toán máy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty có 08 công ty con. Chi tiết về các Công ty con của Tổng Công ty được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

- Tên Công ty : Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3
 Địa chỉ : Khối 3, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
 Hoạt động chính : Xây lắp các công trình, nguồn điện, hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện
 Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2017: 6.985.720.000 đồng
 Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 52,93%
 Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 52,93%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

2. Tên Công ty : Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4
Địa chỉ : Số 197, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Đông Vĩnh, thành phố Vinh
Hoạt động chính : Lắp đặt hệ thống điện; Xây dựng công trình; Kinh doanh vật liệu,...
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2017: 5.192.580.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 54,73%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 54,73%
3. Tên Công ty : Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8
Địa chỉ : Số 10 Đào Duy Từ, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Hoạt động chính : Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh thiết bị, vật liệu điện
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2017: 9.746.980.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 55,93%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 55,93%
4. Tên Công ty : Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12
Địa chỉ : Số 155 Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình
Hoạt động chính : Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh thiết bị, vật liệu xây lắp
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2017: 7.887.000.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 65,73%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 65,73%
5. Tên Công ty : Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO
Địa chỉ : Số 2 Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
Hoạt động chính : Hoạt động xây lắp; Kinh doanh nhà hàng, khách sạn
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2017: 58.938.000.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 98,4%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 98,4%
6. Tên Công ty : Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1
Địa chỉ : Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận
Hoạt động chính : Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2017: 2.000.000.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 100%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 100%
7. Tên Công ty : Công ty TNHH MTV Bất động sản - Du lịch VNECO
Địa chỉ : Phường Mân Thái, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng
Hoạt động chính : Xây lắp, kinh doanh Bất động sản, nhà hàng, khách sạn...
8. Tên Công ty : Công ty TNHH Điện mặt trời VNECO - Hòa Thắng
Địa chỉ : Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận
Hoạt động chính : Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty chưa thực hiện góp vốn đầy đủ vào Công ty TNHH MTV Bất động sản - Du lịch VNECO và Công ty TNHH Điện mặt trời VNECO - Hòa Thắng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho (tiếp)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	04 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất trong 50 năm; Giá trị giấy phép chuyển nhượng và phần mềm máy tính ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Quyền sử dụng đất	50
Bản quyền, bằng sáng chế	Hết khấu hao
Phần mềm máy tính	03 - 05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ trong thời gian không quá 03 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán bất động sản Tổng Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi trên cổ phiếu Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cũng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	2.352.423.594	1.271.048.021
Tiền gửi ngân hàng	51.304.875.357	80.437.344.314
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	4.503.702.778	-
Cộng	58.161.001.729	81.708.392.335

2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện Hội Xuân VNECO	56.368.465.234	61.850.264.266
Lê Hữu Tín	26.787.968.683	-
Ban quản lý dự án các công trình Điện Miền Bắc	13.481.936.113	54.424.074.538
Ban quản lý dự án các công trình Điện Miền Trung	7.127.353.548	22.628.990.248
Ban quản lý dự án lưới điện Hà Nội	10.634.113.461	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 4	5.675.445.321	14.500.380.746
Ban quản lý dự án các công trình Điện Miền Nam	31.103.168.140	17.868.128.860
Ban quản lý dự án phát triển điện lực Hà Nội	6.393.473.669	-
Ban quản lý dự án phát triển Điện lực Miền Bắc	-	9.818.778.456
Công ty Truyền Tải Điện 3	9.477.788.523	-
Ban QLDA phát triển điện lực (Tổng Công ty Điện lực miền Bắc)	5.484.839.307	-
Ban quản lý dự án nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong		115.802.660.338
Công ty Truyền Tải Điện 1	-	11.978.721.899
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 2	647.334.374	1.686.442.412
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 7	-	146.472.842
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 10	-	12.000.000
Các khoản phải thu khác	44.936.878.933	31.297.176.888
Cộng	227.118.765.306	342.014.091.493
b. Phải thu dài hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 5	372.167.609	372.167.609
Cộng	372.167.609	372.167.609
c. Số dư với với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh VII.1)		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

a. Chứng khoán kinh doanh

Mã chứng khoán	Số lượng cổ phần	31/12/2017		01/01/2017		Dự phòng VND	Dự phòng VND
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND		
VE9	279	3.011.852	1.324.400	3.011.852	2.008.800	(1.687.452)	(1.003.052)
LCG	-	-	-	3.536.181.000	821.790.000	-	(2.714.391.000)
GEX	-	-	-	19.705.850.000	19.570.000.000	-	-
Cộng		3.011.852	1.324.400	23.245.042.852	20.393.798.800	(1.687.452)	(2.715.394.052)

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	161.200.000.000	161.200.000.000	500.000.000	500.000.000
Cộng	161.200.000.000	161.200.000.000	500.000.000	500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty CP Dịch vụ Thương mại Kinh doanh Nhà Tín Nghĩa (i)	65.000.000.000	65.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Văn Hà (i)	-	50.728.000.000
Bộ chỉ huy quân sự - TP Đà Nẵng (ii)	25.493.022.727	25.493.022.727
Công ty CP Xây dựng Mai Linh Hà Tĩnh	-	12.115.149.407
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây lắp Điện số 5	10.452.505.716	-
Công Ty TNHH MTV Lộc An Phúc Thịnh	2.473.228.020	-
Công ty TNHH Xây lắp điện Tây Nguyên	1.556.020.460	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trung Kiên	1.675.360.149	-
Công ty Cổ phần KTC	-	12.000.000.000
Công ty TNHH MTV Hóa Phan	-	8.563.282.660
Các khoản trả trước cho người bán khác	11.306.473.393	18.837.883.945
Cộng	117.956.610.465	192.737.338.739

- (i) Khoản trả trước cho hợp đồng chuyển nhượng bất động sản tại đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty đã nắm giữ các giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, Tổng Công ty đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý để chuyển quyền sử dụng mảnh đất này.
- (ii) Khoản trả trước tiền cho hợp đồng chuyển nhượng đất và tài sản trên đất tại 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Dự án chuyển nhượng bất động sản tại đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (i)	256.068.573.879	205.340.573.879
+ Công ty CP Dịch vụ Thương mại Kinh doanh Nhà tin Nghĩa	116.000.000.000	116.000.000.000
+ Ông Lâm Phúc Lâm và Bà Lê Thị Thùy Vân	66.520.858.333	66.520.858.333
+ Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Phúc Vân Hà	73.547.715.546	22.819.715.546
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.005.833.333	-
- BQLDA các công trình điện Miền Bắc	-	833.733.017
- BQLDA các công trình điện Miền Nam	-	1.026.418.115
- BQLDA các công trình điện Miền Trung	-	654.915.400
- Công ty CP Xây dựng điện VNECO 6	2.460.327.531	2.460.327.531
- BQLDA nhà máy Điện gió Thuận Nhiên Phong	-	2.647.394.860
- Phải thu ông Lý Quốc Cường	-	3.100.601.109
- Tạm ứng	23.324.353.058	30.751.665.078
- Ký cược, ký quỹ	394.799.357	8.387.622.423
- Phải thu khác	10.876.504.262	7.603.110.523
Cộng	296.130.391.420	262.806.361.935

- (i) Khoản trả trước cho hợp đồng chuyển nhượng bất động sản tại đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty đã nắm giữ các giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, Tổng Công ty đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý để chuyển quyền sử dụng mảnh đất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. NỢ XẤU

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Ban A - Công ty Truyền tải Điện 4	170.138.131	-	170.138.131	-
Ban A - Hàm Thuận Đa My	570.974.554	-	570.974.554	-
Công ty TNHH Tư vấn hoạch định nguồn lực DN E.R.P	195.000.000	-	195.000.000	-
Công ty TNHH An Thuận	119.361.786	-	119.361.786	-
Văn phòng Tư vấn và Chuyển giao công nghệ Đại học Kiến trúc Hà Nội	140.000.000	-	140.000.000	-
Lâm Phúc Lâm và Lê Thị Thùy Vân	66.520.858.333	29.000.000.000	66.520.858.333	29.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Vân Hà	73.547.715.546	-	73.547.715.546	50.728.000.000
Công ty CP Dịch vụ Thương mại Kinh doanh nhà Tin Nghĩa	181.000.000.000	181.000.000.000	181.000.000.000	181.000.000.000
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 6	2.460.327.531	-	2.460.327.531	-
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ xây dựng Hoàng Thăng	478.437.775	-	478.437.775	-
Công ty CP Đầu tư và Thương mại VNECO Huế	248.018.874	-	248.018.874	-
Ông Lý Quốc Cường	3.100.601.109	-	3.100.601.109	-
Ông Hồ Vinh Hoàng	397.597.000	-	397.597.000	-
Các đối tượng khác	3.115.080.759	-	3.311.397.304	183.547.667
Cộng	332.064.111.398	210.000.000.000	332.260.427.943	260.911.547.667
Dự phòng trích lập	122.064.111.398		71.348.880.276	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.653.377.788	(33.762.087)	4.984.085.028	(33.762.087)
Công cụ, dụng cụ	417.864.882	(1.878.552)	172.831.696	(1.878.552)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	54.093.911.187	-	38.963.738.320	-
Thành phẩm nhập kho	8.114.284.902	(51.979.499)	9.504.625.603	(110.601.089)
Hàng hoá	127.688.559	-	352.482.564	-
Hàng gửi bán	-	-	9.336.394	-
Cộng	71.407.127.318	(87.620.138)	53.987.099.605	(146.241.728)

8. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỒI DANG DÀI HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Dự án đầu tư Khu đô thị mới Mỹ Thương, Thừa Thiên Huế	226.736.626.972	226.736.626.972	235.972.515.804	235.972.515.804
Cộng	226.736.626.972	226.736.626.972	235.972.515.804	235.972.515.804

Dự án Khu Đô thị mới Mỹ Thương, Thừa Thiên Huế với tổng diện tích xây dựng là 435,335m², quy mô xây dựng 998 căn nhà phố liền kề và biệt thự. Theo Quyết định số 26/QĐ/UBND ngày 11 tháng 01 năm 2016 về việc thực hiện điều chỉnh thời gian thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật với thời gian thực hiện dự án điều chỉnh từ năm 2007 đến năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2017	168.167.499.669	60.026.372.893	35.482.042.718	7.404.700.722	271.080.616.002
Mua trong năm	-	6.533.184.384	51.140.000	69.418.182	6.653.742.566
Đầu tư XD CB hoàn thành	2.814.364.568	-	-	-	2.814.364.568
Thanh lý, nhượng bán	(937.441.467)	(736.954.257)	(2.113.005.970)	-	(3.787.401.694)
Tại 31/12/2017	170.044.422.770	65.822.603.020	33.420.176.748	7.474.118.904	276.761.321.442
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2017	52.830.920.494	42.337.667.628	19.734.581.607	5.951.262.332	120.854.432.061
Khấu hao trong năm	6.290.970.370	3.503.631.859	2.384.425.951	413.722.220	12.592.750.400
Thanh lý, nhượng bán	(37.858.740)	(616.954.257)	(1.527.277.928)	-	(2.182.090.925)
Tại 31/12/2017	59.084.032.124	45.224.345.230	20.591.729.630	6.364.984.552	131.265.091.536
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2017	115.336.579.175	17.688.705.265	15.747.461.111	1.453.438.390	150.226.183.941
Tại 31/12/2017	110.960.390.646	20.598.257.790	12.828.447.118	1.109.134.352	145.496.229.906

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đúng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng là 38.723.363.213 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 29.672.079.397 đồng).

Nguyên giá của Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 với giá trị là 38.849.360.043 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 39.770.265.565 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYỄN GIÁ				
Tại 01/01/2017	22.560.223.088	50.086.320	694.300.540	23.304.609.948
Mua trong năm	596.052.000	-	-	996.052.000
Thanh lý, nhượng bán	(2.962.101.000)	-	-	(2.962.101.000)
Tại 31/12/2017	20.594.174.088	50.086.320	694.300.540	21.338.560.948
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại 01/01/2017	1.433.156.104	50.086.320	657.761.540	2.141.003.964
Khấu hao trong năm	346.884.600	-	3.750.000	350.634.600
Tại 31/12/2017	1.780.040.704	50.086.320	661.511.540	2.491.638.564
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2017	21.127.066.984	-	36.539.000	21.163.605.984
Tại 31/12/2017	18.814.133.384	-	32.789.000	18.846.922.384

Giá trị còn lại cuối kỳ của Tài sản cố định vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 15.748.085.684 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 17.179.004.984 đồng).

Nguyên giá của Tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 508.836.320 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 508.836.320 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

		31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND
- Dự án nhà máy Điện gió Thuận Nhiên Phong I	(i)	184.938.638.553	-
- Dự án Siêu thị Đà Nẵng (Green Mart)	(ii)	58.563.708.757	58.356.508.757
- Dự án cải tạo Khách sạn Xanh Đá Nẵng		17.669.709.342	-
- Đầu tư khu du lịch Xanh Lăng Cô		-	18.512.635.297
- Dự án Khu tổ hợp căn hộ cao cấp, trung tâm thương mại và Khách sạn VNECO Sơn Trà		-	54.169.460.868
- Các dự án khác		2.221.814.534	1.113.199.057
Cộng		263.393.871.186	132.151.803.979

(i) Dự án nhà máy Điện gió Thuận Nhiên Phong I là dự án xây dựng nhà máy điện gió với tổng mức đầu tư 1.499 tỷ đồng, công suất 32MW, 16 tổ máy, sản lượng điện dự kiến của dự án 97.122 Mwh.

(ii) Dự án không tiếp tục thực hiện và đang xem xét chuyển nhượng.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN/DÀI HẠN

		31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND
a. Ngắn hạn			
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng		739.865.952	786.835.246
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác		194.703.655	1.047.459.675
Cộng		934.569.607	1.834.294.921
b. Dài hạn			
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn		15.487.951.280	15.462.758.697
- Chi phí trả trước dài hạn khác		1.747.303.683	1.823.147.007
Cộng		17.235.254.963	17.285.905.704

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	31/12/2017		01/01/2017		Tổng	
	Giá gốc	Lãi lỗ liên doanh liên kết	Tổng	Giá gốc		Lãi lỗ liên doanh liên kết
	VND	VND	VND	VND		VND
Công ty TNHH Quản Lý dự án Core Asia	-	-	-	1.020.000.000	(154.845.038)	865.154.962
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	5.854.100.000	410.943.490	6.265.043.490	5.854.100.000	1.387.110.760	7.241.210.760
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	9.560.000.000	(4.480.023.249)	5.079.976.751	9.560.000.000	(4.725.850.951)	4.834.149.049
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	3.000.000.000	1.546.731.327	4.546.731.327	3.000.000.000	1.614.731.364	4.614.731.364
Cộng	18.414.100.000	(2.522.348.432)	15.891.751.568	19.434.100.000	(1.878.853.865)	17.555.246.135

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	Nghệ An	32,37%	Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh các thiết bị điện;...
2	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	Đà Nẵng	33,34%	Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh các thiết bị điện;...
3	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	Bình Định	30,05%	Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh các thiết bị điện;...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

14. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2017			01/01/2017				
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện Hải Xuân VNECO	(i)	30.820.000.000	(i)	-	3.082.000	30.820.000.000	(i)	-
Công ty CP Chế tạo Kết cấu thép VNECO.SSM	(ii)	5.114.023.435	4.585.416.000	(528.607.435)	277.904	5.114.023.435	4.418.673.600	(695.349.835)
Công ty CP Sông Ba	(ii)	2.381.000.521	2.546.250.000	-	53.627	5.608.476.403	6.853.050.550	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 9	(ii)	1.617.712.740	768.675.600	(849.037.140)	230.180	1.982.484.527	1.348.823.702	(633.660.825)
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 1	(ii)	807.624	807.624	-	84.490	758.179.800	481.593.000	(276.586.800)
Công ty CP Thủy điện Sông Chồ	-	-	-	-	369.552	3.695.521.472	-	-
Cộng		39.933.544.320	7.901.149.224	(1.377.644.575)		47.978.685.637	13.102.140.852	(1.605.597.460)

(i) Theo quy định tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 căn được trình bày. Tuy nhiên, do Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Hải Xuân Vneco chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa thể xác định được để trình bày trên Thuyết Minh Báo cáo tài chính tổng hợp theo quy định tại Thông tư 202/2014/TT-BTC.

(ii) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định theo giá trị chứng khoán tại ngày 29 tháng 12 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Xây dựng Điện Miền Tây Cao Bằng	12.640.722.732	12.640.722.732	-	-
Công ty TNHH Hòa Phan	9.993.961.788	9.993.961.788	-	-
Công ty Cổ phần Đất Xanh miền Trung	1.181.000.000	1.181.000.000	3.482.020.204	3.482.020.204
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hoàng Phương Tùng	5.646.161.893	5.646.161.893	2.140.527.143	2.140.527.143
Công ty TNHH Phúc Thịnh	813.446.013	813.446.013	2.678.819.489	2.678.819.489
Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 1	7.343.815.520	7.343.815.520	-	-
Công ty CP Cơ điện Đại Dũng	2.606.246.656	2.606.246.656	-	-
Công ty TNHH Đồng Vinh Thịnh	749.913.891	749.913.891	12.537.896.138	12.537.896.138
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 2	10.047.566.895	10.047.566.895	18.789.931.956	18.789.931.956
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 7	1.140.713.433	1.140.713.433	909.914.740	909.914.740
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	6.856.460.862	6.856.460.862	9.534.299.109	9.534.299.109
Phải trả cho các đối tượng khác	36.410.995.651	36.410.995.651	44.561.405.777	44.561.405.777
Cộng	95.431.005.334	95.431.005.334	94.634.814.556	94.634.814.556

b. Phải trả các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh VII.1)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÂN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Khách hàng trả trước dự án Mỹ Thương	73.300.287.944	73.300.287.944	47.812.476.926	47.812.476.926
Ban quản lý dự án các công trình Điện Miền Nam	39.967.818.817	39.967.818.817	17.200.374.371	17.200.374.371
Công ty Cổ phần Mai Linh Hà Tĩnh	12.071.320.019	12.071.320.019	12.524.992.259	12.524.992.259
Công ty TNHH Hùng Quý	4.712.380.033	4.712.380.033	7.586.592.703	7.586.592.703
Công ty TNHH MTV Cơ Khí xây dựng Huy Hoàng	41.428.636.000	41.428.636.000	-	-
Ban quản lý dự án Phát triển Điện lực miền Nam	-	-	7.917.245.451	7.917.245.451
- Tổng Công ty Điện lực miền nam TNHH	-	-	-	-
Ban quản lý lưới điện Hà Nội	21.794.713.321	21.794.713.321	12.869.710.909	12.869.710.909
Phải trả cho các đối tượng khác	-	-	41.811.642.895	41.811.642.895
Cộng	193.275.156.134	193.275.156.134	147.723.035.514	147.723.035.514

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.388.385.682	46.153.994.877	52.543.469.427	9.777.860.232
Thuế tiêu thụ đặc biệt	13.917.620	136.493.686	135.997.550	13.421.484
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.338.983.710	32.289.716.878	34.395.895.923	3.445.162.755
Thuế thu nhập cá nhân	245.608.643	750.934.137	763.727.244	258.401.750
Thuế tài nguyên	-	-	16.236.691	16.236.691
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	850.157.932	2.666.683.851	3.666.863.519	1.850.337.600
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	49.505.561	1.316.391.662	1.283.122.792	-
Cộng	5.886.559.148	83.314.215.091	92.805.313.146	15.361.420.512

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trích trước chi phí công trình	43.172.578.163	71.345.715.844
Trích trước chi phí mua trụ sở làm việc số 344 Phan Châu Trinh	2.173.436.096	2.173.436.096
Chi phí lãi vay	367.828.613	261.838.847
Chi phí phải trả khác	889.684.648	340.883.812
Cộng	46.603.527.520	74.121.874.599

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	755.129.962	847.216.882
- Bảo hiểm xã hội; Bảo hiểm y tế; Bảo hiểm thất nghiệp	617.028.733	922.398.336
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	41.875.575.333	917.086.236
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.118.820.565	8.090.763.876
Cộng	47.366.554.593	10.777.465.330

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THỐNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÁN HẠN

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng	189.464.850.760	189.464.850.760	595.323.239.588	561.589.896.819	155.731.507.991	155.731.507.991
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân	132.280.430.075	132.280.430.075	410.998.782.244	376.657.022.019	97.938.669.850	97.938.669.850
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	11.364.694.215	11.364.694.215	54.761.822.019	55.211.892.437	11.814.764.633	11.814.764.633
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình	19.448.074.465	19.448.074.465	49.185.797.752	39.669.755.834	9.932.032.547	9.932.032.547
- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	14.200.000.000	14.200.000.000	23.200.000.000	20.500.000.000	11.500.000.000	11.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Đà Nẵng	5.417.244.741	5.417.244.741	21.495.065.204	26.890.251.669	10.812.431.206	10.812.431.206
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP Vinh	6.754.407.264	6.754.407.264	23.643.574.396	20.898.181.248	4.009.014.116	4.009.014.116
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	10.024.568.446	15.661.045.388	5.636.476.942	5.636.476.942
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Trung Đô	-	-	1.474.514.445	1.474.514.445	-	-
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Huế	-	-	539.115.082	4.227.233.779	3.688.118.697	3.688.118.697
- Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	1.051.191.878	1.051.191.878	-	400.000.000	400.000.000	400.000.000
Vay các đối tượng khác	1.715.760.000	1.715.760.000	2.272.418.915	3.301.580.370	2.080.353.333	2.080.353.333
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số V.22)	1.715.760.000	1.715.760.000	-	-	4.093.320.000	4.093.320.000
Tổng	192.231.802.638	192.231.802.638	597.595.658.503	564.891.477.189	161.905.181.324	161.905.181.324

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÁN HẠN (TIẾP THEO)

(i) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân theo các hợp đồng sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 06/2017/242753/HDTD ngày 20 tháng 07 năm 2017 với tổng số hạn mức tín dụng là 5.226.252.858 đồng. Mục đích khoản vay để tạm ứng Hợp đồng xây lắp số 738/2017/HDXL/VNECO - KTKH ngày 10 tháng 04 năm 2017 thi công trạm biến áp 500KV Đức Hòa. Thời hạn cho vay là 6 tháng kể từ thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay trong hạn là 6%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi chậm trả bằng 2%/năm tính trên số dư lãi chậm trả. Khoản vay được bảo đảm bằng số dư trên Hợp đồng tiền gửi số 102/242753/HDTG/2017 ký ngày 07 tháng 07 năm 2017 và hợp đồng tiền gửi số 103/242753/HDTG/2017 ký ngày 07 tháng 07 năm 2017 thuộc sở hữu của Tổng Công ty CP Xây dựng Điện Việt Nam.
2. Hợp đồng tín dụng số 07/2017/242753/HDTD ngày 24 tháng 07 năm 2017 với tổng số hạn mức tín dụng là 498.426.647 đồng. Mục đích khoản vay để thanh toán khối lượng xây lắp công trình 110kV Hà Đông - Sơn Tây. Thời hạn cho vay là 6 tháng kể từ thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay trong hạn là 6%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi chậm trả bằng 2%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Khoản vay được bảo đảm bằng số dư trên Hợp đồng tiền gửi số 102/242753/HDTG/2017 ký ngày 07 tháng 07 năm 2017 và hợp đồng tiền gửi số 103/242753/HDTG/2017 ký ngày 07 tháng 07 năm 2017 thuộc sở hữu của Tổng Công ty CP Xây dựng Điện Việt Nam.
3. Hợp đồng tín dụng số 08/2017/242753/HDTD ngày 24 tháng 07 năm 2017 với tổng số hạn mức tín dụng là 571.880.300 đồng. Mục đích khoản vay để thanh toán khối lượng xây lắp Đường dây 500/220KV Hiệp Hòa - Đông Anh - Bắc Ninh 2. Thời hạn cho vay là 6 tháng kể từ thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay trong hạn là 6%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi chậm trả bằng 2%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Khoản vay được bảo đảm bằng số dư trên Hợp đồng tiền gửi số 102/242753/HDTG/2017 ký ngày 07 tháng 07 năm 2017 và hợp đồng tiền gửi số 103/242753/HDTG/2017 ký ngày 07 tháng 07 năm 2017 thuộc sở hữu của Tổng Công ty CP Xây dựng Điện Việt Nam.
4. Hợp đồng tín dụng hạn mức số 09/2017/242753/HDTD ngày 25 tháng 07 năm 2017 với tổng số hạn mức tín dụng là 500.000.000.000 đồng gồm cả Việt Nam Đồng và ngoại tệ quy đổi. Hạn mức tín dụng là hạn mức cho vay, bảo lãnh và mở L/C cộng gộp, được phân định như sau: Hạn mức vay vốn (bao gồm cả BL thanh toán và mở LC): 200.000.000.000 đồng. Hạn mức bảo lãnh 300.000.000.000 đồng. Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31 tháng 07 năm 2018. Lãi suất cho vay và thời gian trả nợ cho từng lần vay được quy định trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Khoản vay được đảm bảo bằng các Hợp đồng cầm cố/hệ chấp/bảo lãnh/ký quỹ (gọi chung là Hợp đồng bảo đảm) được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng tín dụng này mà Điều khoản về phạm vi bảo đảm của (các) Hợp đồng bảo đảm bao gồm Hợp đồng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN (TIẾP THEO)

(ii) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo các hợp đồng sau:

1. Hợp đồng tín dụng từng lần số 42/2016/VCB-KHDN ngày 19 tháng 04 năm 2016 với tổng số hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 09 tháng kể thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Khoản vay để thanh toán các chi phí thi công gói thầu 11 thuộc dự án đường dây 500KV Sông Mây - Tân Uyên theo thỏa thuận hợp đồng xây lắp số 1864/HDXL-VNECO-PCC1 ngày 16 tháng 12 năm 2015. Khoản vay được đảm bảo bằng 04 xe ô tô đã qua sử dụng và 03 lô đất số 78,79,80 đường Thích Quảng Đức, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng theo các hợp đồng thế chấp, cầm cố số 110/NHNT-DN ngày 20 tháng 09 năm 2007 và Hợp đồng thế chấp, cầm cố số 10/2016/VCB-DN ngày 14 tháng 04 năm 2016.
2. Hợp đồng tín dụng từng lần số 117/2016/VCB-KHDN ngày 01 tháng 09 năm 2016 với tổng số hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 đồng (10 tỷ đồng). Thời hạn cho vay là 09 tháng kể thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Khoản vay để thanh toán các chi phí thi công gói thầu 07 - Xây lắp đường dây thuộc dự án đường dây 500KV đầu nối nhà máy Thăng Long theo thỏa thuận hợp đồng xây lắp số 119/ENVNPT/NPM-HDXL-KH ngày 20/07/2016. Khoản vay được đảm bảo bằng 04 xe ô tô đã qua sử dụng và 03 lô đất số 78,79,80 đường Thích Quảng Đức, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng theo các hợp đồng thế chấp, cầm cố số 110/NHNT-DN ngày 20 tháng 09 năm 2007 và Hợp đồng thế chấp, cầm cố số 10/2016/VCB-DN ngày 14 tháng 04 năm 2016.
3. Hợp đồng tín dụng từng lần số 12/2017/VCB-KHDN ngày 13 tháng 01 năm 2017 với tổng số hạn mức tín dụng là 13.500.000.000 đồng (13,5 tỷ đồng). Thời hạn cho vay là 06 tháng kể thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Khoản vay để thanh toán chi phí thu công Gói thầu ADB -FINPC-NRST-W01: Nhánh rẽ vào trạm 200KV Sơn Tây; Cung cấp và lắp đặt vật lắp đường dây không 100KV, tiêu dự án: Nhánh rẽ vào trạm 200KV Sơn Tây, Dự án: Phát triển lưới điện Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh theo thỏa thuận hợp đồng xây lắp số 90HD/HANOI PBMB/ADB-FINPC-NRST-W01 ngày 29 tháng 12 năm 2016. Khoản vay được đảm bảo bằng 04 xe ô tô đã qua sử dụng và 03 lô đất số 78,79,80 đường Thích Quảng Đức, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng theo các hợp đồng thế chấp, cầm cố số 110/NHNT-DN ngày 20 tháng 09 năm 2007 và Hợp đồng thế chấp, cầm cố số 10/2016/VCB-DN ngày 14 tháng 04 năm 2016.
4. Hợp đồng tín dụng từng lần số 14/2017/VCB -KHDN ngày 17 tháng 01 năm 2017 với tổng số hạn mức tín dụng là 22.000.000.000 đồng (22 tỷ đồng). Thời hạn cho vay là 09 tháng kể thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích của khoản vay để thanh toán các chi phí thi công Gói thầu số 11 Xây lắp thuộc Dự án đường dây 200KV Di Linh - Bảo Lộc mạch 2 theo hợp đồng xây lắp số 21.12.2016/PTCC3 - VNECO ngày 21 tháng 12 năm 2016. Khoản vay được đảm bảo bằng 04 xe ô tô đã qua sử dụng và 03 lô đất số 78,79,80 đường Thích Quảng Đức, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng theo các hợp đồng thế chấp, cầm cố số 110/NHNT-DN ngày 20 tháng 09 năm 2007 và Hợp đồng thế chấp, cầm cố số 10/2016/VCB -DN ngày 14 tháng 04 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN (TIẾP THEO)

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo các hợp đồng sau:

1. Hợp đồng tín dụng từng lần số 1482/2016-HĐTDHM/NHCT47-VNECO12 ngày 08 tháng 06 năm 2016 với số tiền vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 11.838.031.137 đồng. Thời hạn cho vay là 06 tháng kể từ điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay 7%/năm.
2. Hợp đồng tín dụng từng lần số 806002620580/2017-HĐCVHM/NHCT470-VNECO12 ngày 07 tháng 06 năm 2017 với số tiền vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 3.065.008.033 đồng. Thời hạn cho vay là 06 tháng kể từ điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay 7%/năm.

(iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk theo các hợp đồng tín dụng tổng số tiền vay là 13.400.000.000 đồng. Thời hạn cho các khoản vay là 08 tháng kể từ thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay 9%/năm.

(v) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương - Chi nhánh Bắc Đà Nẵng theo hợp đồng tín dụng số 03/2016 -HĐTD/NHCT488-VNECO ngày 29 tháng 01 năm 2016 với tổng số tiền là 65.000.000.000 đồng (65 tỷ đồng). Khoản vay để thanh toán cho công trình thi công đường dây điện Gói thầu số 7, Lô 7.3 -Xây lắp đường dây từ vị trí G12-G16"thuộc dự án "Đường dây 50KV TTDL Vĩnh Tân - rẽ Sông Máy - Tân Uyên". Lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 01 lần/tháng. Thời hạn giải ngân trong vòng 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn cho vay các khoản nợ là 09 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 300030265/2015/02 ngày 20 tháng 01 năm 2016.

(vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Vinh theo các hợp đồng sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 01/2017-HĐTD/NHCT442-VNECO 3 ngày 20 tháng 01 năm 2017 với số tiền cho các khoản vay có tổng giá trị không vượt quá 6.000.000.000 đồng. Khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công gói thầu xây lắp đường dây 110 KV và trạm biến áp Bắc A tại huyện Nghĩa Đàn, Nghệ An. Lãi suất vay là lãi suất thả nổi. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ là 5 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
2. Hợp đồng tín dụng số 02/2017-HĐTD/NHCT442-VNECO 3 ngày 23 tháng 01 năm 2017 với số tiền cho các khoản vay có tổng giá trị không vượt quá 7.000.000.000 đồng. Khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công gói thầu dự án hoàn thiện sơ đồ các Trạm biến áp 110 KV của Tổng Công ty điện lực miền Bắc giai đoạn 2. Lãi suất vay là lãi suất thả nổi. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ là 4 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN (TIẾP THEO)

3. Hợp đồng tín dụng số 03/2017-HĐTD/NHCT442-VNECO 3 ngày 17 tháng 03 năm 2017 với số tiền cho các khoản vay có tổng giá trị không vượt quá 2.000.000.000 đồng. Khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công gói thầu dự án lắp máy biến áp T2 trạm biến áp 110 KV Hoàng Hòa và trạm biến áp 110 KV Kỳ Anh công qua tài mùa khô 2017. Lãi suất vay là lãi suất thả nổi. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ là 4 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
4. Hợp đồng tín dụng số 04/2017-HĐTD/NHCT442-VNECO 3 ngày 28 tháng 04 năm 2017 với số tiền cho các khoản vay có tổng giá trị không vượt quá 2.000.000.000 đồng. Khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công gói thầu cải tạo ĐDK 110 KV Hà Đông - Sơn Tây. Lãi suất vay là lãi suất thả nổi. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ là 6 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
5. Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2017-HĐCVHM/NHCT442-VNECO 3 ngày 16 tháng 05 năm 2017. Hạn mức cho vay có tổng giá trị không vượt quá 5.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cột điện, cột, ống bê tông các loại ... Lãi suất vay là lãi suất thả nổi. Thời hạn cho vay kể từ ngày 16 tháng 05 năm 2017 đến ngày 16 tháng 05 năm 2018. Khoản vay được đảm bảo bằng phương tiện vận tải, nhà của vật kiến trúc gắn liền với đất theo hợp đồng thuê đất đã được ký giữa Công ty với Sở tài nguyên môi trường tỉnh Nghệ An, toàn bộ máy móc thiết bị và hàng tồn kho của Công ty với giá trị thể chấp là 39.643.075.751 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÁN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2017				01/01/2017					
	Giá trị		Số có khả năng trả nợ		Tăng		Giảm		Giá trị	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	4.717.839.940	4.717.839.940	3.591.444.000	7.716.580.000	8.842.975.939	8.842.975.939	8.842.975.939	8.842.975.939	8.842.975.939	8.842.975.939
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	2.110.595.940	2.110.595.940	1.584.200.000	2.316.580.000	2.842.975.939	2.842.975.939	2.842.975.939	2.842.975.939	2.842.975.939	2.842.975.939
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân	500.000.000	500.000.000	500.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắc Lắc	1.400.000.000	1.400.000.000	800.000.000	1.200.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Đà Nẵng	-	-	-	2.200.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắc Lắc	707.244.000	707.244.000	707.244.000	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	4.717.839.940	4.717.839.940	3.591.444.000	7.716.580.000	8.842.975.939	8.842.975.939	8.842.975.939	8.842.975.939	8.842.975.939	8.842.975.939
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả (được trình bày ở phần Vay và nợ ngắn)	1.715.760.000	1.715.760.000	-	-	4.093.320.000	4.093.320.000	4.093.320.000	4.093.320.000	4.093.320.000	4.093.320.000
Cộng các khoản vay dài hạn	3.002.079.940	3.002.079.940	3.002.079.940	4.716.580.000	4.749.655.939	4.749.655.939	4.749.655.939	4.749.655.939	4.749.655.939	4.749.655.939

(i) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 232/VCB-KHDN ngày 24 tháng 07 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 3.761.800.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Khoản vay để thanh toán chi phí phát sinh của dự án năng cao năng lực thiết bị thi công. Lãi suất được ghi trên giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn và được điều chỉnh 1 quý/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng lãi sản hình thành từ vốn vay và các tài sản thế chấp cầm cố theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 110/NHNT-DN ngày 20 tháng 09 năm 2007; Hợp đồng thế chấp số 100/NHNT-DN ngày 05 tháng 12 năm 2008; Hợp đồng thế chấp tài sản số 141/2011/VCB-DN ngày 15 tháng 12 năm 2011; Hợp đồng thế chấp tài sản số 140/2015/VCB-DN ngày 14 tháng 07 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP)

- (i) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo các hợp đồng sau (tiếp theo):
 - 2. Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 314/VCB-KHDN ngày 19 tháng 11 năm 2013 với số tiền vay là 430.000.000 đồng. Thời gian vay trong 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để đầu tư 01 xe bán tải Mitsubishi 5 chỗ theo hợp đồng kinh tế số 36/1310/HDKT ngày 29 tháng 10 năm 2013. Lãi suất được ghi trên giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn và được điều chỉnh 1 quý/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thành từ khoản vay và theo hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường số bộ 172/2013/VCB-DN và phụ lục I kèm theo ngày 19 tháng 11 năm 2013 và các tài sản thế chấp cầm cố theo Hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản số 110/NHNT-DN ngày 20 tháng 09 năm 2007; Hợp đồng thế chấp tài sản số 141/2011/VCB-DN ngày 15 tháng 12 năm 2011; Hợp đồng thế chấp tài sản số 100/NHN -DN ngày 05 tháng 12 năm 2008.
 - 3. Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 81/2012/VCB-KHDN ngày 06 tháng 04 năm 2012 với số tiền vay là 297.300.000 đồng. Thời hạn vay trong 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích khoản vay để thanh toán tiền mua xe tải cầu tự hành theo Hợp đồng kinh tế số 06-2012/SMC ngày 23 tháng 03 năm 2012. Lãi suất được ghi trên giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn và được điều chỉnh 1 quý/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thành từ khoản vay theo hợp đồng thế chấp số 113/2012/VCB-DN ngày 25 tháng 06 năm 2012.
- (ii) Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân theo Hợp đồng tín dụng số 02/2015/242753/HDTD ngày 09 tháng 06 năm 2015 với tổng số tiền là 3.885.000.000 đồng. Thời hạn vay trong vòng 03 năm kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Khoản vay để mua 01 xe ô tô Mercedes Gl.400 và 02 xe ô tô Toyota Hilux 3.0 phục vụ điều hành quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay trong hạn bằng lãi suất tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng sau niêm yết tại Ngân hàng cộng phí ngân hàng cố định là 2,5%/năm, được điều chỉnh 06 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iii) Khoản vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo hợp đồng tín dụng số 16.55.0087/2016-HDRTL.NHCTS02-VNECO8 ngày 11 tháng 05 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 2.000.000.000 đồng. Khoản vay để đầu tư mua sắm phương tiện vận tải. Thời hạn vay vốn là 60 tháng kể từ thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay là 8,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng các phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay.
- (iv) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Bắc Đà Nẵng theo hợp đồng tín dụng số 04112015/HDTD ngày 28 tháng 09 năm 2012 với tổng số tiền là 10.000.000.000 đồng. Thời hạn vay trong vòng 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Khoản vay để đầu tư dự án Khách sạn Xanh Đà Nẵng. Lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất hằng năm được xác định theo thông báo của ngân hàng tại thời điểm xác định lãi suất cho vay, được điều chỉnh 01 lần/tháng. Lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bởi hình thức thế chấp quyền sử dụng đất tại địa chỉ 64 Hoàng Văn Thái, Phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM
Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.715.760.000	4.093.320.000
Trong năm thứ hai	1.008.508.000	1.654.910.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.993.571.940	3.094.745.939
Cộng	4.717.839.940	8.842.975.939
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	1.715.760.000	4.093.320.000
Số phải trả sau 12 tháng	3.002.079.940	4.749.655.939

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Vốn khác của chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	823.575.050.000	-	2.529.967.267	4.419.831.617	-	-	322.666.438.147	17.487.711.874	26.248.296	131.445.578.179	50.022.595.973	997.240.545.059	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	2.675.223.526	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-	432.022.267	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng Ban	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ thuộc VCSH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tra cổ tức	80.754.480.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Theo dõi tại Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(1.497.838.892)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(2.677.337)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.677.337)
Số dư tại ngày 31/12/2016	904.329.530.000	-	2.527.289.930	7.095.055.143	-	-	(322.666.438.147)	16.421.895.249	64.686.481	48.779.633.005	31.010.575.851	977.962.227.512	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Mua cổ phiếu quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	(58.207.138.139)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tra cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2017	904.329.530.000	-	2.527.289.930	7.095.055.143	-	-	(90.473.576.286)	16.680.299.459	112.199.003	67.738.575.547	28.858.458.299	936.867.831.095	-	-	-	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

b. Cổ phiếu

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>Cổ phần</u>	<u>Cổ phần</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	90.432.953	90.432.953
- Cổ phiếu phổ thông	90.432.953	90.432.953
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	8.498.920	1.598.920
- Cổ phiếu phổ thông	8.498.920	1.598.920
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	81.934.033	88.834.033
- Cổ phiếu phổ thông	81.934.033	88.834.033
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/Cổ phần

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Tổng Công ty có trụ sở đặt tại số 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Toàn bộ hoạt động của Tổng Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Tổng Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 03 (ba) bộ phận hoạt động: bộ phận kinh doanh xây lắp, bộ phận kinh doanh bất động sản và bộ phận khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

23. Bộ phận bộ phận (Tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	Hoạt động kinh doanh Bất động sản VND	Hoạt động xây lắp VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	746.199.072.037	388.001.012.210	11.196.517.057	1.145.396.601.304
Tài sản không phân bổ				413.132.011.990
Tổng tài sản				1.558.528.613.294
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	119.441.303.977	77.431.696.502	150.515.893.933	347.388.894.412
Nợ phải trả không phân bổ				274.271.887.787
Tổng nợ phải trả				621.660.782.199

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01 tháng 01 năm 2017:

	Hoạt động kinh doanh Bất động sản VND	Hoạt động xây lắp VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	460.920.097.448	663.527.784.086	293.104.732.635	1.417.552.614.169
Tài sản không phân bổ				114.320.856.975
Tổng tài sản				1.531.873.471.144
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	67.924.061.888	282.578.022.475	26.506.443.704	377.008.528.067
Nợ phải trả không phân bổ				176.902.715.565
Tổng nợ phải trả				553.911.243.632

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

23. Bộ phận bộ phận (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	Hoạt động kinh doanh	Hoạt động	Hoạt động khác	Tổng cộng
	Bất động sản VND	xây lắp VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	259.246.777.461	570.581.559.141	79.004.239.158	908.832.575.760
Tổng doanh thu	259.246.777.461	570.581.559.141	79.004.239.158	908.832.575.760
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	108.572.180.604	515.866.836.391	72.875.536.141	697.314.553.136
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận				211.518.022.624
Chi phí không phân bổ				118.090.497.060
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				93.427.525.564
Phần lợi nhuận trong các công ty con, công ty liên kết				862.981.410
Doanh thu từ các khoản đầu tư				14.466.466.554
Lợi nhuận khác				3.017.478.419
Chi phí tài chính				14.111.590.274
Lợi nhuận trước thuế				97.662.861.673
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				32.289.716.878
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				(443.925.189)
Lợi nhuận trong năm				65.817.069.984

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

23. Bộ phận bộ phận (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	Hoạt động kinh doanh	Hoạt động	Hoạt động khác	Tổng cộng
	Bắt đầu sản VND	xây lắp VND	VND	VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	196.337.054.746	491.195.962.985	86.648.790.827	774.181.808.558
Tổng doanh thu	196.337.054.746	491.195.962.985	86.648.790.827	774.181.808.558
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	174.337.995.182	403.690.348.909	79.436.025.778	657.444.369.869
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận				116.737.438.689
Chi phí không phân bổ				74.543.113.289
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				42.194.325.400
Phần lợi nhuận trong các công ty con, công ty liên kết				(1.922.579.750)
Doanh thu từ các khoản đầu tư				12.584.057.449
Lợi nhuận khác				(9.282.347.888)
Chi phí tài chính				33.368.464.373
Lợi nhuận trước thuế				10.204.990.838
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				14.278.844.041
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				(9.554.197.377)
Lợi nhuận trong năm				5.480.344.174

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	908.832.575.760	774.688.808.558
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	40.630.294.486	34.214.531.036
- Doanh thu cung cấp xây lắp	570.581.559.141	491.195.962.985
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	259.246.777.461	196.337.054.746
- Doanh thu hợp đồng dịch vụ	37.920.396.426	44.531.511.684
- Doanh thu khác	453.548.246	8.409.748.107
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	507.000.000
- Hàng bán bị trả lại	-	507.000.000
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	908.832.575.760	774.181.808.558

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn bán hàng hòa	32.144.683.667	23.773.624.624
Giá vốn hoạt động xây lắp	515.866.836.391	403.690.348.909
Giá vốn kinh doanh Bất động sản	108.572.180.604	174.317.995.182
Giá vốn cung cấp dịch vụ	39.560.459.157	44.871.921.399
Giá vốn khác	1.229.014.907	8.865.860.180
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(58.621.590)	(75.380.425)
Cộng	697.314.553.136	657.444.369.869

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.651.706.391	3.130.650.271
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư	1.180.114.682	3.346.104.914
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.407.656.372	6.098.552.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	474.416	8.750.264
Doanh thu hoạt động mua bán chứng khoán	2.226.064.693	-
Doanh thu tài chính khác	450.000	-
Cộng	14.466.466.554	12.584.057.449

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	14.338.480.117	23.310.019.660
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	1.430.000	183.276.857
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.656.741	-
Lỗ chuyển nhượng chứng khoán	-	8.389.262.893
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(248.728.075)	1.483.838.568
Chi phí tài chính khác	13.751.491	2.066.395
Cộng	14.111.590.274	33.368.464.373

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	30.980.729.379	31.657.398.349
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.356.918.983	3.039.261.466
Khấu hao tài sản cố định	2.633.629.174	3.416.497.719
Thuế, phí, lệ phí	1.378.562.695	4.319.119.543
Chi phí dự phòng	50.512.267.823	550.958.174
Dịch vụ mua ngoài	8.295.013.184	14.793.772.193
Chi phí bằng tiền khác	19.552.488.091	12.419.616.849
Cộng	115.709.609.329	70.196.624.293

6. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.770.249.764	617.264.306
Hoàn nhập bảo hành công trình	1.307.317.022	3.321.209.371
Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	244.653.000	2.000.000.000
Thu nhập khác từ xử lý công nợ khó đòi	-	418.010.294
Thu từ cho thuê mặt bằng	1.738.692.260	1.210.754.542
Chênh lệch phân định giá trị góp vốn vào Công ty TNHH Lãng Cô - Trùng Phương	6.060.188.313	-
Thu nhập khác	1.255.451.910	1.862.381.567
Cộng	12.376.552.269	9.429.620.080

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**7. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Xử lý hàng tồn kho	-	15.829.365.200
Chi phí công trình không quyết toán	1.673.241.274	560.012.834
Phạt do vi phạm hợp đồng	5.491.920.925	-
Phạt hành chính do chậm kê khai nộp thuế hộ người nước ngoài	12.113.848	-
Thanh lý vật tư, công cụ dụng cụ	82.361.605	326.013.627
Các khoản chi khác	2.099.436.198	1.996.576.307
Cộng	9.359.073.850	18.711.967.968

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành tại công ty mẹ	30.544.439.453	6.862.701.236
Chi phí thuế thu nhập hiện hành tại công ty con	1.745.277.425	7.416.142.805
Cộng	32.289.716.878	14.278.844.041

9. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	63.493.015.119	10.081.699.705
Các khoản điều chỉnh	4.444.511.058	2.665.687.576
<i>Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính (*)</i>	<i>4.444.511.058</i>	<i>2.665.687.576</i>
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	59.048.504.061	12.747.387.281
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	88.076.664	88.834.033
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	670	143
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

Chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" trên Báo cáo Kết quả Kinh doanh năm 2016 được điều chỉnh lại do số liệu trên Báo cáo Kiểm toán năm 2016 của Công ty chưa loại trừ số trích quỹ khen thưởng phúc lợi khi tính Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.

- (*) Quỹ khen thưởng phúc lợi để tính lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông năm 2017 được tính theo tỷ lệ trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016 trên Báo cáo tài chính của Công ty mẹ với tỷ lệ là 7% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

Quỹ khen thưởng phúc lợi để tính lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông năm 2016 được tính theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ/VNECO-DHDCD ngày 24 tháng 03 năm 2017 của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**10. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	203.463.413.636	165.599.142.601
Chi phí nhân công	94.162.976.167	94.309.905.816
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.943.385.000	14.184.138.138
Chi phí dịch vụ mua ngoài	469.644.592.731	402.337.132.654
Chi phí khác bằng tiền	50.320.855.530	42.703.730.418
Cộng	830.535.223.063	719.134.049.627

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2

Công ty liên kết

Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7

Công ty liên kết

Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10

Công ty liên kết

Các cá nhân là thành viên Hội đồng Quản trị; Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm 2017 (chi tiết xem tại Trang 2 - Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc)

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
a. Mua hàng	72.535.010.215	70.940.122.021
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	11.526.557.078	20.942.255.955
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	6.105.045.465	22.688.128.055
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	54.903.407.672	27.309.738.011
b. Bán hàng	-	1.286.947.941
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	-	1.172.954.448
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	-	113.993.493
c. Nhận cổ tức	1.937.400.000	1.808.150.000
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	1.577.400.000	1.358.150.000
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	360.000.000	450.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ:

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn	647.334.374	1.844.915.254
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	647.334.374	1.686.442.412
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	-	146.472.842
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	-	12.000.000
b. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	18.044.741.190	25.845.027.546
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	10.047.566.895	15.400.813.697
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	1.140.713.433	909.914.740
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	6.856.460.862	9.534.299.109
c. Phải trả ngắn hạn khác	320.957.342	653.437.342
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	320.957.342	653.437.342

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc	3.358.965.000	1.959.544.000
Ông Ngô Văn Cường	708.797.000	501.490.000
Ông Nguyễn Tịnh	523.740.000	477.286.000
Ông Trần Văn Huy	504.677.000	477.286.000
Ông Lê Văn Khôi	510.424.000	49.606.000
Ông Mai Anh Hoàng	251.704.000	-
Ông Phan Anh Quang	509.858.000	453.876.000
Ông Phạm Hữu Minh Huy	111.102.000	-
Ông Trần Quang Cần	238.663.000	-
Thù lao Hội đồng quản trị	958.684.000	1.137.494.000
Ông Đoàn Đức Hồng	464.351.000	696.404.000
Ông Đặng Trọng Ngón	21.913.000	96.000.000
Ông Ngô Văn Cường	35.000.000	-
Ông Phan Anh Quang	60.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Tịnh	60.000.000	60.000.000
Ông Trương Phước Nghĩa	33.810.000	60.000.000
Ông Lê Thanh Hồng	140.277.000	60.000.000
Ông Lê Mạnh Hùng	60.000.000	9.090.000
Ông Phan Trịnh Anh Tuấn	33.333.000	60.000.000
Ông Nguyễn Đậu Tháo	25.000.000	-
Ông Trần Quang Cần	25.000.000	-
Thù lao Ban Kiểm soát	331.562.857	261.094.564
Ông Lê Chí Dũng	274.848.857	189.094.564
Ông Lê Minh Tuấn	36.000.000	36.000.000
Bà Nguyễn Thị Thủy Vinh	20.714.000	36.000.000
Cộng	4.649.211.857	3.358.132.564

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THỨC NIÊN ĐỘ

Theo Quyết định số 05QĐ/VNECO - HDQT ngày 05 tháng 02 năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty quyết định thành lập Công ty TNHH MTV Điện mặt trời VNECO - Vĩnh Long với vốn điều lệ là 100.000.000.000 đồng.

4. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Võ Quang
Người lập biểu
Ngày 30 tháng 03 năm 2018

Trần Quang Cần
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Hồng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam ban hành 02 Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính quốc tế, đã được công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và đăng tải trên website Tổng Công ty theo địa chỉ:

vneco.com.vn/Investors/AnnualReport/2017/Kiemtoan/VP/VNE_BCTC_TONGHOP_2017%20BH.pdf





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM



Đà Nẵng, ngày 19 tháng 4 năm 2018

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



ĐOÀN ĐỨC HỒNG



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM - VNECO

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Số điện thoại: (+84) 236 356 2361
Fax: (+84) 236 356 2367
Website: www.vneco.com.vn

VIETNAM ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION

Address: No. 344, Phan Chau Trinh Street, Binh Thuan Ward, Hai Chau District, Da Nang City
Telephone: (+84) 236 356 2361 Fax: (+84) 236 356 2367 Website: www.vneco.com.vn